Kinh tạng Pali

(Pali Nikaya)

HT. THÍCH MINH CHÂU

Việt dịch

Ấn bản năm 1991

Phân loại theo chủ đề:

CHƠN TÍN TOÀN

NIKAYA PHÂN LOẠI - CHỦ ĐỀ 089

CHÁNH TRÍ

089

Chịu trách nhiệm chính tả:

TÂM MINH ANH

Ấn bản điện tử 2018

MỤC LỤC

DẪN NHẬP

1. *Lời giới thiệu*

- *Sau khi nhận thấy tính thực tế, gần gũi, dễ hiểu và trí tuệ tuyệt diệu trong những bài kinh của bộ ĐẠI TẠNG KINH VIỆT NAM do Hoà Thượng Thích Minh Châu dịch trực tiếp từ Kinh Tạng Pali, chúng tôi nhận thấy rằng những bộ kinh này là những thực tế tuyệt diệu trong cuộc sống và nếu những bài kinh này không được tiếp cận và áp dụng trong cộng đồng Phật tử thì thật là một thiệt thòi cho những người con của Phật.*
- *Ví như một người khi nếm được hương vị tuyệt vời của một chiếc bánh ngon, lòng nghĩ tới những người thân thương của mình và đem đến mời họ cùng ăn với mình, đó chính là tâm niệm của chúng tôi khi thực hiện công việc này. Chúng tôi với tấm lòng chân thành sâu sắc cầu mong cho mọi người cùng có thể tiếp cận được với Kinh Tạng Pali (kinh Nikaya) và tìm được chân đứng trong bộ kinh này.*
- *Vì vậy, nhằm giới thiệu bộ kinh Nikaya đến với cộng đồng Phật tử ở khắp nơi và nhằm giúp cho quý đạo hữu dễ dàng tiếp cận với kinh Nikaya nên trong phiên bản vi tính này chúng tôi đã mạo muội cẩn thận* ***đánh***

***dấu,* tô màu** *những điểm căn bản và trọng tâm trong các bài kinh để quý đọc giả có thể nhanh chóng nắm hiểu được nội dung, ý nghĩa và những điểm quan trọng của bài kinh. Công việc này đã được chúng tôi thực hiện dựa trên sự thấy biết và kinh nghiệm thực hành của bản thân, quý đạo hữu cố gắng đọc đi đọc lại và suy nghiệm kỹ từng lời kinh rồi đem áp dụng thực hành để có thể tự mình thành tựu Tuệ giác như Đức Phật đã chỉ dạy.*

2. ***Lợi ích của việc nghiên cứu học hỏi bộ kinh này là gì?***

- *Đi thẳng vào lời dạy của Đức Phật, tiếp cận trực tiếp với những lời dạy nguyên chất của Đức Phật khi Ngài còn tại thế, tránh được sự truyền tải ý nghĩa giáo pháp có khi đúng, có khi lệch của các vị này vị kia, tránh được việc đến với đạo Phật nhưng nhìn nhận và hiểu biết đạo Phật thông qua lăng kính của người khác.*

- *Biết được với những sự kiện đã từng xảy ra trong thời kỳ Đức Phật còn tại thế như: hoàn cảnh xã hội thời đó, đời sống thực tế của Đức Phật và các cuộc thuyết giảng Chánh Pháp của Ngài.*

- *Trí tuệ được mở rộng, biết được đôi phần về trí tuệ thâm sâu vi diệu của Đức Phật qua các bài thuyết*

giảng của Ngài và qua các cuộc cật vấn, chất vấn của ngoại đạo.

– *Được làm quen với các Pháp học và Pháp hành mà Đức Phật đã trình bày dưới nhiều hình thức đa dạng khác nhau. Học hỏi được nhiều cách tu tập, nhiều phương diện tu tập, không bị hạn chế bó buộc trong một phương diện tu tập theo một trường phái nào.*

– *Có được một cái nhìn trực tiếp, trực diện đối với Chánh Pháp, giúp cho người tu tập không đi lệch ra ngoài Chánh Pháp, không làm uổng phí thời gian và công sức mà người tu tập đã bỏ ra để nghiên cứu tìm hiểu học hỏi và thực hành Phật Pháp, giúp cho nhiệt tình và ước nguyện của người tu học chân chánh được thành đạt, có kết quả tốt đẹp và lợi ích thiết thực ngay trong đời sống hiện tại.*

– *Có được đầy đủ những phương tiện để thực hiện Pháp học vàPháp hành, biết rõ những gì mình cần phải làm trên con đường đi đến sự chấm dứt khổ đau.*

– *Trong khi đọc, nghe, nghiên cứu, học hỏi các bản kinh thì tâm được an trú vào trong Chánh Tri Kiến, tham sân si được vắng mặt trong lúc ấy, tâm được an trú vào trong Chánh Pháp.*

- *Ngay trong hiện tại gieo kết được những thiện duyên tốt lành đối với Chánh Pháp của Đức Phật, có thể thẳng tiến đến việc tu tập sự giải thoát sanh tử ngay trong kiếp hiện tại. Nhưng nếu ngay trong hiện tại không đạt được sự giải thoát thì những thiện duyên này sẽ giúp được cho các đời sau: khi được sanh ra, tâm luôn hướng về sự tìm cầu Chánh Pháp, yêu thích tìm kiếm những lời dạy nguyên gốc của Đức Phật, và đồng thời tâm cũng luôn hướng về sự không ưa thích đối với các tà Pháp, tránh xa các tà thuyết không chân chánh, không có cảm xúc cảm tình đối với các tà đạo, tránh được các con đường tu tập sai lệch làm uổng phí công sức và tâm nguyện của người tu tập mà vẫn không đạt được sự giải thoát khổ đau.*

- *Trong quá trình học hỏi nghiên cứu cẩn thận các bản kinh này thì Chánh Tri Kiến đi đến thành tựu đầy đủ, Giới Hạnh đi đến thành tựu đầy đủ, ba kiết sử Thân Kiến, Hoài Nghi, Giới Cấm Thủ được đoạn tận, chứng được Dự Lưu Quả, là bậc Dự Lưu, chỉ còn tái sanh tối đa là bảy lần giữa chư Thiên và loài người, không còn bị đọa vào trong các đường ác sanh như địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.*

- *Khi thân hoại mạng chung nếu bị thất niệm, tâm không được tỉnh giác, thì khi tái sanh đời sau, lúc đầu*

không nhớ được đạo pháp, nhưng sau đó sẽ có những nhân duyên đưa đến giúp cho tâm trí từ từ nhớ lại và tiếp tục tu tập trong vòng tối đa bảy lần tái sanh là sẽ đi đến sự chứng đạt được tâm hoàn toàn tịch lặng thoát ly sanh tử, thoát ly đau khổ, thoát khỏi mọi ràng buộc, phiền não đối với ***năm thủ uẩn.***

3. Lòng tri ân

- *Chúng ta, những người đến với đạo thoát ly sanh tử của Đức Phật sau khi Ngài nhập diệt đã trên 2500 năm, nhưng may mắn quá lớn cho chúng ta đó là việc chúng ta vẫn còn được thấy, được gặp, được học hỏi và được hành trì theo những bản kinh nguyên chất truyền thống của Đức Phật. Xin hạnh phúc tri ân sự may mắn này của mình và xin chân thành vô lượng cung kính tri ân Hòa Thượng Thích Minh Châu, người đã bỏ nhiều thời gian, nhiều tâm huyết để làm cho Chánh Pháp được sáng tỏ đối với những người con của Đức Phật tại Việt Nam.*
- *Xin chân thành cung kính cúi đầu tri ân Hoà Thượng - vị ân sư của Phật tử Việt Nam.*

Pháp quốc, ngày 05 tháng 07 năm 2014

Người trình bày - Chơn Tín Toàn

1 Định nghĩa - Lậu tận trí - Kinh TỰ HÀNH HẠ MÌNH – Tăng II, 214

TỰ HÀNH HẠ MÌNH – *Tăng* II, 214

1.- Này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người này có mặt, hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người tự hành khổ mình, chuyên tâm hành khổ mình.
- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người tự hành khổ người, chuyên tâm hành khổ người.
- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người tự hành khổ mình, chuyên tâm hành khổ mình, và hành khổ người, chuyên tâm hành khổ người.
- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người không hành khổ mình, không chuyên tâm hành khổ mình. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người không hành khổ người, không chuyên tâm hành khổ người.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người không hành khổ mình, không chuyên tâm hành khổ mình, không hành khổ người, không chuyên tâm hành khổ người. Hạng người ấy không hành khổ mình, không hành khổ người, hiện tại sống không tham ái, tịch tịnh,

cảm thấy mát lạnh, cảm giác lạc thọ, tự ngã trú vào phạm thể.

2. *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người tự hành khổ mình, chuyên tâm tự hành khổ mình?*

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người sống lõa thể, sống phóng túng không theo lễ nghi, liếm tay cho sạch, đi khất thực không chịu bước tới, đi khất thực không chịu đứng một chỗ, không nhận đồ ăn mang đến, không nhận đồ ăn dành riêng, không nhận mời đi ăn, không nhận từ nơi miệng nồi, không nhận từ nơi miệng chảo, không nhận tại ngưỡng cửa, không nhận giữa những cây gậy, không nhận giữa những cối giã gạo, không nhận từ hai người đang ăn, không nhận từ người đàn bà có thai, không nhận từ người đàn bà đang cho con bú, không nhận từ người đàn bà đang đi đến giữa người đàn ông, không nhận đồ ăn đi quyên, không nhận tại chỗ có chó đứng, không nhận tại chỗ có ruồi bu, không ăn cá, không ăn thịt, không uống rượu nấu, rượu men, không uống nước cháo. Vị ấy chỉ nhận ăn tại một nhà hay chỉ nhận ăn một miếng, hay vị ấy chỉ nhận ăn tại hai nhà hay chỉ nhận ăn hai miếng, … hay vị ấy chỉ nhận ăn tại bảy nhà hay chỉ nhận ăn bảy miếng. Vị ấy nuôi sống chỉ với một bát, nuôi sống chỉ với hai bát … nuôi sống chỉ với bảy bát. Vị ấy chỉ ăn một ngày một bữa, hai ngày

một bữa, bảy ngày một bữa. Như vậy, vị ấy sống theo hạnh tiết chế ăn uống, cho đến nửa tháng mới ăn một lần. Vị ấy chỉ ăn cỏ hoang, ăn lúa tắc, ăn lúa hoang, ăn da vụn, ăn rong nước, ăn bọt tấm, ăn váng gạo, ăn bột vừng, ăn cỏ hay ăn phân bò. Vị ấy ăn trái cây, ăn rễ cây trong rừng, ăn trái câu rụng để sống. Vị ấy mặc vải gai thô, vải gai thô lẫn các vải khác, mặc vải tẩn liệm, rồi quăng đi, mặc vải phấn tảo y, mặc vải vỏ cây tirita làm áo, mặc da con sơn dương đen, mặc áo bện từ từng mảnh da con sơn dương đen, mặc áo bằng vỏ cát tường, mặc áo bằng vỏ cây, mặc áo bằng tấm gỗ nhỏ, mặc áo bằng tóc bện lại thành mền, mặc áo bằng đuôi ngựa bện lại, mặc áo bằng lông cú. Vị ấy là người sống nhổ râu tóc, là người sống theo hạnh nhổ râu tóc, là người theo hạnh thường đứng, từ bỏ chỗ ngồi, là người ngồi chò hỏ, chuyên sống theo hạnh ngồi chò hỏ một cách tinh tấn, là người dùng gai làm giường, thường nằm ngủ trên giường gai, sống một đêm tắm ba lần, theo hạnh xuống nước tắm (để gột sạch tội lỗi). Như vậy, dưới nhiều hình thức, vị ấy sống tự hành khổ mình. Như vậy, này các Tỷ-kheo, đây gọi là hạng người tự hành khổ mình, chuyên tâm tự hành khổ mình.

3. *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người hành khổ người, chuyên tâm hành khổ người?*

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người là người giết trâu, bò, là người giết heo, là người giết vịt, săn thú, là thợ săn, người đánh cá, ăn trộm, người xử tử các người ăn trộm, cai ngục và các người làm các nghề ác độc khác. Như vậy, này các Tỷ-kheo, đây gọi là hạng người hành khổ người, chuyên tâm hành khổ người.

4. *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người vừa hành khổ mình, chuyên tâm tự hành khổ mình, vừa hành khổ người, chuyên tâm tự hành khổ người?*

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người làm vua, thuộc giai cấp Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh, hay một vị Bà-la-môn triệu phú. Vị này cho xây một giảng đường về phía đông thành phố, cạo bỏ râu tóc, đắp áo da khô, toàn thân bôi thục tô và dầu, gãi lưng với một sừng nai, đi vào giảng đường với người vợ chính và một Bà-la-môn tế tự. Rồi vị ấy nằm xuống dưới đất trống trơn chỉ có lá cỏ. Vị vua sống với sữa từ vú một con bò cái, có con bò con cùng một màu sắc. Bà vợ chính sống với sữa từ vú thứ hai; và Bà-la-môn tế tự sống với sữa từ vú thứ ba, sữa từ vú thứ tư thường dùng để tế lửa. Còn con nghé con sống với đồ còn lại. Vua nói như sau: "Hãy giết một số bò đực để tế lễ, hãy giết một số nghé đực để tế lễ, hãy giết một số nghé cái để tế lễ, hãy giết một số dê để tế lễ, hãy giết một số cừu để tế lễ, hãy giết một số ngựa để tế lễ,

hãy chặt một số thân cây để làm cột tế lễ, hãy thâu lượm một số cỏ dabbha để làm chỗ tế lễ. Và những người nô tỳ, những người phục vụ, những người làm công, những người này vì sợ đòn gậy, vì sợ nguy hiểm, với mặt tràn đầy nước mắt, khóc lóc làm các công việc. Như vậy, này các Tỷ-kheo, đây gọi là hạng người vừa hành khổ mình, chuyên tâm tự hành khổ mình, vừa hành khổ người, chuyên tâm tự hành khổ người.

5. *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người vừa không hành khổ mình, không chuyên tâm tự hành khổ mình, vừa không hành khổ người, không chuyên tâm tự hành khổ người, hạng người này không tự hành khổ mình, không hành khổ người, hiện tại sống không tham ái, tịch tịnh, cảm thấy mát lạnh, cảm thấy lạc thọ, tự ngã trú vào Phạm thể.*

6. Ở đây, Như Lai xuất hiện ở đời là bậc A-la-hán, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều ngự Trượng phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Như Lai sau khi tự mình chứng ngộ với thắng trí, thế giới này với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, gồm cả thế giới này với Sa-môn, Bà-la-môn, Thiên, Nhơn, lại tuyên bố bốn điều Ngài đã chứng ngộ. Ngài thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện đầy đủ văn, đầy đủ

nghĩa. Ngài truyền dạy Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ thanh tịnh. Người gia trưởng hay con của người gia trưởng, hay một người sanh ở giai cấp hạ tiện nghe pháp ấy. Sau khi nghe pháp, người ấy sanh lòng tin ở Như Lai.

7. Khi có được lòng tin ấy, người ấy suy nghĩ: ***"Gò bó là đời sống gia đình, con đường đầy những bụi đời. Đời sống xuất gia phóng khoáng như hư không. Thật không dễ gì cho một người sống ở gia đình có thể sống theo Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ, hoàn toàn thanh tịnh, trắng bạch như vỏ ốc. Vậy ta nên cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình".*** Một thời gian sau, người ấy từ bỏ tài sản nhỏ hay từ bỏ tài sản lớn, bỏ bà con quyến thuộc nhỏ hay bỏ bà con quyến thuộc lớn, cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, và xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

8. Vị ấy xuất gia như vậy, hành trì các học giới và hạnh sống của các vị Tỳ-kheo,

- Vị ấy đoạn tận sát sanh, từ bỏ sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tàm quý, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc tất cả chúng sanh và loài hữu tình.
- Vị ấy đoạn tận lấy của không cho, từ bỏ lấy của không cho, chỉ lấy những vật đã cho, chỉ mong

những vật đã cho, tự sống thanh tịnh, không có trộm cướp.

- Vị ấy đoạn tận đời sống không Phạm hạnh, sống theo Phạm hạnh, sống đời sống viễn ly, tránh xa dâm dục hạ liệt.
- Vị ấy đoạn tận nói láo, từ bỏ nói láo, nói những lời chân thật, liên hệ đến sự thật, chắc chắn, đáng tin cậy, không lường gạt đời.
- Vị ấy đoạn tận nói hai lưỡi, từ bỏ nói hai lưỡi, nghe điều gì ở chỗ này, không đến chỗ kia nói để sanh chia rẽ ở những người kia. Như vậy, vị này sống hòa hợp những kẻ ly gián, khuyến khích những kẻ hoà hợp, hoan hỷ trong hòa hợp, thích thú trong hòa hợp hân hoan trong hòa hợp, nói những lời đưa đến hòa hợp.
- Vị ấy đoạn tận lời nói độc ác, từ bỏ lời nói độc ác, nói những lời dịu hiền, đẹp tai, dễ thương, thông cảm đến tâm, tao nhã, đẹp lòng nhiều người, vị ấy nói những lời như vậy.
- Vị ấy từ bỏ lời nói phù phiếm, tránh xa lời nói phù phiếm, nói đúng thời, nói chân thật, nói liên hệ đến nghĩa, nói Pháp, nói Luật, nói những lời đáng giữ gìn, những lời hợp thời, thuận lý, có mạch lạc hệ thống, có ích lợi.

9. Vị ấy từ bỏ không làm hại đến các loại hạt giống cây cỏ, dùng một ngày một bữa, không ăn ban đêm,

từ bỏ các món ăn phi thời; từ bỏ không đi xem múa, hát, nhạc, các cuộc trình diễn; từ bỏ không dùng giường cao và giường lớn; từ bỏ không nhận vàng và bạc; từ bỏ không nhận các hạt sống; từ bỏ không nhận thịt sống; từ bỏ không nhận đàn bà con gái; từ bỏ không nhận nô tỳ gái và trai; từ bỏ không nhận cừu và dê; từ bỏ không nhận gia cầm và heo; từ bỏ không nhận voi, bò, ngựa và ngựa cái; từ bỏ không nhận ruộng nương đất đai; từ bỏ không dùng người làm môi giới, hoặc tự mình làm người đưa tin; từ bỏ không buôn bán; từ bỏ các sự gian lận bằng cân, tiền bạc và đo lường; từ bỏ các tà hạnh như hối lộ, gian trá, lừa đảo, gạt lường; từ bỏ không làm thương tổn, sát hại, câu thúc, cướp đường, cướp giật, cưỡng đoạt.

10. Vị ấy sống biết đủ, bằng lòng với tâm y để che thân, với đồ ăn khất thực để nuôi bụng, đi tại chỗ nào cũng mang theo (y và bình bát), như con chim bay đến chỗ nào cũng mang theo hai cánh. Cũng vậy, Tỳ-kheo bằng lòng với tâm y để che thân, với đồ ăn khất thực để nuôi bụng, đi tại chỗ nào cũng mang theo. Vị ấy thành tựu **Thánh giới uẩn** này, nội tâm hưởng lạc không có lỗi lầm.

11. Khi mắt thấy sắc, vị ấy không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Do nguyên nhân gì khiến nhãn căn này không được chế ngự, khiến

tham ái, ưu bi, các bất thiện pháp khởi lên, vị ấy tự chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì nhãn căn, thực hành sự hộ trì nhãn căn. Vị ấy thành tựu **Thánh hộ trì các căn** này, nội tâm hưởng vô uế lạc.

12. Vị ấy khi đi tới, khi đi lui đều tỉnh giác; khi nhìn thẳng, khi nhìn quanh đều tỉnh giác; khi co tay, khi duỗi tay đều tỉnh giác; khi mang y kép, bình bát, thượng y đều tỉnh giác; khi ăn, uống, nhai, nếm đều tỉnh giác; khi đi đại tiện, tiểu tiện đều tỉnh giác; khi đi, đứng, ngồi, nằm, thức, nói, yên lặng đều tỉnh giác.

13. Vị ấy thành tựu **Thánh giới uẩn** này, thành tựu **Thánh chánh niệm tỉnh giác** này (thành tựu **Thánh biết đủ** này), lựa một trú xứ thanh vắng như khu rừng, gốc cây, đồi, núi, khe nước, hang đá, bãi thời hạn ma, rừng rậm, ngoài trời, đống rơm. Sau khi ăn xong và đi khất thực trở về, vị ấy ngồi kiết-già, lưng thẳng tại chỗ nói trên, và an trú chánh niệm trước mặt.

- Vị ấy đoạn tận tham ái ở đời, sống với tâm thoát ly tham ái, gột rửa tâm hết tham ái.
- Đoạn tận sân hận, vị ấy sống với tâm không sân hận, lòng từ mẫn thương xót tất cả chúng hữu tình, gột rửa tâm hết sân hận.
- Đoạn tận hôn trầm thụy miên, vị ấy sống thoát ly hôn trầm thụy miên, với tâm tưởng hướng về

ánh sánh, chánh niệm tỉnh giác, gột rửa tâm hết hôn trầm thụy miên.

- Đoạn tận trạo cử hối quá, vị ấy sống không trạo cử hối quá, nội tâm trầm lặng, gột rửa hết tâm trạo cử, hối quá.
- Đoạn tận nghi ngờ, vị ấy sống thoát khỏi nghi ngờ, không phân vân lưỡng lự, gột rửa tâm hết nghi ngờ đối với pháp thiện.

14. Vị ấy, sau khi đoạn tận năm triền cái này, các pháp làm tâm cấu uế, làm trí tuệ trở thành yếu ớt:

- Vị ấy ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tầm với tứ.
- Vị ấy diệt tầm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm.
- Vị ấy ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và an trú Thiền thứ ba.
- Vị ấy xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và an trú Thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh.

15. Với tâm định tĩnh, thanh tịnh, tinh khiết, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử

dụng, vững chắc, bất động như vậy, vị ấy hướng tâm đến lậu tận trí. Vị ấy biết như thật: **"Đây là khổ"**; biết như thật: "Đây là khổ tập"; biết như thật: "Đây là khổ diệt"; biết như thật: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt"; biết như thật: "**Đây là những lậu hoặc**"; biết như thật: "Đây là nguyên nhân của những lậu hoặc"; biết như thật: "Đây là sự diệt trừ các lậu hoặc"; biết như thật: "Đây là con đường đưa đến sự diệt trừ các lậu hoặc". Nhờ biết như vậy, thấy như vậy, tâm vị ấy thoát khỏi dục lậu, thoát khỏi hữu lậu, thoát khỏi vô minh lậu. Đối với tự thân đã giải thoát như vậy, khởi lên sự hiểu biết: "Ta đã giải thoát". Vị ấy quán tri: "Sanh đã diệt, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm, sau đời hiện tại, không có trở lui trạng thái này nữa".

16. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người vừa không hành khổ mình, không chuyên tâm tự hành khổ mình, vừa không hành khổ người, không chuyên tâm tự hành khổ người. Vị ấy không tự hành khổ mình, không hành khổ người, hiện tại sống không tham ái, tịch tịnh, cảm thấy mát lạnh, cảm thấy lạc thọ, tự ngã trú vào Phạm thể.

Này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người này có mặt, hiện hữu ở đời.

2 Định nghĩa - Thánh tuệ là gì Trí biết sự đtận mọi khổ đau - Kinh GIỚI PHÂN BIỆT – 140 Trung III, 541

KINH GIỚI PHÂN BIỆT

(Dhatuvibhanga suttam)

– Bài kinh số 140 – Trung III, 54

Như vầy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn du hành ở xứ Magadha (Ma-kiệt-đà), đi đến Rajagaha (Vương xá), đến nhà thợ gốm Bhaggava; sau khi đến nói với thợ gốm Bhaggava:

– Này Bhaggava, nếu không gì phiền phức cho Ông, Ta muốn ở tại chỗ này một đêm.

– Bạch Thế Tôn không có gì phiền phức cho con. Ở đây đã có một vị xuất gia đến ở từ trước rồi. Nếu vị ấy thỏa thuận, bạch Thế Tôn, hãy ở lại tùy theo sở thích.

Lúc bấy giờ, Thiện gia nam tử Pukkusati, do lòng tin, y cứ Thế Tôn đã xuất gia, từ bỏ gia đình,

sống không gia đình. Vị ấy đã đến ở trước tại trú xứ của thợ gốm. Rồi Thế Tôn đi đến Tôn giả Pukkusati; sau khi đến nói với Pukkusati:

– Này Tỷ-kheo, nếu không gì phiền phức cho Ông, Ta muốn ở lại trú xứ này một đêm.

– Rộng rãi, thưa Hiền giả, là trú xứ của thợ gốm. Tôn giả có thể ở, tùy theo sở thích.

Rồi Thế Tôn sau khi bước vào trú xứ của thợ gốm, trải thảm cỏ vào một bên, ngồi kiết-già, lưng thẳng và an trú niệm trước mặt. Và Thế Tôn trải qua phần lớn đêm ấy, ngồi (như vậy). Tôn giả Pukkusati trải qua phần lớn đêm ấy cũng ngồi (như vậy). Rồi Thế Tôn suy nghĩ: "Cử chỉ Thiện gia nam tử này có vẻ tín thành, Ta hãy hỏi vị ấy". Rồi Thế Tôn nói với Tôn giả Pukkusati:

– Này Tỷ-kheo, Ông xuất gia, y cứ vào ai? Ai là Đạo sư của Ông? Ông chấp nhận pháp của ai?

– Thưa Hiền giả, có Sa môn Gotama là Thích tử, xuất gia từ dòng họ Thích Ca. Tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền đi về Thế Tôn Gotama ấy: "Ngài là bậc Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn".

Tôi đã xuất gia, y cứ bậc Thế Tôn ấy. Ngài là bậc Đạo sư của tôi. Và tôi chấp thuận pháp của bậc Thế Tôn ấy.

– *Này Tỷ-kheo, nay Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ấy ở đâu?*

– Thưa Hiền giả, có một thành phố tên là Savatthi giữa các quốc độ phía Bắc. Tại đấy, Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác hiện này đang ở.

– *Này Tỷ-kheo, trước đây Ông đã thấy bậc Thế Tôn ấy chưa? Và nếu thấy, Ông có nhận ra được không?*

– Thưa Hiền giả, trước đây tôi chưa từng thấy bậc Thế Tôn ấy. Và nếu thấy, tôi không nhận ra được.

Rồi Thế Tôn suy nghĩ: "Thiện gia nam tử này xuất gia y cứ nơi Ta. Vậy Ta hãy thuyết pháp cho (Thiện gia nam tử) ấy". Rồi Thế Tôn nói với Tôn giả Pukkusati:

– Hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng.

– Thưa Hiền giả vâng.

Tôn giả Pukkusati vâng đáp Thế Tôn.

Thế Tôn nói như sau:

– Này Tỷ-kheo, người này có sáu giới, sáu xúc xứ, mười tám ý hành, bốn thắng xứ, khi được an trú, vọng tưởng không có chuyển động. Khi vọng tưởng không chuyển động, vị ấy được gọi là một ẩn sĩ tịch tịnh. Chớ có buông lung trí tuệ, hãy độ trì chân đế, hãy tăng trưởng huệ thí (caga), hãy tu học tịch tịnh. Đây là tổng thuyết sáu giới phân biệt.

➔ *Này Tỷ-kheo, khi được nói đến* ***"Người này có sáu giới****", do duyên gì được nói đến như vậy?* Địa giới, (thủy giới), hỏa giới, phong giới, không giới, thức giới. Này Tỷ-kheo, khi được nói đến "Người này có sáu giới", chính do duyên này được nói đến như vậy.

➔ *Này các Tỷ-kheo, khi được nói đến* ***"Người này có sáu xúc xứ****", do duyên gì được nói đến như vậy?* Nhãn xúc xứ, nhĩ xúc xứ, tỷ xúc xứ, thiệt xúc xứ, thân xúc xứ, ý xúc xứ. Khi được nói đến "Người này có sáu xúc xứ ", chính do duyên này được nói đến như vậy.

➔ *Này Tỷ-kheo, khi được nói đến* ***"Người này có mười tám ý hành****", do duyên gì được nói đến như*

vậy? Khi con mắt thấy sắc, người ấy chạy theo sắc, chỗ trú xứ của hỷ, chạy theo sắc chỗ trú xứ của ưu, chạy theo sắc chỗ trú xứ của xả, khi tai nghe tiếng... mũi ngửi hương.. lưỡi nếm vị... thân cảm xúc, ... ý nhận thức pháp, người ấy chạy theo pháp, chỗ trú xứ của hỷ, người ấy chạy theo pháp, chỗ trú xứ của ưu, người ấy chạy theo pháp, chỗ trú xứ của xả. Như vậy có sáu hỷ hành, sáu ưu hành, sáu xả hành. Khi được nói đến "Người này có mười tám ý hành" chính do duyên này được nói đến như vậy.

➔ *Này Tỷ-kheo, khi được nói đến* ***"Người này có bốn thắng xứ "****, do duyên gì được nói đến như vậy?* Tuệ thắng xứ, đế thắng xứ, huệ thí thắng xứ, tịch tịnh thắng xứ. Khi được nói đến "Người này có bốn thắng xứ", chính do duyên này được nói đến như vậy.

➔ *Khi được nói đến* ***"Chớ có buông lung trí tuệ, hãy hộ trì chân đế, hãy tăng trưởng huệ thí, hãy tu học tịch tịnh"****, do duyên gì được nói đến như vậy?*

- ***Thế nào là không buông lung trí tuệ?*** Có sáu giới này: **địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới, thức giới.**

– Này Tỷ-kheo, thế nào là địa giới? Có nội địa giới và có ngoại địa giới. Và này Tỷ-kheo, thế nào là **nội địa giới**? Cái gì thuộc nội thân, thuộc cá nhân, kiên cứng, thô phù, bị chấp thủ, như tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, tủy, thận, tim, gan, hoành cách mô, lá lách, phổi, ruột, màng ruột, bao tử, phân và bất cứ vật gì khác, thuộc nội thân, thuộc cá nhân, kiên cứng, thô phù, bị chấp thủ. Như vậy, này Tỷ-kheo, được gọi là nội địa giới. ***Những gì thuộc nội địa giới và những gì thuộc ngoại địa giới đều thuộc về địa giới. Địa giới ấy phải được quán sát như thật với chánh trí tuệ như sau: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi". Sau khi như thật quán sát địa giới với chánh trí tuệ như vậy, vị ấy sanh yếm ly đối với địa giới, tâm từ bỏ địa giới.***

– Và này các Tỷ-kheo, thế nào là thủy giới? Có nội thủy giới, có ngoại thủy giới. Và này Tỷ-kheo, thế nào là **nội thủy giới**? Cái gì thuộc nội thân, thuộc cá nhân, thuộc nước, thuộc chất lỏng, bị chấp thủ, như mật, đàm (niêm dịch), mủ, máu, mồ hôi, mỡ, nước mắt, mỡ da, nước miếng, nước mũi, nước ở

khớp xương, nước tiểu, và bất cứ vật gì khác, thuộc nội thân, thuộc cá nhân, thuộc nước, thuộc chất lỏng, bị chấp thủ. Như vậy, này Tỷ-kheo, được gọi là thủy giới. Những gì thuộc nội thủy giới và những gì thuộc ngoại thủy giới đều thuộc về thủy giới. Thủy giới ấy phải được quán sát như thật với chánh trí tuệ như sau: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi". Sau khi như thật quán sát thủy giới với chánh trí tuệ như vậy, vị ấy sanh yếm ly đối với thủy giới, tâm từ bỏ thủy giới.

– Và này Tỷ-kheo, thế nào là hỏa giới? Có nội hỏa giới, có ngoại hỏa giới. Và này Tỷ-kheo, thế nào là **nội hỏa giới**? Cái gì thuộc về nội thân, thuộc về cá nhân, thuộc lửa, thuộc chất nóng, bị chấp thủ. Như cái gì khiến cho hâm nóng, khiến cho hủy hoại, khiến cho thiêu cháy, cái gì khiến cho những vật được ăn, uống, nhai, nếm, có thể khéo tiêu hóa, hay tất cả những vật gì khác, thuộc nội thân, thuộc cá nhân, thuộc lửa, thuộc chất nóng, bị chấp thủ. Này Tỷ-kheo, như vậy được gọi là nội hỏa giới. Những gì thuộc nội hỏa giới và những gì thuộc ngoại hỏa giới đều thuộc

về hỏa giới. Hỏa giới ấy phải được quán sát như thật với chánh trí tuệ như sau: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi". Sau khi như thật quán sát hỏa giới với chánh trí tuệ như vậy, vị ấy sanh yếm ly đối với hỏa giới, tâm từ bỏ hỏa giới.

– Và này Tỷ-kheo, thế nào là phong giới? Có nội phong giới, có ngoại phong giới. Và này Tỷ-kheo, thế nào là **nội phong giới**? Cái gì thuộc về nội thân, thuộc cá nhân, thuộc gió, thuộc tánh động, bị chấp thủ, như gió thổi lên, gió thổi xuống, gió trong ruột, gió trong bụng dưới, gió thổi ngang các đốt, các khớp, hơi thở vô, hơi thở ra, và bất cứ vật gì khác thuộc nội thân, thuộc cá nhân, thuộc gió, thuộc tánh động, bị chấp thủ. Này Tỷ-kheo, như vậy được gọi là nội phong giới. Những gì thuộc nội phong giới và những gì thuộc ngoại phong giới đều thuộc về phong giới. Phong giới ấy phải được quán sát như thật với chánh trí tuệ như sau: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi". Sau khi như thật quán sát phong giới với chánh trí tuệ như vậy, vị ấy sanh yếm ly đối với phong

giới, tâm tư từ bỏ phong giới.

– Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hư không giới? Có nội hư không giới, có ngoại hư không giới. Và này Tỷ-kheo, thế nào là **nội hư không giới**? Cái gì thuộc về nội thân, thuộc cá nhân, thuộc hư không, thuộc hư không tánh, bị chấp thủ, như lỗ tai, lỗ mũi, cửa miệng, do cái gì người ta nuốt, những gì được nhai, được uống, được ăn, được nếm, và tại chỗ mà những gì được nhai, được uống, được ăn, được nếm, được giữ lại, và ngang qua chỗ mà những gì được nhai, được uống, được ăn, được nếm và được tống xuất xuống phần dưới để ra ngoài, và bất cứ vật gì khác thuộc nội thân, thuộc cá nhân, thuộc hư không, thuộc hư không tánh, bị chấp thủ. Này Tỷ-kheo, như vậy được gọi là nội hư không giới. Những gì thuộc nội hư không giới và ngoại hư không giới đều thuộc về hư không giới. Hư không ấy phải được quán sát như thật với chánh trí tuệ như sau: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi". Sau khi như thật quán sát hư không giới với chánh trí tuệ như vậy, vị ấy sanh yếm ly đối với hư không giới, tâm từ bỏ hư không giới.

– Lại nữa, khi **thức còn lại được trong sạch, trong trắng, vị ấy biết được một số sự việc nhờ thức ấy**. Vị ấy thức tri được lạc, thức tri được khổ, thức tri được bất khổ bất lạc.

- Này Tỷ-kheo, duyên **lạc xúc**, lạc thọ khởi lên. Vị ấy khi đang cảm giác lạc thọ, tuệ tri rằng: "Tôi cảm giác lạc thọ". Do lạc xúc diệt đi, lạc thọ do lạc xúc được khởi lên được cảm giác, vị ấy biết: "Lạc thọ ấy được diệt đi, được chấm dứt".
- Này Tỷ-kheo, duyên **khổ xúc**, khổ thọ khởi lên. Vị ấy khi đang cảm giác khổ thọ, tuệ tri rằng: "Tôi cảm giác khổ thọ". Do khổ xúc ấy diệt đi, khổ thọ do khổ xúc được khởi lên, được cảm giác, vị ấy biết: "Khổ thọ ấy được diệt đi, được chấm dứt".
- Này Tỷ-kheo, duyên **bất khổ bất lạc xúc**, bất khổ bất lạc thọ khởi lên. Vị ấy khi đang cảm giác bất khổ lạc thọ, tuệ tri rằng: "Tôi cảm giác bất khổ bất lạc thọ". Do bất khổ bất lạc thọ xúc ấy diệt đi, bất khổ bất lạc thọ do bất khổ bất lạc xúc được khởi lên, được cảm giác, vị ấy tuệ tri: "Bất khổ bất lạc thọ ấy được diệt đi, được chấm dứt".

Này Tỷ-kheo, ví như do hai cây que xúc chạm cọ

xát, hơi nóng được sanh, ngọn lửa được hiện khởi. Khi hai que ấy được rời nhau, được phân ly, sức nóng được sanh khởi ấy, sức nóng ấy được diệt đi, được chấm dứt.

Cũng vậy, này Tỷ-kheo, duyên lạc xúc, lạc thọ khởi lên. Vị ấy khi đang cảm giác lạc thọ tuệ tri rằng: "Tôi đang cảm giác lạc thọ". Do lạc xúc ấy diệt đi, lạc thọ do lạc xúc được khởi lên, được cảm giác vị ấy tuệ tri: "Lạc thọ ấy được diệt đi, được chấm dứt". Này Tỷ-kheo, duyên khổ xúc khổ thọ khởi lên. Vị ấy khi đang cảm giác khổ thọ tuệ tri rằng: "Tôi đang cảm giác khổ thọ". Do khổ xúc... "... được chấm dứt". Này Tỷ-kheo duyên bất khổ bất lạc xúc, bất khổ bất lạc thọ khởi lên... , "... bất khổ bất lạc thọ được diệt đi, được chấm dứt".

Lại nữa, **xả còn lại được trong sạch, trong trắng, nhu nhuyến, dễ uốn nắn, chói sáng.** *Ví như, này Tỷ-kheo, một người thợ vàng thiện xảo hay người đệ tử sửa soạn lò đúc; sau khi sửa soạn lò đúc xong, người ấy đốt lửa miệng lò đúc; sau khi đốt lửa miệng lò đúc, người ấy dùng kềm kẹp lấy vàng và đặt vàng vào trong miệng lò; rồi thỉnh thoảng người ấy thổi trên ấy, thỉnh thoảng người ấy rưới nước trên ấy, thỉnh thoảng người ấy quán sát thật kỹ... vàng ấy đã trở thành sáng sủa, thanh tịnh, gột sạch, các uế*

tạp được đoạn trừ, các tỳ vết được trừ sạch, nhu nhuyến, dễ uốn nắn và chói sáng... và nếu người ấy muốn làm đồ trang sức nào, hoặc vòng nhẫn, hoặc bông tai, hoặc vòng cổ, hoặc vòng hoa vàng, thời vàng ấy có thể dùng vào mục đích ấy.

Cũng vậy, này Tỷ-kheo, lại nữa xả còn lại được trong sạch, trong trắng, nhu nhuyến, dễ uốn nắn, chói sáng. Người ấy tuệ tri như sau: "Nếu ta tập trung xả này thanh tịnh như vậy, trong trắng như vậy vào Hư không vô biên xứ, và tu tập tâm ta tùy theo pháp ấy, thời xả này y cứ vào đấy, chấp thủ tại đấy được an trú nơi ta trong một thời gian dài. Nếu ta tập trung xả này thanh tịnh như vậy, trong trắng như vậy vào Thức vô biên xứ và tu tập tâm của ta tùy theo pháp ấy, thời xả này y cứ vào đấy, chấp thủ tại đấy được an trú nơi ta trong một thời gian dài. Nếu ta tập trung xả này thanh tịnh như vậy, trong trắng như vậy vào Vô sở hữu xứ, và tu tập tâm ta tùy theo pháp ấy, thời xả này y cứ vào đấy, chấp thủ tại đấy, được an trú nơi ta trong một thời gian dài. Nếu ta tập trung xả này thanh tịnh như vậy, trong trắng như vậy vào Phi tưởng phi phi tưởng xứ, và tu tập tâm của ta tùy theo pháp ấy, thời xả này y cứ vào đấy, chấp thủ tại đấy, được an trú nơi ta trong một thời gian dài".

Người ấy tuệ tri như sau: "Nếu ta tập trung xả

này thanh tịnh như vậy, trong trắng như vậy vào Hư không vô biên xứ... Thức vô biên xứ... Vô sở hữu xứ... Phi tưởng phi phi tưởng xứ, và tu tập tâm của ta tùy theo pháp ấy, thời (xả) ấy trở thành pháp hữu vi". ***Vị ấy không tác thành, không suy tưởng đến hữu hay phi hữu. Do không tác thành, không suy tưởng đến hữu hay phi hữu, vị ấy không chấp thủ một sự vật gì ở đời; chấp thủ không quấy rối vị ấy; do chấp thủ không quấy rối vị ấy, vị ấy tự chứng Niết-bàn, và vị ấy tuệ tri***: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những điều nên làm đã làm, không còn trở lại trạng thái như thế này nữa".

- ➥ Nếu vị ấy cảm giác lạc thọ, vị ấy tuệ tri: "Thọ ấy là vô thường"; vị ấy tuệ tri: "Không nên đắm trước"; vị ấy tuệ tri: "Không phải là đối tượng để hoan hỷ".
- ➥ Nếu vị ấy cảm giác khổ thọ, vi ấy tuệ tri: "Thọ ấy là vô thường"; vị ấy tuệ tri: "Không nên đắm trước"; vị ấy tuệ tri: "Không phải là đối tượng để hoan hỷ".
- ➥ Nếu vị ấy cảm giác bất khổ bất lạc thọ, vị ấy tuệ tri: "Thọ ấy là vô thường"; vị ấy tuệ tri: "Không nên đắm trước"; vị ấy tuệ tri: "Không phải là đối tượng để hoan hỷ".
- ➥ Nếu cảm giác lạc thọ, không có hệ phược, vị

ấy cảm giác thọ ấy.

- ➡ Nếu vị ấy cảm giác khổ thọ, không có hệ phược, vị ấy cảm giác thọ ấy.
- ➡ Nếu vị ấy cảm giác bất khổ bất lạc thọ, không có hệ phược, vị ấy cảm giác thọ ấy.
- ➡ Khi vị ấy cảm giác một cảm thọ với thân là tối hậu, vị ấy tuệ tri: "Ta cảm giác một cảm thọ với thân là tối hậu". Khi vị ấy cảm giác một cảm thọ với sinh mạng là tối hậu, vị ấy tuệ tri: "Ta cảm giác một cảm thọ với sinh mạng là tối hậu "; vị ấy tuệ tri: "Sau khi thân hoại mạng chung, mọi cảm thọ hoan hỷ ở nơi đây trở thành thanh lương".

Ví như, này Tỷ-kheo, như ngọn đèn dầu được cháy đỏ nhờ dầu và tim. Khi dầu và tim diệt tận, và không có vật liệu khác được đem đến, ngọn đèn dầu ấy bị diệt tắt...

...Cũng vậy, này Tỷ-kheo, khi cảm giác một cảm thọ lấy thân làm tối hậu, vị ấy tuệ tri: "Tôi cảm giác một cảm thọ lấy thân làm tối hậu". Khi cảm giác một cảm thọ lấy sinh mạng làm tối hậu, vị ấy tuệ tri: "Tôi cảm giác một cảm thọ lấy sinh mạng làm tối hậu"; vị ấy tuệ tri: "Sau khi thân hoại mạng chung, mọi cảm thọ hoan hỷ ở nơi đây trở thành thanh lương". Do vậy, Tỷ-kheo thành tựu như vậy là thành tựu với tối

thắng **TUỆ THẮNG XỨ** này. Vì rằng, này Tỷ-kheo, như vậy là tối thắng **Thánh tuệ**, nghĩa là trí biết sự đoạn tận mọi đau khổ.

Sự giải thoát ấy của vị này, an trú vào **CHÂN ĐẾ**, không bị dao động. Này Tỷ-kheo, cái gì có thể đưa đến hư vọng, thời thuộc về hư vọng. Cái gì không thể đưa đến hư vọng, thời thuộc về chân đế, Niết-bàn. Do vậy, vị Tỷ-kheo thành tựu như vậy là thành tựu với tối thắng **ĐẾ** thắng xứ này. Vì rằng, này Tỷ-kheo, như vậy là tối thắng **Thánh đế**, tức là Niết-bàn, không có thể đưa đến hư vọng.

Và những sanh y vô trí thức trước của nó đã được đầy đủ, đã được thành tựu. Chúng được đoạn tận, chặt tận gốc rễ, làm cho như thân cây tala, không thể hiện hữu nữa trong tương lai, không có khả năng sanh khởi nữa. Do vậy, một Tỷ-kheo thành tựu như vậy là thành tựu với tối thắng **HUỆ THÍ** thắng xứ này. Vì rằng này Tỷ-kheo, như vậy là tối thắng **Thánh huệ thí**, tức là sự xả ly tất cả sanh y.

Và tham ái vô trí thức trước của nó, thuộc tham dục, tham nhiễm; pháp ấy được đoạn tận, chặt tận gốc rễ, làm cho như thân cây tala, không thể hiện hữu nữa trong tương lai, không có khả năng sanh khởi nữa. Và sự phẫn nộ vô trí thức trước của nó, thuộc

sân hận, thuộc tội quá; pháp ấy được đoạn tận, cắt tận gốc rễ, làm cho như thân cây tala, không thể hiện hữu nữa trong tương lai, không có khả năng sanh khởi nữa. Và vô minh vô trí thức trước của nó, thuộc si mê, thuộc tội quá; pháp ấy được đoạn tận cắt tận gốc rễ, làm cho như thân cây tala, không thể hiện hữu trong tương lai, không có khả năng sanh khởi nữa. Do vậy, Tỷ-kheo thành tựu như vậy là thành tựu tối thắng **TỊCH TỊNH** thắng xứ. Này Tỷ-kheo, như vậy là tối thắng **Thánh tịch tịnh**, tức là sự tịch tịnh tham sân si.

Khi được nói đến **"Chớ có buông lung trí tuệ, hãy hộ trì chân đế, hãy làm cho sung mãn huệ thí, hãy tu học tịch tịnh"**, chính do duyên này được nói đến như vậy.

➔ *Khi được nói đến* ***"Khi được an trú, vọng tưởng không có chuyển động. Khi vọng tưởng không chuyển động, vị ấy được gọi là một ẩn sĩ tịch tịnh"****, do duyên gì được nói đến như vậy?*

– Này Tỷ-kheo, "Tôi là", như vậy là vọng tưởng.

– "Tôi là cái này", như vậy là vọng tưởng.

– "Tôi sẽ là", như vậy là vọng tưởng.

– "Tôi sẽ không là", như vậy là vọng tưởng.

– "Tôi sẽ có sắc", như vậy là vọng tưởng.
– "Tôi sẽ không có sắc" như vậy là vọng tưởng.
– "Tôi sẽ có tưởng", như vậy là vọng tưởng.
– "Tôi sẽ không có tưởng", như vậy là vọng tưởng.
– "Tôi sẽ không có tưởng, không không có tưởng", như vậy là vọng tưởng.

☞ Vọng tưởng, này Tỷ-kheo, là bệnh, vọng tưởng là cục bướu, vọng tưởng là mũi tên. Này Tỷ-kheo, **khi vượt khỏi mọi vọng tưởng, vị ẩn sĩ được gọi là tịch tịnh**.

☞ Nhưng này Tỷ-kheo, **vị ẩn sĩ tịch tịnh không sanh, không già, không có dao động, không có hy cầu**. Vì không có cái gì do đó có thể sanh, này Tỷ-kheo, không sanh làm sao già được? Không già, làm sao chết được? Không chết làm sao dao động được? Không dao động, làm sao hy cầu?

Khi được nói đến "Khi được an trú, vọng tưởng không có chuyển động; khi vọng tưởng không chuyển động, vị ấy được gọi là một ẩn sĩ tịch tịnh" do chính duyên này được nói đến như vậy.

Này Tỷ-kheo, hãy thọ trì sự phân biệt tóm tắt

của Ta về **sáu giới.**

Rồi Tôn giả Pukkusati nghĩ như sau: **"Thật sự bậc Đạo sư đã đến với ta! Thật sự bậc Thiện Thệ đã đến với ta! Thật sự bậc Chánh Đẳng Giác đã đến với ta!"** Rồi Tôn giả từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp y vào một bên vai, cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn, và bạch Thế Tôn:

– Con đã rơi vào một lỗi lầm, bạch Thế Tôn, vì rằng, ngu đần, si mê và không khéo léo như con, đã nghĩ rằng con có thể xưng hô với Thế Tôn với danh từ Hiền giả. Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn chấp nhận cho con lỗi lầm ấy là một lỗi lầm để con có thể ngăn ngừa trong tương lai.

– Này Tỷ-kheo, thật vậy, Ông đã rơi vào một lỗi lầm, vì rằng ngu đần, si mê và không khéo léo vì Ông đã nghĩ rằng Ông có thể xưng hô với Ta với danh từ Hiền giả. Nhưng này Tỷ-kheo, nếu Ông thấy một lỗi lầm là một lỗi lầm, và như pháp phát lộ, thời chúng ta chấp nhận (lỗi lầm) ấy cho Ông. Vì rằng này Tỷ-kheo, đây là sự tăng ích trong giới luật của bậc Thánh, khi nào một ai thấy lỗi lầm là một lỗi lầm, như pháp phát lộ, để ngăn ngừa trong tương lai.

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy cho con được thọ cụ túc giới trước mặt Thế Tôn.

– Này Tỷ-kheo, Ông có đủ y bát không?

– Bạch Thế Tôn, con không có đủ y bát.

– Này Tỷ-kheo, các Như Lai không có trao cụ túc giới cho ai không đủ y bát.

Rồi Tôn giả Pukkusati sau khi hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài rồi ra đi tìm y bát. Trong khi Tôn giả Pukkusati đi tìm y bát, một con bò cuồng chạy, đoạt mất mạng sống (của Tôn giả).

Rồi một số đông Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn, sau khi đến đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các vị Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Thiện gia nam tử Pukkusati được Thế Tôn thuyết giảng một cách vắn tắt đã mệnh chung. Sanh thú của vị ấy như thế nào, đời sống tương lai như thế nào?

Này Tỷ-kheo, thật là bậc Hiền giả, Thiện gia nam tử Pukkusati, đã chấp hành Chánh pháp và tùy pháp. Và không có phiền nhiễu Ta với những kiện tụng về Chánh pháp. Này các Tỷ-kheo, Thiện gia nam tử Pukkusati, sau khi đoạn trừ năm hạ phần kiết

sử, được hóa sanh và từ chỗ ấy nhập Niết-bàn, không phải trở lui đời ấy nữa.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

3 Định nghĩa - Thế nào là Chánh Trí Tuệ - Kinh Tự Mình Làm Hòn Đảo – Tương III, 83

Tự Mình Làm Hòn Đảo – *Tương* III, 83

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) **Hãy sống tự mình làm hòn đảo cho chính mình**, này các Tỷ-kheo, **hãy nương tựa nơi chính mình**, <u>không</u> nương tựa một ai khác. **Hãy lấy pháp làm hòn đảo, hãy lấy pháp làm chỗ nương tựa**, <u>không</u> nương tựa một ai khác.

4) Với những ai sống tự mình làm hòn đảo cho chính mình, này các Tỷ-kheo, nương tựa nơi chính mình, không nương tựa một ai khác. Lấy pháp làm hòn đảo, lấy pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa một ai khác, **hãy như lý quán sát**: ***"Sầu, bi, khổ, ưu, não do nguồn gốc gì sanh? Do cái gì làm cho hiện hữu?"***

5) Và này các Tỷ-kheo, sầu, bi, khổ, ưu, não do nguồn gốc gì sanh? Do cái gì làm cho hiện hữu?

6) Ở đây, này các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu <u>không thấy rõ</u> các *bậc Thánh*, <u>không thuần thục</u> pháp

các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh, không thấy rõ các *bậc Chân nhân*, không thuần thục pháp các bậc Chân nhân, không tu tập pháp các bậc Chân nhân; quán (samamupassati) sắc như là tự ngã, hay tự ngã như là có sắc, hay sắc ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong sắc. Sắc của vị ấy biến hoại và đổi khác. Khi **sắc** của vị ấy biến hoại và đổi khác **thì** sầu, bi, khổ, ưu, não sẽ khởi lên.

7) Vị ấy quán thọ như là tự ngã, hay tự ngã như là có thọ...

8) Vị ấy quán tưởng như là tự ngã...

9) Vị ấy quán các hành như là tự ngã...

10) Vị ấy quán thức như là tự ngã, hay tự ngã như là có thức, hay thức ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong thức. Thức này của vị ấy biến hoại và đổi khác. Khi **thức** của vị ấy biến hoại và đổi khác **thì** sầu, bi, khổ, ưu, não sẽ khởi lên.

11) Này các Tỳ-kheo, **biết sắc là vô thường, biến hoại, ly tham, đoạn diệt**; vị ấy thấy tất cả sắc xưa và nay là vô thường, khổ, chịu sự biến hoại. Do thấy như thật với chánh trí tuệ như vậy, sầu, bi, khổ, ưu, não ***được đoạn tận***. Do chúng được đoạn tận, vị ấy không bị ưu, não. Do không bị ưu, não, vị ấy sống an

lạc. Do sống an lạc, vị Tỷ-kheo được gọi là (Tadanganibbuto) **vị đã lắng dịu mọi tướng phần**, nhứt hướng Niết-bàn.

12) Này các Tỷ-kheo, biết **thọ** là vô thường, biến hoại, ly tham, đoạn diệt, vị ấy thấy tất cả thọ xưa và nay là vô thường, khổ, chịu sự biến hoại. Do thấy như thật với chánh trí tuệ như vậy, các sầu, bi, khổ, ưu, não được đoạn tận. Do chúng được đoạn tận, vị ấy không bị ưu, não. Do không bị ưu, não, vị ấy sống an lạc. Do sống an lạc, vị Tỷ-kheo được gọi là vị đã lắng dịu mọi tướng phần.

13) Này các Tỷ-kheo, biết **tưởng** là vô thường...

14) Này các Tỷ-kheo, biết các **hành** là vô thường...

15) Này các Tỷ-kheo, **biết thức là vô thường, biến hoại, ly tham, đoạn diệt**; vị ấy thấy **tất cả thức** xưa và nay là vô thường, khổ, chịu sự biến hoại. Do thấy như thật với chánh trí tuệ như vậy, các sầu, bi, khổ, ưu, não ***được đoạn tận***. Do chúng được đoạn tận, vị ấy không bị ưu, não. Do không bị ưu, não, vị ấy sống an lạc. Do sống an lạc, vị Tỷ-kheo được gọi là **vị đã lắng dịu mọi tướng phần**.

4 Định nghĩa - Trí của bậc lậu tận - Kinh VÍ DỤ TẤM VẢI – 7 Trung I, 87

KINH VÍ DỤ TẤM VẢI

(Vatthupatna sutta)

– Bài kinh số 7 – *Trung* I, 87

Như vầy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Savatthi (Xá-vệ), tại Jetavana (Kỳ-đà Lâm), vườn ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Lúc bấy giờ Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: "Này các Tỷ-kheo". - "Bạch Thế Tôn", các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, như một tấm vải cấu uế, nhiễm bụi, một người thợ nhuộm nhúng tấm vải ấy vào thuốc nhuộm này hay thuốc nhuộm khác - hoặc xanh, hoặc vàng, hoặc đỏ, hoặc tía - vải ấy sẽ được màu nhuộm không tốt đẹp, sẽ được màu nhuộm không sạch sẽ. Vì sao vậy? Này các Tỷ-kheo, vì tấm vải không được trong sạch. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, cõi ác chờ đợi một tâm cấu uế.

Này các Tỷ-kheo, như một tấm vải thanh tịnh, trong sạch, một người thợ nhuộm nhúng tấm vải ấy

vào thuốc nhuộm này hay thuốc nhuộm khác - hoặc xanh, hoặc vàng, hoặc đỏ, hoặc tía, vải ấy sẽ được màu nhuộm tốt đẹp, sẽ được màu nhuộm sạch sẽ. Vì sao vậy? Này các Tỷ-kheo, vì tấm vải được trong sạch. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, cõi thiện chờ đợi một tâm không cấu uế.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là những cấu uế của tâm?

- Tham dục, tà tham là cấu uế của tâm,
- Sân là cấu uế của tâm,
- Phẫn là cấu uế của tâm,
- Hận là cấu uế của tâm,
- Hư ngụy, não hại, tật đố, xan tham, man trá, khi cuống, ngoan cố, cấp tháo, quá mạn, kiêu, phóng dật là cấu uế của tâm.

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào **nghĩ rằng**: "Tham dục, tà tham là cấu uế của tâm" và sau khi biết vậy, *vị ấy đoạn trừ tham dục, tà tham cấu uế của tâm*; nghĩ rằng: "Sân là cấu uế của tâm", và sau khi biết vậy, vị ấy đoạn trừ sân, cấu uế của tâm; phẫn... hận... hư ngụy... não hại, tật đố, xan tham, man trá, khi cuống... ngoan cố... cấp tháo... mạn... quá mạn... kiêu; nghĩ rằng: "Phóng dật là cấu uế của tâm" thì

sau khi biết vậy, vị ấy đoạn trừ phóng dật, cấu uế của tâm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào Tỷ-kheo **biết được**: "Tham dục, tà tham là cấu uế của tâm", tham dục, tà tham cấu uế của tâm được diệt trừ, ... sân... phẫn... hận... hư ngụy... não hại... tật đố... xan tham... man trá... khi cuống... ngoan cố... cấp tháo... mạn... quá mạn... kiêu; khi nào Tỷ-kheo biết được: "Phóng dật là cấu uế của tâm", phóng dật, cấu uế của tâm được diệt trừ.

– *Tỷ-kheo ấy thành tựu lòng tin tuyệt đối, đối với Phật: Ngài là bậc Thế Tôn, A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Điều Ngự Trượng Phu, Vô Thượng Sĩ, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn;*

– *Vị ấy thành tựu lòng tin tuyệt đối đối với Pháp: Pháp được Thế Tôn khéo thuyết giảng, thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người có trí chứng hiểu;*

– *Vị ấy thành tựu lòng tin tuyệt đối, đối với chúng Tăng: Diệu hạnh là chúng Tăng, đệ tử Thế Tôn; Trực hạnh là chúng Tăng, đệ tử Thế Tôn; Như lý hạnh là chúng Tăng, đệ tử Thế Tôn; Chánh hạnh*

là chúng Tăng, đệ tử Thế Tôn. Tức là bốn đôi tám vị. Chúng Tăng, đệ tử Thế Tôn, đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là phước điền vô thượng ở đời.

Đến giai đoạn này, đối với vị ấy có sự từ bỏ, có sự diệt trừ, có sự giải thoát, có sự đoạn trừ, có sự xả ly.

– *Vị ấy tự nghĩ: "Ta thành tựu lòng tin tuyệt đối, đối với Thế Tôn", và chứng được nghĩa tín thọ, chứng được pháp tín thọ, chứng được hân hoan liên hệ đến pháp, từ hân hoan, hỷ sanh, từ hỷ, thân được khinh an, thân khinh an, cảm giác được lạc thọ; với lạc thọ, tâm được Thiền định.*

– *Vị ấy tự nghĩ: "Ta thành tựu lòng tin tuyệt đối đối với Pháp", và chứng được nghĩa tín thọ, chứng được pháp tín thọ, chứng được hân hoan liên hệ đến pháp; từ hân hoan, hỷ sanh, từ hỷ, thân được khinh an; thân khinh an, cảm giác được lạc thọ; với lạc thọ, tâm được Thiền định.*

– *Vị ấy tự nghĩ: "Ta thành tựu lòng tin tuyệt đối đối với Tăng", và chứng được nghĩa tín thọ, chứng được pháp tín thọ, chứng được hân hoan liên hệ đến pháp; từ hân hoan hỷ sanh; từ hỷ, thân được*

khinh an, thân khinh an, cảm giác được lạc thọ; với lạc thọ, tâm được Thiền định.

– *Vị ấy tự nghĩ: "Đến giai đoạn này, đối với Ta, có sự từ bỏ, có sự diệt trừ, có sự giải thoát, có sự đoạn* trừ, có sự xả ly", và chứng được nghĩa tín thọ, chứng được pháp tín thọ, chứng được hân hoan liên hệ đến pháp; từ hân hoan, hỷ sanh; từ hỷ, thân khinh an; thân khinh an, cảm giác được lạc thọ; với lạc thọ, tâm được Thiền định.

Này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo, ***giới*** *như vậy*, ***pháp*** *như vậy*, ***tuệ*** *như vậy* - nếu có ăn đồ khất thực với gạo thơm, hạt đen được vất đi, với các món ăn khác cũng không vì vậy trở thành một chướng ngại cho vị ấy. *Này các Tỷ-kheo, như một tấm vải cấu uế, nhiễm bụi, nếu bỏ trong nước sạch, trở thành thanh tịnh sạch sẽ, như bỏ vào lò lửa trở thành thanh tịnh sạch sẽ*. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo, giới như vậy, pháp như vậy, tuệ như vậy, - nếu có ăn đồ khất thực với gạo thơm, hạt đen được vất đi, với các món canh, với các món ăn khác, cũng không vì vậy trở thành một chướng ngại cho vị ấy.

Vị ấy an trú, biến mãn một phương với tâm câu hữu với từ, cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy, cùng khắp thế giới, trên dưới bề ngang, hết thảy

phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú biến mãn với tâm câu hữu với từ, quảng đại, vô biên, không hận, không sân... biến mãn một phương với tâm câu hữu với bi... (như trên)... với tâm câu hữu với hỷ... (như trên)... biến mãn một phương với tâm câu hữu với xả, cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy cùng khắp thế giới, trên dưới bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú biến mãn với tâm câu hữu với xả, quảng đại vô biên, không hận, không sân.

Vị ấy biết: ***"Có cái này, có cái hạ liệt, có cái cao thượng, có sự giải thoát vượt qua các tưởng"***. **Do vị ấy biết như vậy, thấy như vậy, tâm được giải thoát khỏi dục lậu, tâm được giải thoát khỏi hữu lậu, tâm được giải thoát khỏi vô minh lậu. Đối với tự thân đã giải thoát, trí khởi lên: *"Ta đã giải thoát, sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa"***. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy được gọi là Tỷ-kheo đã được tắm rửa với sự tắm rửa nội tâm.

Lúc bấy giờ, Bà-la-môn Sundarikabharadvaja đang ngồi không xa Thế Tôn. Rồi Bà-la-môn Sundarikabharadvaja bạch Thế Tôn:

– Tôn giả Gotama có đi đến sông Bahuka để tắm rửa không?

– Này Bà-la-môn, sông Bahuka là gì? Sông Bahuka có làm được lợi ích gì?

– Tôn giả Gotama, sông Bahuka được nhiều người xem là có khả năng giải thoát. Tôn giả Gotama, sông Bahuka được nhiều người xem là có khả năng đem lại công đức. Và nhiều người đã gội sạch các ác nghiệp trong sông Bahuka.

Rồi Thế Tôn nói lên những bài kệ sau đây cho Bà-la-môn Sundarikabharadvaja:

Trong sông Bàhukà
Tại Adhikakkà,
Tại cả sông Gayà
Và Sundarikà,
Tại Sarassatì
Và tại Payàna,
Tại Bàhumatì,
Kẻ ngu dầu thường tắm,
Ác nghiệp không rửa sạch.
Sông Sundarikà
Có thể làm được gì?
Payàga làm gì?
Cả sông Bàhukà?

Không thể rửa nghiệp đen
Của kẻ ác gây tội.

Đối kẻ sống thanh tịnh,
Ngày nào cũng ngày tốt,
Với kẻ sống thanh tịnh,
Ngày nào cũng ngày lành,
Các tịnh nghiệp thanh tịnh,
Luôn thành tựu (thiện) hạnh.
Này vị Bà-la-môn,
Chỉ nên tắm ở đây,
Khiến mọi loài chúng sanh,
Được sống trong an ổn.
Nếu không nói dối trá,
Nếu không hại chúng sanh,
Không lấy của không cho,
Có lòng tín, không tham,
Đi Gayà làm gì,
Gayà một giếng nước?

Khi được nghe nói vậy, Bà-la-môn Sundarikabharadvaja bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Tôn giả Gotama, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống,

phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối, để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy Chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày. Nay con quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp và quy y Tăng. Mong con được xuất gia với Tôn giả Gotama! Mong con được thọ đại giới!

Bà-la-môn Sundarikabharadvaja được xuất gia với Thế Tôn, được thọ đại giới. Trong thời gian ngắn sau khi thọ đại giới, Tôn giả Bharadvaja sống độc cư, không phóng dật, nhiệt tâm tinh cần và không bao lâu sau khi tự thân chứng ngộ với thượng trí, chứng đắc và an trú ngay trong hiện tại, vô thượng cứu cánh Phạm hạnh mà vì mục đích này các Thiện nam tử xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Vị ấy đã thắng tri: ***"Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa"***. Như vậy, Tôn giả Bharadvaja trở thành một vị A-la-hán nữa.

5 22 duyên đưa đến Trí về đoạn diệt các lậu hoặc - Kinh Duyên – Tương II, 58

Duyên – *Tương* II, 58

1)... Trú ở Sàvatthi.

2) Này các Tỷ-kheo, đối với người **biết**, này các Tỷ-kheo, đối với người **thấy**, **Ta nói các lậu hoặc được đoạn diệt**, không phải đối với người không biết, không phải đối với người không thấy.

3) Và này các Tỷ-kheo, *như thế nào đối với người biết, đối với người thấy, các lậu hoặc được đoạn diệt?*

Đây là sắc, đây là sắc tập khởi, đây là sắc đoạn diệt. Đây là thọ... Đây là tưởng... Đây là hành... Đây là thức, đây là thức tập khởi, đây là thức đoạn diệt. Như vậy, này các Tỷ-kheo, đối với người biết, như vậy đối với người thấy, các lậu hoặc được đoạn diệt.

4) Này các Tỷ-kheo, trong đoạn diệt ấy, **trí về đoạn diệt**, Ta nói rằng **trí** ấy có duyên, không phải không có duyên.

5) Và này các Tỷ-kheo, *duyên của trí về đoạn diệt là gì?*

- Giải thoát là câu trả lời.

Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng giải thoát có duyên, không phải không có duyên.

6) Và này các Tỷ-kheo, *duyên của giải thoát là gì?*

- Ly tham là câu trả lời.

Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng ly tham có duyên, không phải không có duyên.

7) Và này các Tỷ-kheo, *duyên của ly tham là gì?*

- Yếm ly là câu trả lời.

Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng yếm ly có duyên, không phải không có duyên.

8) Và này các Tỷ-kheo, *duyên của yếm ly là gì?*

- Tri kiến như chân là câu trả lời.

Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng tri kiến như chân có duyên, không phải không có duyên.

9) Và này các Tỷ-kheo, *duyên của tri kiến như chân là gì?*

- Định là câu trả lời.

Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng định có duyên, không phải không có duyên.

10) Và này các Tỷ-kheo, *duyên của định là gì?*

- Lạc là câu trả lời.

Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng lạc có duyên, không phải không có duyên.

11) Này các Tỷ-kheo, *duyên của lạc là gì?*

- Khinh an là câu trả lời.

Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng khinh an có duyên, không phải không có duyên.

12) Và này các Tỷ-kheo, *duyên của khinh an là gì?*

- Hỷ là câu trả lời.

Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng hỷ có duyên, không phải không có duyên.

13) Và này các Tỷ-kheo, *duyên của hỷ là gì?*

- Hân hoan là câu trả lời.

Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng hân hoan có duyên, không phải không có duyên.

14) Và này các Tỷ-kheo, *duyên của hân hoan là gì?*

- Lòng tin là câu trả lời.

Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng lòng tin có duyên, không phải không có duyên.

15) Và này các Tỷ-kheo, *duyên của lòng tin là gì?*

- Khổ là câu trả lời.

Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng khổ có duyên, không phải không có duyên.

16) Và này các Tỷ-kheo, *duyên của khổ là gì?*

- Sanh là câu trả lời.

Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng sanh có duyên, không phải không có duyên.

17) Và này các Tỷ-kheo, *duyên của sanh là gì?*

- Hữu là câu trả lời.

Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng hữu có duyên, không phải không có duyên.

18) Và này các Tỷ-kheo, *duyên của hữu là gì?*

- Thủ là câu trả lời.

Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng thủ có duyên, không phải không có duyên.

19) Và này các Tỷ-kheo, *duyên của thủ là gì?*

- Ái là câu trả lời.

Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng ái có duyên, không phải không có duyên.

20-25) Và này các Tỷ-kheo, *duyên của ái là gì?*

- **Thọ** là câu trả lời... (như trên)...

- Xúc là câu trả lời...
- Sáu xứ là câu trả lời...
- Danh sắc là câu trả lời...
- Thức là câu trả lời...

- Hành là câu trả lời. Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng hành có duyên, không phải không có duyên.

26) Và này các Tỷ-kheo, *duyên của hành là gì?*

- Vô minh là câu trả lời.

Như vậy, này các Tỷ-kheo,

1. ***Vô minh*** *duyên hành;*
2. ***Hành*** *duyên thức;*
3. ***Thức*** *duyên danh sắc;*
4. ***Danh sắc*** *duyên sáu xứ;*
5. ***Sáu xứ*** *duyên xúc;*
6. ***Xúc*** *duyên thọ;*
7. ***Thọ*** *duyên ái;*
8. ***Ái*** *duyên thủ;*
9. ***Thủ*** *duyên hữu;*
10. ***Hữu*** *duyên sanh;*
11. ***Sanh*** *duyên khổ;*
12. ***Khổ*** *duyên tín;*
13. ***Tín*** *duyên hân hoan;*
14. ***Hân hoan*** *duyên hỷ;*
15. ***Hỷ*** *duyên khinh an;*
16. ***Khinh an*** *duyên lạc;*
17. ***Lạc*** *duyên định;*
18. ***Định*** *duyên tri kiến như chân;*
19. ***Tri kiến như chân*** *duyên yếm ly;*
20. ***Yếm ly*** *duyên ly tham;*
21. ***Ly tham*** *duyên giải thoát;*
22. ***Giải thoát*** *duyên* ***Trí về đoạn diệt***.

27) *Ví như, này các Tỷ-kheo, trên đỉnh núi trời mưa nặng hột và nước chảy theo triền thấp, tràn đầy hang núi, khe núi, thung lũng. Khi các hang núi, khe núi, thung lũng được tràn đầy, thời ao nhỏ được tràn đầy;*

ao nhỏ được tràn đầy thời ao lớn được tràn đầy; ao lớn tràn đầy thời sông nhỏ được tràn đầy; sông nhỏ được tràn đầy thời sông lớn được tràn đầy; sông lớn được tràn đầy thời biển lớn, đại dương được tràn đầy.

28) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vô minh duyên hành; hành duyên thức; thức duyên danh sắc; danh sắc duyên sáu xứ; sáu xứ duyên xúc; xúc duyên thọ; thọ duyên ái; ái duyên thủ; thủ duyên hữu; hữu duyên sanh; sanh duyên khổ; khổ duyên tín; tín duyên hân hoan; hân hoan duyên hỷ; hỷ duyên khinh an; khinh an duyên lạc; lạc duyên định; định duyên tri kiến như chân; tri kiến như chân duyên yếm ly; yếm ly duyên ly tham; ly tham duyên giải thoát; giải thoát duyên trí về đoạn diệt.

6 4 trí tế nhị đối với sắc, thọ, tưởng, hành - Kinh TRÍ TẾ NHỊ – Tăng I, 580

TRÍ TẾ NHỊ – *Tăng* I, 580

❖ Này các Tỷ-kheo, có **bốn trí tế nhị** này. Thế nào là bốn?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thành tựu trí tế nhị đối với sắc, không thấy một trí tế nhị đối với sắc tối thượng hơn, thù diệu hơn trí tế nhị thù thắng ấy. Vị ấy không có phát nguyện đạt đến một trí tế nhị đối với sắc nào khác tối thượng hơn, thù diệu hơn trí tế nhị thù thắng ấy.
- Vị ấy thành tựu trí tế nhị đối với thọ, không thấy một trí tế nhị đối với thọ nào khác tối thượng hơn, thù diệu hơn trí tế nhị thù thắng ấy. Vị ấy không có phát nguyện đạt đến một trí tế nhị đối với thọ nào khác tối thượng hơn, thù diệu hơn trí tế nhị thù thắng ấy.
- Vị ấy thành tựu trí tế nhị đối với tưởng …
- Vị ấy thành tựu trí tế nhị đối với các hành, không thấy một trí tế nhị đối với hành nào khác tối thượng hơn, thù diệu hơn trí tế nhị thù thắng ấy. Vị ấy không có phát nguyện đạt đến một trí

tế nhị đối với hành nào khác tối thượng hơn, thù diệu hơn trí tế nhị thù thắng ấy. Này các Tỷ-kheo, đây là bốn trí tế nhị.

Biết trí tế nhị sắc
Biết hiện hữu các thọ
Từ đâu tưởng sanh khởi
Tại đâu tưởng chấm dứt
Biết các hành biến khác
Là không, không là ngã
Nếu Tỷ-kheo thấy chánh
Tịch tịnh, ưa tịch tịnh
Thọ trì thân tối hậu
Thắng Ma và Ma quân.

7 6 căn được đoạn diệt không có dư tàn, toàn bộ và toàn diện - Kinh Hữu Học – Tương V, 356

Hữu Học – *Tương* V, 356

1) Như vầy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Kosambi, tại khu vườn Ghosita.

2) Tại đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

-- ***Có pháp môn nào****, này các Tỷ-kheo, y cứ pháp môn ấy,* ***Tỷ-kheo hữu học*** *đứng trên hữu học địa có thể rõ biết: "Tôi là bậc hữu học",* ***Tỷ-kheo vô học*** *(asekha) đứng trên vô học địa có thể rõ biết: "Tôi là bậc vô học"?*

-- Bạch Thế Tôn, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản...

3) -- ***Có*** *pháp môn, này các Tỷ-kheo, y cứ pháp môn ấy, Tỷ-kheo hữu học đứng trên hữu học địa có thể rõ biết: "Tôi là bậc hữu học", Tỷ-kheo vô học đứng trên vô học địa, có thể rõ biết: "Tôi là bậc vô học".*

4) *Và này các Tỷ-kheo, pháp môn ấy là gì, y cứ pháp môn ấy, Tỷ-kheo **hữu** học trú trên hữu học địa rõ biết: "Tôi là bậc hữu học"?*

*Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo hữu học **như thật rõ biết**: **"Đây là khổ"**, như thật rõ biết: "Đây là khổ tập khởi", như thật rõ biết: "Đây là khổ đoạn diệt", như thật rõ biết: "Đây là con đường đưa đến khổ đoạn diệt". Đây là pháp môn, y cứ pháp môn ấy, Tỷ-kheo hữu học đứng trên hữu học địa rõ biết: "Tôi là bậc hữu học".*

5) Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo hữu học suy nghĩ như sau: "Ngoài Tăng chúng này, có một Sa-môn hay Bà-la-môn nào khác có thể thuyết pháp thực như vậy, chân như vậy, như thị như vậy, như Thế Tôn hay không?".

*Và vị ấy **rõ biết như sau**: **"Ngoài Tăng chúng này, không có** một Sa-môn hay Bà-la-môn nào khác có thể thuyết pháp thực như vậy, chân như vậy, như thị như vậy, như Thế Tôn". Đây là pháp môn, này các Tỷ-kheo, y cứ pháp môn ấy, Tỷ-kheo hữu học đứng trên hữu học địa rõ biết: "Tôi là bậc hữu học".*

6) *Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo hữu học **rõ biết năm căn**: **tín** căn, **tấn** căn, **niệm** căn, **định** căn, **tuệ** căn. Nhưng về sanh thú, về tối thắng, về quả, về mục*

đích của chúng, vị ấy không có thể trú, tự thân thông đạt được, và không thể với trí tuệ, thông suốt chúng và thấy chúng rõ ràng. Đây là pháp môn, này các Tỷ-kheo, y cứ pháp môn ấy, Tỷ-kheo hữu học đứng trên hữu học địa rõ biết: "Tôi là bậc hữu học".

7) *Và này các Tỷ-kheo, pháp môn ấy là gì, y cứ pháp môn ấy, Tỷ-kheo* ***vô*** *học đứng trên vô học địa rõ biết: "Ta là bậc vô học"?*

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo vô học ***rõ biết năm căn****:* ***tín*** *căn,* ***tấn*** *căn,* ***niệm*** *căn,* ***định*** *căn,* ***tuệ*** *căn với sanh thú của chúng, với tối thắng của chúng, với quả của chúng, với mục đích của chúng. Và vị ấy trú, với tự thân thông đạt được, và với trí tuệ thông suốt chúng và thấy chúng rõ ràng. Đây là pháp môn, này các Tỷ-kheo, y cứ pháp môn ấy, Tỷ-kheo vô học đứng trên vô học địa rõ biết: "Tôi là bậc vô học".*

8) *Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo vô học* ***rõ biết sáu căn****: nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn, ý căn. Vị ấy rõ biết: "Sáu căn này được đoạn diệt, không có dư tàn, toàn bộ và toàn diện. Và sẽ không có sáu căn khác khởi lên, tại một chỗ nào và như thế nào". Vị ấy rõ biết như vậy. Đây là pháp môn, này các Tỷ-kheo, do pháp môn ấy, Tỷ-kheo vô học đứng trên vô học địa, rõ biết: "Tôi là bậc vô học".*

8 Do chánh định nên chánh trí được khởi lên - ĐẠI Kinh BỐN MƯƠI – 117 Trung III, 237

ĐẠI KINH BỐN MƯƠI
(Mahacattarisaka suttam)

– Bài kinh số 117 – Trung III, 237

Như vầy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Savatthi (Xá-vệ), Jetavana (Kỳ-đà Lâm), tại tinh xá ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Ở đấy Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– "Này các Tỷ-kheo".

– "Bạch Thế Tôn".

– "Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các Ông về **Thánh chánh định cùng với các cận duyên và các tư trợ.** Hãy lắng tai nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng".

– "Thưa vâng, bạch Thế Tôn". Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Thánh chánh định với các cận duyên và các tư trợ?

– Chính là chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm. Này các Tỷ-kheo, **phàm có nhất tâm nào (ekaggata) được tư trợ với bảy chi phần này, này các Tỷ-kheo, như vậy gọi là Thánh chánh định** cùng với các cận duyên và các tư trợ.

❖ Ở đây, này các Tỷ-kheo, **chánh kiến đi hàng đầu**.

– *Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là chánh kiến đi hàng đầu?* – **Tuệ tri** tà kiến là tà kiến, tuệ tri chánh kiến là chánh kiến. Như vậy là chánh kiến của vị ấy.

– *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tà kiến?* – Không có bố thí, không có cúng dường, không có tế tự, không có quả báo các nghiệp thiện ác, không có đời này, không có đời khác, không có mẹ, không có cha, không có các loại hóa sanh; ở đời không có các vị Sa-môn, Bà-la-môn, chánh hướng, chánh hạnh, sau khi với thượng trí tự mình chứng đạt lại tuyên bố lên. Như vậy, này các Tỷ-kheo là tà kiến.

– *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là chánh kiến?* –

Chánh kiến này các Tỷ-kheo, Ta nói có hai loại. Này các Tỷ-kheo, có loại **chánh kiến hữu lậu**, thuộc phước báo, đưa đến *quả sanh y (upadhivepakka); có loại* ***chánh kiến thuộc bậc Thánh, vô lậu****, siêu thế, thuộc đạo chi (magganga).*

– *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là* ***chánh kiến hữu lậu, thuộc phước báo, đưa đến quả sanh y?*** – Có bố thí, có cúng dường, có tế tự, có quả báo các nghiệp thiện ác, có đời này, có đời khác, có mẹ, có cha, có các loại hóa sanh; ở đời có các vị Sa-môn, Bà-la-môn, chánh hướng, chánh hạnh, sau khi với thượng trí tự mình chứng đạt đời này và đời khác lại tuyên bố lên. Như vậy, này các Tỷ-kheo là chánh kiến hữu lậu, thuộc phước báo, đưa đến quả sanh y.

– *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là* ***chánh kiến thuộc bậc Thánh, vô lậu, siêu thế, thuộc đạo chi****?* – Phàm cái gì, này các Tỷ-kheo, thuộc **trí tuệ, tuệ căn, tuệ lực, trạch pháp giác chi, chánh kiến, đạo chi của một vị tu tập Thánh đạo, thành thục trong Thánh đạo, có vô lậu tâm, có Thánh tâm**. Chánh kiến như vậy, này các Tỷ-kheo, thuộc bậc Thánh, vô lậu, siêu thế, thuộc đạo chi.

→ Ai tinh tấn đoạn trừ tà kiến, thành tựu chánh kiến, như vậy là chánh tinh tấn của vị ấy.

→ Ai chánh niệm đoạn trừ tà kiến, chánh niệm đạt được và an trú chánh kiến, như vậy là chánh niệm của vị ấy.

→ *Như vậy ba pháp này chạy theo, chạy vòng theo chánh kiến, tức là* ***chánh kiến, chánh tinh tấn, chánh niệm.***

❖ Ở đây, này các Tỷ-kheo, **chánh kiến đi hàng đầu.**

– Và này các Tỷ-kheo, như thế nào chánh kiến đi hàng đầu? – **Tuệ tri** tà tư duy là tà tư duy, tuệ tri chánh tư duy là chánh tư duy, như vậy là chánh kiến của các vị ấy.

– Và này các Tỷ-kheo, thế nào là **tà tư duy**? – Dục tư duy, sân tư duy, hại tư duy, này các Tỷ-kheo, như vậy là tà tư duy.

– Và này các Tỷ-kheo, thế nào là **chánh tư duy**? – Chánh tư duy, này các Tỷ-kheo, Ta nói có hai loại: có loại chánh tư duy hữu lậu, thuộc phước báo, đưa đến quả sanh y; có loại chánh tư duy thuộc bậc Thánh vô lậu, siêu thế, thuộc đạo chi.

– Và này các Tỷ-kheo, thế nào là **chánh tư duy hữu lậu, thuộc phước báo, đưa đến quả sanh**

y? – Ly dục tư duy, vô sân tư duy, bất hại tư duy, như vậy, này các Tỷ-kheo là chánh tư duy, hữu lậu, thuộc phước báo, đưa đến quả sanh y.

– Và này các Tỷ-kheo, thế nào là **chánh tư duy thuộc bậc Thánh, vô lậu, siêu thế, thuộc đạo chi**? – Phàm cái gì, này các Tỷ-kheo, thuộc suy tư, tầm cầu, tư duy, một ngữ hành do sự hoàn toàn chú tâm chuyên tâm của một vị tu tập Thánh đạo, thành thục trong Thánh đạo, có vô lậu tâm, có Thánh tâm; chánh tư duy như vậy, này các Tỷ-kheo, thuộc bậc Thánh, vô lậu, siêu thế, thuộc đạo chi.

→ Ai tinh tấn đoạn trừ tà tư duy, thành tựu chánh tư duy, như vậy là chánh tinh tấn của vị ấy.

→ Ai chánh niệm đoạn trừ tà tư duy, chánh niệm đạt được và an trú chánh tư duy, như vậy là chánh niệm của vị ấy.

→ *Như vậy* ***ba pháp này chạy theo, chạy vòng theo chánh tư duy, tức là*** *chánh kiến, chánh tinh tấn, chánh niệm.*

❖ Ở đây, này các Tỷ-kheo, **chánh kiến đi hàng đầu.**

– Và như thế nào, này các Tỷ-kheo chánh kiến đi hàng đầu? – **Tuệ tri** tà ngữ là tà ngữ, tuệ tri

chánh ngữ là chánh ngữ; như vậy là chánh kiến của vị ấy.

– Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tà ngữ? – Vọng ngữ, nói hai lưỡi, ác khẩu, nói lời phù phiếm, như vậy, này các Tỷ-kheo, là tà ngữ.

– Và này các Tỷ-kheo, thế nào là chánh ngữ? – Chánh ngữ, này các Tỷ-kheo, Ta nói có hai loại: có loại chánh ngữ hữu lậu, thuộc phước báo, đưa đến quả sanh y; có loại chánh ngữ thuộc bậc Thánh, vô lậu, siêu thế, thuộc đạo chi.

– *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là chánh ngữ, hữu lậu, thuộc phước báo, đưa đến quả sanh y?* – Viễn ly vọng ngữ, viễn ly nói hai lưỡi, viễn ly ác khẩu, viễn ly phù phiếm ngữ; như vậy, này các Tỷ-kheo, là chánh ngữ, hữu lậu thuộc phước báo, đưa đến quả sanh y.

– *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là chánh ngữ thuộc bậc Thánh, vô lậu, siêu thế, thuộc đạo chi?* – Cái gì, này các Tỷ-kheo, thuộc về từ bỏ, từ đoạn, từ khước, viễn ly bốn ngữ ác hành, đối với một vị tu tập Thánh đạo, thuần thục trong Thánh đạo, có vô lậu tâm, có Hiền Thánh tâm; như vậy, này các Tỷ-kheo là chánh ngữ, thuộc bậc Thánh, vô lậu, siêu thế, thuộc đạo chi.

→ Ai tinh tấn đoạn trừ tà ngữ, thành tựu chánh ngữ; như vậy là chánh tinh tấn của vị ấy.

→ Ai chánh niệm đoạn trừ tà ngữ, chánh niệm đạt được và an trú chánh ngữ; như vậy là chánh niệm của vị ấy.

→ Như vậy, ba pháp này chạy theo, chạy vòng theo chánh ngữ, tức là chánh kiến, chánh tinh tấn, chánh niệm.

❖ Ở đây, này các Tỷ-kheo, **chánh kiến đi hàng đầu.**

– Và như thế nào, này các Tỷ-kheo, chánh kiến đi hàng đầu? – Biết được tà nghiệp là tà nghiệp, biết được chánh nghiệp là chánh nghiệp; như vậy là chánh kiến của vị ấy.

– Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tà nghiệp? – Sát sanh, lấy của không cho, tà hạnh trong các dục; như vậy, này các Tỷ-kheo, là tà nghiệp.

– Và này các Tỷ-kheo, thế nào là chánh nghiệp? – Chánh nghiệp, này các Tỷ-kheo, Ta nói có hai loại: Có loại chánh nghiệp, này các Tỷ-kheo, hữu lậu, thuộc phước báo, đưa đến quả sanh y; có loại chánh nghiệp, này các Tỷ-kheo, thuộc bậc Thánh, vô lậu, siêu thế, thuộc đạo chi.

– Và này các Tỷ-kheo, thế nào là chánh nghiệp

thuộc hữu lậu, thuộc phước báo, đưa đến quả sanh y? – Viễn ly sát sanh, viễn ly lấy của không cho, viễn ly tà hạnh trong các dục; như vậy, này các Tỷ-kheo, là chánh nghiệp, thuộc hữu lậu, thuộc phước báo, đưa đến quả sanh y.

– Và này các Tỷ-kheo, thế nào là chánh nghiệp, thuộc bậc Thánh, vô lậu, siêu thế, thuộc đạo chi? – Cái gì, này các Tỷ-kheo, thuộc về từ bỏ, từ đoạn, từ khước, viễn ly ba thân ác hành đối với một vị tu tập Thánh đạo, thành thục trong Thánh đạo, có vô lậu tâm, có Hiền Thánh tâm; như vậy, này các Tỷ-kheo, là chánh nghiệp, thuộc bậc Thánh, vô lậu, siêu thế, thuộc đạo chi.

→ Ai tinh tấn đoạn trừ tà nghiệp, thành tựu chánh nghiệp => như vậy là chánh tinh tấn của vị ấy.

→ Ai chánh niệm đoạn trừ tà nghiệp, chánh niệm đạt được và an trú chánh nghiệp => như vậy là chánh niệm của vị ấy.

→ Như vậy ba pháp này chạy theo, chạy vòng theo chánh nghiệp, tức là chánh kiến, chánh tinh tấn, chánh niệm.

❖ Ở đây, này các Tỷ-kheo, **chánh kiến đi hàng đầu.**

– Và như thế nào, này các Tỷ-kheo, chánh kiến

đi hàng đầu? – Tuệ tri được tà mạng là tà mạng, tuệ tri được chánh mạng là chánh mạng; như vậy là chánh kiến của vị ấy.

– Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tà mạng? – Lừa đảo, nói lời mê ly, hiện tướng, gian trá, lấy lợi cầu lợi; như vậy, này các Tỷ-kheo, là tà mạng.

– Và thế nào, này các Tỷ-kheo, là chánh mạng? – Chánh mạng, này các Tỷ-kheo, Ta nói có hai loại: có loại chánh mạng, này các Tỷ-kheo, hữu lậu, thuộc phước báo, đưa đến quả sanh y; có chánh mạng, này các Tỷ-kheo, thuộc bậc Thánh, vô lậu, siêu thế, thuộc đạo chi.

– Và thế nào, này các Tỷ-kheo là chánh mạng, hữu lậu, thuộc phước báo, đưa đến quả sanh y? – Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử bỏ tà mạng, nuôi sống với chánh mạng, như vậy, này các Tỷ-kheo là chánh mạng, hữu lậu, thuộc phước báo, đưa đến quả sanh y.

– Và này các Tỷ-kheo, thế nào là chánh mạng, thuộc bậc Thánh, vô lậu, siêu thế, thuộc đạo chi? – Cái gì, này các Tỷ-kheo thuộc về từ bỏ, từ đoạn, từ khước, viễn ly tà mạng đối với một vị tu tập Thánh đạo, thuần thục trong Thánh đạo, có vô lậu tâm, có Hiền Thánh tâm; như vậy, này các Tỷ-kheo là chánh mạng, thuộc bậc

Thánh, vô lậu, siêu thế, thuộc đạo chi.

– Ai tinh tấn đoạn trừ tà mạng, thành tựu chánh mạng; như vậy là chánh tinh tấn của vị ấy. Ai chánh niệm đoạn trừ tà mạng, chánh niệm đạt được và an trú chánh mạng, như vậy là chánh niệm của vị ấy. Như vậy là ba pháp này chạy theo, chạy vòng theo chánh mạng, tức là chánh kiến, chánh tinh tấn, chánh niệm.

❖ Ở đây, này các Tỷ-kheo, **chánh kiến đi hàng đầu**. Và thế nào, này Tỷ-kheo, chánh kiến đi hàng đầu?

– Chánh tư duy, này các Tỷ-kheo, do chánh kiến, được khởi lên.

– Chánh ngữ do chánh tư duy được khởi lên.

– Chánh nghiệp do chánh ngữ được khởi lên.

– Chánh mạng do chánh nghiệp được khởi lên.

– Chánh tinh tấn do chánh mạng được khởi lên.

– Chánh niệm do chánh tinh tấn được khởi lên.

– Chánh định do chánh niệm được khởi lên.

– Chánh trí do chánh định được khởi lên.

– Chánh giải thoát do chánh trí được khởi lên.

⇨ Như vậy, này các Tỷ-kheo, đạo lộ của vị hữu học gồm có tám chi phần và đạo lộ của vị A-

la-hán, gồm có mười chi phần.

❖ Ở đây, này các Tỷ-kheo, **chánh kiến đi hàng đầu.** Và như thế nào, này các Tỷ-kheo, chánh kiến đi hàng đầu?

– Tà kiến này các Tỷ-kheo, do chánh kiến làm cho tiêu diệt. Và những ác bất thiện pháp được tà kiến duyên khởi, các pháp ấy bị tiêu diệt trong vị có chánh kiến. Và những thiện pháp được chánh kiến duyên khởi, các pháp ấy được tu tập và trở thành viên mãn.

– Tà tư duy, này các Tỷ-kheo, do chánh tư duy làm cho tiêu diệt và những ác bất thiện pháp, được tà tư duy duyên khởi, các pháp ấy bị tiêu diệt trong người có chánh tư duy. Và những thiện pháp được chánh tư duy duyên khởi, các pháp ấy được phát triển trở thành viên mãn.

– Tà ngữ, này các Tỷ-kheo, do chánh ngữ làm cho tiêu diệt và những ác bất thiện pháp được tà ngữ duyên khởi, các pháp ấy bị tiêu diệt trong người có chánh ngữ. Và những thiện pháp được chánh ngữ duyên khởi, các pháp ấy được tu tập và trở thành viên mãn.

– Tà nghiệp, này các Tỷ-kheo, do chánh nghiệp làm cho tiêu diệt, và những ác bất thiện pháp được tà nghiệp duyên khởi, các pháp ấy bị tiêu

diệt trong người có chánh nghiệp. Và những thiện pháp được chánh nghiệp duyên khởi, các pháp ấy được tu tập và trở thành viên mãn.

– Tà mạng, này các Tỷ-kheo, do chánh mạng làm cho tiêu diệt. Và những ác bất thiện pháp được tà mạng duyên khởi, các pháp ấy được tiêu diệt trong người có chánh mạng. Và những thiện pháp được chánh mạng duyên khởi, các pháp ấy được tu tập và trở thành viên mãn.

– Tà tinh tấn, này các Tỷ-kheo, do chánh tinh tấn làm cho tiêu diệt. Và những ác bất thiện pháp được tà tinh tấn duyên khởi, các pháp ấy được tiêu diệt trong người có chánh tinh tấn. Và những thiện pháp sai biệt được khởi lên do duyên chánh tinh tấn, các pháp ấy được tu tập và trở thành viên mãn.

– Tà niệm, này các Tỷ-kheo, do chánh niệm làm cho tiêu diệt. Và những ác bất thiện pháp được tà niệm duyên khởi, các pháp ấy được tiêu diệt trong người có chánh niệm. Và những thiện pháp được chánh niệm duyên khởi, các pháp ấy được tu tập và trở thành viên mãn.

– Tà định, này các Tỷ-kheo do chánh định làm cho tiêu diệt. Và những ác bất thiện pháp được tà định duyên khởi, các pháp ấy được tiêu diệt

trong người có chánh định. Và những thiện pháp được chánh định duyên khởi, các pháp ấy được tu tập và trở thành viên mãn.

– Tà trí, này các Tỷ-kheo, do chánh trí làm cho tiêu diệt. Và những ác bất thiện pháp được tà trí duyên khởi, các pháp ấy được tiêu diệt trong người có chánh trí. Và những thiện pháp được chánh trí duyên khởi, các pháp ấy được phát triển và trở thành viên mãn.

– Tà giải thoát, này các Tỷ-kheo, do chánh giải thoát làm cho tiêu diệt. Và những ác bất thiện pháp được tà giải thoát duyên khởi, các pháp ấy được tiêu diệt trong người có chánh giải thoát. Và các thiện pháp sai biệt được chánh giải thoát duyên khởi, các pháp ấy được phát triển và trở thành viên mãn.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, có hai mươi thiện phần, hai mươi bất thiện phần. Đại pháp môn Bốn mươi đã được chuyển vận không bị chận đứng lại bởi một Sa-môn, Bà-la-môn, Thiên, Ma, Phạm thiên hay một ai ở đời.

Nếu có Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo, nghĩ rằng đại pháp môn Bốn mươi này đáng bị phê bình, đáng bị phỉ báng, thời ngay hiện tại, **mười thuận thuyết** tùy thuyết hợp pháp được nói lên để

chỉ trích người ấy:

- Nếu Tôn giả chỉ trích chánh kiến, thời các Sa-môn có tà kiến, các Tôn giả ấy là những vị đáng được cúng dường, các Tôn giả ấy là những vị đáng được tán thán.
- Nếu Tôn giả chỉ trích chánh tư duy, thời các Sa-môn, Bà-la-môn có tà tư duy, các Tôn giả ấy là những vị đáng được cúng dường, các Tôn giả ấy là những vị đáng được tán thán.
- Nếu Tôn giả chỉ trích chánh ngữ... chánh nghiệp... chánh mạng... chánh tinh tấn... chánh niệm... chánh định... chánh trí...
- Nếu Tôn giả chỉ trích chánh giải thoát, thời các Sa-môn, Bà-la-môn có tà giải thoát, các Tôn giả ấy là những vị đáng cúng dường, các Tôn giả ấy là những vị đáng được tán thán.

Nếu có Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo, nghĩ rằng đại pháp môn Bốn mươi này đáng bị phê bình, đáng bị phỉ báng, thời ngay hiện tại, mười thuận thuyết hợp pháp được nói lên để chỉ trích người ấy.

Này các Tỷ-kheo, cho đến các dân chúng ở Ukkala và dân chúng Vassa, dân chúng Bhanna theo vô nhân luận, theo vô tác luận, theo hư vô luận,

những vị ấy cũng không nghĩ rằng đại pháp môn Bốn mươi đáng chỉ trích, đáng bị phỉ báng. Vì sao vậy? Vì sợ quở trách, phẫn nộ, công kích.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các vị Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

9 Sẽ không có 6 căn khác khởi lên tại một chỗ nào - Kinh Hữu Học – Tương V, 356

Hữu Học – *Tương* V, 365

1) Như vầy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Kosambi, tại khu vườn Ghosita.

2) Tại đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

-- ***Có pháp môn nào***, *này các Tỷ-kheo, y cứ pháp môn ấy,* ***Tỷ-kheo hữu học*** *đứng trên hữu học địa có thể rõ biết: "Tôi là bậc hữu học",* ***Tỷ-kheo vô học*** *(asekha) đứng trên vô học địa có thể rõ biết: "Tôi là bậc vô học"?*

-- Bạch Thế Tôn, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản...

3) -- ***Có*** *pháp môn, này các Tỷ-kheo, y cứ pháp môn ấy, Tỷ-kheo hữu học đứng trên hữu học địa có thể rõ biết: "Tôi là bậc hữu học", Tỷ-kheo vô học đứng trên vô học địa, có thể rõ biết: "Tôi là bậc vô học".*

4) *Và này các Tỷ-kheo, pháp môn ấy là gì, y cứ pháp môn ấy, Tỷ-kheo* ***hữu*** *học trú trên hữu học địa rõ biết: "Tôi là bậc hữu học"?*

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo hữu học ***như thật rõ biết****:* ***"Đây là khổ",*** *như thật rõ biết: "Đây là khổ tập khởi", như thật rõ biết: "Đây là khổ đoạn diệt", như thật rõ biết: "Đây là con đường đưa đến khổ đoạn diệt". Đây là pháp môn, y cứ pháp môn ấy, Tỷ-kheo hữu học đứng trên hữu học địa rõ biết: "Tôi là bậc hữu học".*

5) Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo hữu học suy nghĩ như sau: "Ngoài Tăng chúng này, có một Sa-môn hay Bà-la-môn nào khác có thể thuyết pháp thực như vậy, chân như vậy, như thị như vậy, như Thế Tôn hay không?".

Và vị ấy ***rõ biết như sau****:* ***"Ngoài Tăng chúng này, không có*** *một Sa-môn hay Bà-la-môn nào khác có thể thuyết pháp thực như vậy, chân như vậy, như thị như vậy, như Thế Tôn". Đây là pháp môn, này các Tỷ-kheo, y cứ pháp môn ấy, Tỷ-kheo hữu học đứng trên hữu học địa rõ biết: "Tôi là bậc hữu học".*

6) *Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo hữu học* ***rõ biết năm căn****:* ***tín*** *căn,* ***tấn*** *căn,* ***niệm*** *căn,* ***định*** *căn,* ***tuệ*** *căn. Nhưng về sanh thú, về tối thắng, về quả, về mục*

đích của chúng, vị ấy không có thể trú, tự thân thông đạt được, và không thể với trí tuệ, thông suốt chúng và thấy chúng rõ ràng. Đây là pháp môn, này các Tỷ-kheo, y cứ pháp môn ấy, Tỷ-kheo hữu học đứng trên hữu học địa rõ biết: "Tôi là bậc hữu học".

7) *Và này các Tỷ-kheo, pháp môn ấy là gì, y cứ pháp môn ấy, Tỷ-kheo **vô** học đứng trên vô học địa rõ biết: "Ta là bậc vô học"?*

*Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo vô học **rõ biết năm căn**: **tín** căn, **tấn** căn, **niệm** căn, **định** căn, **tuệ** căn với sanh thú của chúng, với tối thắng của chúng, với quả của chúng, với mục đích của chúng. Và vị ấy trú, với tự thân thông đạt được, và với trí tuệ thông suốt chúng và thấy chúng rõ ràng. Đây là pháp môn, này các Tỷ-kheo, y cứ pháp môn ấy, Tỷ-kheo vô học đứng trên vô học địa rõ biết: "Tôi là bậc vô học".*

8) *Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo vô học **rõ biết sáu căn**: nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn, ý căn. Vị ấy rõ biết: "Sáu căn này được đoạn diệt, không có dư tàn, toàn bộ và toàn diện. Và sẽ không có sáu căn khác khởi lên, tại một chỗ nào và như thế nào". Vị ấy rõ biết như vậy. Đây là pháp môn, này các Tỷ-kheo, do pháp môn ấy, Tỷ-kheo vô học đứng trên vô học địa, rõ biết: "Tôi là bậc vô học".*

10 Thiền định này được quả là chánh trí - Kinh TÔN GIẢ ÀNANDA – Tăng IV, 179

TÔN GIẢ ÀNANDA – *Tăng* IV, 179

1. Như vầy tôi nghe:

Một thời, Tôn giả Ànanda trú ở Kosambi, tại khu vườn Ghosita. Tại đấy, Tôn giả Ànanda bảo các Tỷ-kheo:

- Này chư Hiền Tỷ-kheo.

- Vâng, thưa Hiền giả.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Ànanda. Tôn giả Ànanda nói như sau:

2. - *Thật vi diệu thay, thưa các Hiền giả! Thật hi hữu thay, thưa các Hiền giả, như thế nào là con đường thoát ly, thoát khỏi sự trói buộc, được Thế Tôn, bậc Trí giả, bậc Kiến giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tùy giác để các loài hữu tình được thanh tịnh, vượt khỏi sầu bi, chấm dứt khổ ưu, đạt được chánh lý, giác ngộ Niết-bàn.*

- *Đây sẽ chỉ có **mắt**, chớ không có cảm thọ các sắc ấy và các xứ ấy;*
- *Đây chỉ có **tai**, chớ không có cảm thọ các tiếng ấy và các xứ ấy;*
- *Đây chỉ có **mũi** chớ không có cảm thọ các hương ấy và các xứ ấy;*
- *Đây chỉ có **lưỡi**, chớ không có cảm thọ các vị ấy và các xứ ấy;*
- *Đây chỉ có **thân**, chớ không có cảm thọ các xúc ấy và các xứ ấy.*

3. Khi được nói vậy, Tôn giả Udàyi nói với Tôn giả Ànanda:

- *Này Hiền giả Ànanda, người không cảm thọ xứ ấy, người ấy có tưởng hay không có tưởng?*

- Này Hiền giả, người không cảm thọ xứ ấy, người ấy *có tưởng,* không phải không có tưởng.

Nhưng thưa Hiền giả, người không cảm thọ xứ ấy, người ấy tưởng cái gì?

4. - Ở đây, này Hiền giả, Tỷ-kheo vượt qua các sắc tưởng một cách hoàn toàn, chấm dứt các chướng ngại tưởng, không tác ý đến các tưởng sai biệt, biết rằng: "Hư không là vô biên", chứng đạt và an trú **Không**

vô biên xứ. Này Hiền giả, vị ấy có tưởng như vậy, nhưng không cảm thọ xứ ấy.

5. Lại nữa, này Hiền giả, Tỷ-kheo vượt khỏi Không vô biên xứ một cách hoàn toàn, biết rằng: "Thức là vô biên", chứng đạt và an trú **Thức vô biên xứ**. Này Hiền giả, vị ấy có tưởng như vậy, nhưng không cảm thọ xứ ấy.

6. Lại nữa, này Hiền giả, Tỷ-kheo vượt khỏi Thức vô biên xứ một cách hoàn toàn, biết rằng: "Không có vật gì", chứng đạt và an trú **Vô sở hữu xứ**. Này Hiền giả, vị ấy có tưởng như vậy, nhưng không cảm thọ xứ ấy.

7. Này Hiền giả, một thời tôi sống ở Sàketa, rừng Anjanavana tại vườn nai. Rồi này Hiền giả, có một Tỷ-kheo-ni ở Jatilàgàha đến tôi, đảnh lễ tôi và đứng một bên. Đứng một bên, này các Hiền giả, Tỷ-kheo-ni ở Jatilàgàha thưa với tôi:

- Thưa Tôn giả Ànanda, Thiền định này không thiên tà dục, không dưỡng hận tâm, trong ấy, sự chế ngự không phải do hữu hành nhiếp phục, nhờ giải thoát, được vững chắc, nhờ vững chắc, được tri túc; nhờ tri túc, không có âu lo. Thưa Tôn giả Ànanda, *Thiền định này được Thế Tôn dạy, có quả gì?"*

Được nói vậy, này Hiền giả, tôi nói với Tỷ-kheo-ni ở Jatilàgàha như sau: "- Thưa Chị, Thiền định này không thiên tà dục, không dưỡng hận tâm; trong ấy, sự chế ngự không phải do hữu hành nhiếp phục, nhờ giải thoát được vững chắc; nhờ vững chắc, được tri túc; nhờ tri túc, không có âu lo... Này Chị, Thiền định này được **chánh trí** là quả".

Thế Tôn nói như vậy, này Hiền giả, vị ấy có những tưởng như vậy, nhưng không cảm thọ xứ ấy.

11 Thánh trí tuệ là Tuệ căn - Kinh Vườn Phía Đông 1 – Tương V, 346

Vườn Phía Đông 1 – *Tương* V, 346

1) Như vầy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Sàvatthi, tại Đông Viên, ở lầu đài của mẹ Migàra.

2) Tại đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

-- ***Bao nhiêu căn được tu tập***, *được làm cho sung mãn, này các Tỷ-kheo, khiến cho Tỷ-kheo* ***đã*** *đoạn tận các lậu hoặc* ***có*** *thể trả lời với chánh trí rằng: "Sanh đã tận... không còn trở lui trạng thái này nữa"?*

-- Bạch Thế Tôn, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản...

3) -- *Do tu tập, do làm cho sung mãn chỉ một căn, này các Tỷ-kheo, khiến cho Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, có thể trả lời với chánh trí rằng: "Sanh đã tận... không còn trở lui trạng thái này nữa"*. Một căn ấy là căn gì?

4) Với vị Thánh đệ tử có trí **tuệ,** này các Tỷ-kheo, tất nhiên (tadanvayà) **tín** được an trú, tất nhiên tinh **tấn** được an trú, tất nhiên **niệm** được an trú, tất nhiên **định** được an trú.

5) Do tu tập, do làm cho sung mãn chỉ một căn này, này các Tỷ-kheo, khiến cho Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, có thể trả lời với chánh trí rằng: "Sanh đã tận... không còn trở lui trạng thái này nữa".

Vườn Phía Đông 2 – *Tương* V, 347

1) Nhân duyên như trên.

2) -- ***Bao nhiên căn được tu tập****, được làm cho sung mãn, này các Tỷ-kheo, khiến cho Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc có thể trả lời với chánh trí rằng: "Sanh đã tận... không còn trở lui trạng thái này nữa"?*

-- Bạch Thế Tôn, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản...

3) -- **Hai căn** được tu tập, được làm cho sung mãn, này các Tỷ-kheo, khiến cho Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, có thể trả lời với chánh trí rằng: "Sanh đã

tận... không còn trở lui trạng thái này nữa". Thế nào là hai?

4) ***Thánh trí tuệ và Thánh giải thoát***.

- *Cái gì trong vị ấy là **Thánh trí tuệ**, cái ấy là **tuệ** căn.*
- *Cái gì trong vị ấy là **Thánh giải thoát**, cái ấy là **định** căn.*

5) Hai căn này được tu tập, được làm cho sung mãn, này các Tỷ-kheo, khiến cho Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, có thể trả lời với chánh trí rằng: "Sanh đã tận... không còn trở lui trạng thái này nữa".

Vườn Phía Đông 3 – *Tương* V, 348

1) Nhân duyên như trên.

2) -- ***Có bao nhiêu căn được tu tập***, *được làm cho sung mãn, này các Tỷ-kheo, khiến cho Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc có thể trả lời với chánh trí rằng: "Sanh đã tận... không còn trở lui trạng thái này nữa"?*

-- Bạch Thế Tôn, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản...

3-5) ... (như trên, chỉ khác là kinh này nói đến bốn căn tức **tấn** căn, **niệm** căn, **định** căn, **tuệ** căn...)

Vườn Phía Đông 4 – *Tương* V, 349

1) Nhân duyên như trên.

2) -- ***Có bao nhiêu căn được tu tập***, *được làm cho sung mãn, này các Tỷ-kheo, khiến cho Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc có thể trả lời với chánh trí rằng: "Sanh đã tận... không còn trở lui trạng thái này nữa"?*

-- Bạch Thế Tôn, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản...

... (như kinh trước, chỉ khác là đây chỉ năm căn tức **tín** căn, **tấn** căn, **niệm** căn, **định** căn, **tuệ** căn) ...

12 Thân hành niệm đưa đến trí tuệ thể nhập - Kinh PHẨM THIỀN ĐỊNH – Tăng I, 88

PHẨM THIỀN ĐỊNH – *Tăng* I, 88

1-70.

1. - Như một ai, này các Tỷ-kheo, với tâm biến mãn cùng khắp biển lớn, có thể bao gồm tất cả các con sống bé nhỏ đổ vào biển cả. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ai tu tập, làm cho sung mãn **Thân hành niệm**, cũng bao gồm tất cả thiện pháp, gồm những pháp thuộc về **Minh phần**.

2-8. Có một pháp, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến cảm hứng lớn, lợi ích lớn, an ổn lớn khỏi các khổ ách, chánh niệm tỉnh giác, đưa đến chứng đắc tri kiến, đưa đến hiện tại lạc trú, đưa đến chứng ngộ quả minh và giải thoát. Một pháp ấy là gì? **Chính là thân hành niệm.** Đây là một pháp, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến cảm hứng lớn … đưa đến chứng ngộ quả minh và giải thoát.

9-12. Có một pháp, này các Tỷ-kheo, khi được tu tập, được làm cho sung mãn, thân được khinh an, tâm

được khinh an, tầm tứ được tịnh chỉ, toàn bộ các pháp thuộc về minh phần đi đến tu tập, làm cho viên mãn. Một pháp ấy là gì? Chính là **thân hành niệm**. Khi tu tập, làm cho sung mãn một pháp này, thân được khinh an, tâm được khinh an, tầm và tứ được chỉ tịnh, toàn bộ các pháp thuộc về minh phần đi đến tu tập, được làm cho viên mãn.

13. Có một pháp, này các Tỷ-kheo, khi được tu tập, được làm cho sung mãn, các pháp bất thiện chưa sanh không sanh khởi, và các pháp bất thiện đã sanh bị đoạn tận. Một pháp ấy là gì? Chính là **thân hành niệm.** Khi tu tập, khi làm cho sung mãn một pháp này, này các Tỷ-kheo, các pháp bất thiện chưa sanh … bị đoạn tận.

14-15. Có một pháp, này các Tỷ-kheo, khi được tu tập, được làm cho sung mãn, các pháp thiện chưa sanh được sanh khởi, và các pháp thiện đã sanh, đưa đến tăng trưởng, quảng đại. Một pháp ấy là gì? Chính là **thân hành niệm.** Khi tu tập, khi làm cho sung mãn một pháp này, này các Tỷ-kheo, các pháp thiện chưa sanh … đưa đến tăng trưởng, quảng đại.

16-21. Có một pháp, này các Tỷ-kheo, khi được tu tập, được làm cho sung mãn, vô minh được đoạn tận, minh sanh khởi, ngã mạn được đoạn tận, các tùy miên được nhổ sạch, các kiết sử bị đoạn tận. Một

pháp ấy là gì? Chính là **<u>thân hành niệm</u>**. Khi một pháp này được tu tập, được làm cho sung mãn, vô minh bị đoạn tận… các kiết sử bị đoạn tận.

22-23. Có một pháp, này các Tỷ-kheo, khi được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến sự phân tích của trí tuệ, đưa đến Niết-bàn không có chấp thủ. Một pháp ấy là gì? Chính là **<u>thân hành niệm</u>**. Khi một pháp này được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến sự phân tích… không có chấp thủ.

24-26. Có một pháp, này các Tỷ-kheo, khi được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến sự thông đạt của nhiều giới, sự thông đạt của nhiều giới sai biệt, sự vô ngại giải của nhiều giới. Một pháp ấy là gì? Chính là **<u>thân hành niệm</u>**. Khi một pháp này được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến sự thông đạt … sự vô ngại giải của nhiều giới.

27-30. Có một pháp, này các Tỷ-kheo, khi được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến sự chứng ngộ quả Dự lưu, đưa đến sự chứng ngộ quả Nhất lai, đưa đến sự chứng ngộ quả Bất lai, đưa đến sự chứng ngộ quả A-la-hán. Một pháp ấy là gì? **Chính là <u>thân hành niệm</u>**. Khi một pháp này được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến sự chứng ngộ quả Dự lưu … quả A-la-hán.

31-46. Có một pháp, này các Tỷ-kheo, khi được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến sự chứng đắc trí tuệ, đưa đến sự tăng trưởng trí tuệ, đưa đến quảng đại trí tuệ, đưa đến đại trí tuệ, đưa đến trí tuệ rộng rãi, đưa đến quảng đại trí tuệ, đưa đến thâm sâu trí tuệ, đưa đến vô song trí tuệ, đưa đến vô hạn trí tuệ, đưa đến nhiều trí tuệ, đưa đến trí tuệ nhanh lẹ, đưa đến trí tuệ nhẹ nhàng, đưa đến trí tuệ hoan hỷ, đưa đến trí tuệ tốc hành, đưa đến trí tuệ sắc sảo, đưa đến trí tuệ thể nhập. Một pháp ấy là gì? **Chính là thân hành niệm**. Khi một pháp này được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến sự chứng đắc trí tuệ… đưa đưa đến trí tuệ thể nhập.

47-48. Những vị này không hưởng được **bất tử**, này các Tỷ-kheo, là những vị không thực hiện thân hành niệm. Những vị này hưởng được bất tử, này các Tỷ-kheo, là những vị thực hiện thân hành niệm.

49-50. Những vị này không chia sẻ **bất tử,** này các Tỷ-kheo, là những vị không chia sẻ thân hành niệm. Những vị này chia sẻ bất tử, này các Tỷ-kheo, là những vị chia sẻ **thân hành niệm.**

51-52. *Bất tử bị đoạn tận*, này các Tỷ-kheo, đối với những ai đoạn tận thân hành niệm. Bất tử không bị

đoạn tận, này các Tỷ-kheo, đối với những ai không đoạn tận thân hành niệm.

53-54. *Bất tử bị khiếm khuyết*, này các Tỷ-kheo, đối với những ai khiếm khuyết thân hành niệm. Bất tử được viên thành, này các Tỷ-kheo, đối với những ai viên thành thân hành niệm.

55-56. *Bất tử bị xao lãng bỏ phế*, này các Tỷ-kheo, đối với những ai bỏ phế thân hành niệm. Bất tử không bị xao lãng bỏ phế, này các Tỷ-kheo, đối với những ai không bỏ phế thân hành niệm.

57-58. *Bất tử bị vong thất*, này các Tỷ-kheo, đối với những ai vong thất thân hành niệm. Bất tử không bị vong thất, này các Tỷ-kheo, đối với những ai không vong thất **thân hành niệm.**

59-60. *Bất tử không được thực hiện*, này các Tỷ-kheo, đối với những ai không thực hiện thân hành niệm. Bất tử được thực hiện, này các Tỷ-kheo, đối với những ai thực hiện thân hành niệm.

61-62. *Bất tử không được tu tập,* này các Tỷ-kheo, đối với những ai không tu tập thân hành niệm. Bất tử được tu tập, này các Tỷ-kheo, đối với những ai tu tập thân hành niệm.

63-64. *Bất tử không được làm cho sung mãn*, này các Tỷ-kheo, đối với những ai không làm cho sung mãn thân hành niệm. Bất tử được làm cho sung mãn, này các Tỷ-kheo, đối với những ai làm cho sung mãn thân hành niệm.

65-66. *Bất tử không được thắng tri*, này các Tỷ-kheo, đối với những ai không thắng tri thân hành niệm. Bất tử được thắng tri, này các Tỷ-kheo, đối với những ai thắng tri thân hành niệm.

67-68. *Bất tử không được liễu tri*, này các Tỷ-kheo, đối với những ai không liễu tri thân hành niệm. Bất tử được liễu tri, này các Tỷ-kheo, đối với những ai liễu tri thân hành niệm.

69-70. *Bất tử không được chứng ngộ*, này các Tỷ-kheo, đối với những ai không chứng ngộ thân hành niệm. Bất tử được chứng ngộ, này các Tỷ-kheo, đối với những ai chứng ngộ thân hành niệm.

Thế Tôn thuyết như vậy, các vị Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

13 Thế nào là Trí tuệ vô thượng - Kinh LỢI ÍCH HỌC TẬP – Tăng II, 279

LỢI ÍCH HỌC TẬP – *Tăng* II, 279

1. - Phạm hạnh này được sống, được lợi ích trong học tập, được trí tuệ vô thượng, được giải thoát kiên cố, được niệm tăng thượng.

*Và này các Tỷ-kheo, thế nào là **lợi ích học tập**?*

Ở đây, này các Tỷ-kheo, các học pháp thắng hạnh được Ta đặt cho các đệ tử, để những ai ít lòng tin phát khởi lòng tin. Vì rằng, này các Tỷ-kheo, các học pháp thắng hạnh được ta chế đặt cho các đệ tử, để những ai ít lòng tin phát khởi lòng tin, để những ai có lòng tin, được tăng trưởng lòng tin. Do vậy, một đệ tử sau khi chấp nhận và học tập trong các học pháp, đối với học pháp ấy là người sở hành không bị bể vụn, sở hành không cắt xén, sở hành không bị vết nhơ, sở hành không bị chấm đen.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, các học pháp sở hành Phạm hạnh được Ta đặt cho các đệ tử, để chơn chánh đoạn diệt đau khổ một cách hoàn toàn. Vì rằng, này các Tỷ-kheo, các học pháp sở hành Phạm hạnh được ta chế đặt cho các đệ tử, để chơn chánh đoạn diệt đau

khổ một cách hoàn toàn. Do vậy, một đệ tử sau khi chấp nhận và học tập trong các học pháp, đối với học pháp ấy là người sở hành không bị bể vụn, sở hành không cắt xén, sở hành không bị vết nhơ, sở hành không bị chấm đen. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là lợi ích của học tập.

2. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là ***trí tuệ vô thượng****?*

Ở đây, này các Tỷ-kheo, các pháp Ta thuyết giảng cho các đệ tử để chơn chánh đoạn diệt đau khổ một cách hoàn toàn. Vì rằng, này các Tỷ-kheo, các pháp Ta thuyết giảng cho các đệ tử để chơn chánh đoạn diệt đau khổ một cách hoàn toàn. Do vậy các pháp ấy được trí tuệ quán sát một cách đồng đẳng. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là trí tuệ vô thượng.

3. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là ***giải thoát kiên cố****?*

Ở đây, này các Tỷ-kheo, các pháp Ta thuyết giảng cho các đệ tử để chơn chánh đoạn diệt đau khổ một cách hoàn toàn. Vì rằng, này các Tỷ-kheo, các pháp Ta thuyết giảng cho các đệ tử để chơn chánh đoạn diệt đau khổ một cách hoàn toàn. Do vậy các pháp ấy được khéo cảm xúc với giải thoát. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là giải thoát kiên cố.

4. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là ***niệm tăng thượng****?*

Với tư tưởng: "Ta sẽ là viên mãn học pháp thắng hạnh chưa được đầy đủ; hay nếu học pháp thắng hạnh được đầy đủ, ta sẽ bổ sung thêm chỗ này chỗ kia với trí tuệ". Như vậy, niệm nội tâm được khéo an trú.

Với tư tưởng: "Ta sẽ là viên mãn học pháp sở hành Phạm hạnh chưa được đầy đủ; hay nếu học pháp sở hành Phạm hạnh được đầy đủ, ta sẽ bổ sung thêm chỗ này chỗ kia với trí tuệ". Do vậy, niệm nội tâm được khéo an trú.

Với tư tưởng: "Ta sẽ quán sát đồng đẳng với trí tuệ pháp chưa được đồng đẳng quán sát; hay nếu pháp đã được đồng đẳng quán sát, ta sẽ bổ sung thêm chỗ này chỗ kia với trí tuệ". Do vậy, niệm nội tâm được khéo an trú.

Với tư tưởng: "Ta sẽ cảm xúc với giải thoát, pháp chưa được cảm xúc; hay nếu pháp đã được cảm xúc, ta sẽ bổ sung thêm chỗ này chỗ kia với trí tuệ. Do vậy, niệm nội tâm được khéo an trú". Như vậy này các Tỷ-kheo, là niệm tăng thượng.

Phạm hạnh này được sống, này các Tỷ-kheo, để được lợi ích trong học tập, được trí tuệ vô thượng, được giải thoát kiên cố, được niệm tăng thượng. Như vậy được nói đến, do duyên này được nói đến như vậy.

14 Thế nào là vô trí và có trí - ĐẠI Kinh PHÁP HÀNH – 46 Trung I, 679

ĐẠI KINH PHÁP HÀNH

(Mahadhammasamadana suttam)

– Bài kinh số 46 – *Trung* I, 679

Như vầy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Savatthi, Jetavana, tại tịnh xá Ông Anathapindika. Ở đây Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo.

– Bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn giảng như sau:

– Này các Tỷ-kheo, phần lớn các loài hữu tình có dục như thế này, có ước vọng như thế này, có nguyện vọng như thế này: *"Ôi, mong rằng các pháp bất khả ái, bất khả lạc, bất khả ý được tiêu diệt! Mong rằng các pháp khả ái, khả lạc, khả ý được tăng*

trưởng!"

Này các Tỷ-kheo, dầu cho các loài hữu tình ấy có dục như vậy, có ước vọng như vậy, có nguyện vọng như vậy, nhưng các pháp bất khả ái, bất khả lạc, bất khả ý được tăng trưởng; các pháp khả ái, khả lạc, khả ý bị tiêu diệt. Ở đây, này các Tỷ-kheo, các Người có biết vì nguyên nhân gì không?

– Bạch Thế Tôn, đối với chúng con, các pháp dựa Thế Tôn làm căn bản, hướng Thế Tôn làm lãnh đạo, nương tựa Thế Tôn làm y cứ. Bạch Thế Tôn, tốt lành thay nếu Thế Tôn thuyết giảng cho ý nghĩa này! Sau khi được nghe Thế Tôn, các Tỷ-kheo sẽ hành trì.

– Vậy này các Tỷ-kheo, hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ giảng.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn giảng như sau:

⇨ Ở đây, này các Tỷ-kheo, có kẻ vô văn phàm phu, không đi đến các bậc Thánh, không thuần thục pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh, không đi đến các bậc Chân nhân, không thuần thục pháp các bậc Chân nhân, không tu tập

pháp các bậc Chân nhân, ***không biết rõ*** *các pháp nên phục vụ, không biết rõ các pháp không nên phục vụ, không biết rõ các pháp nên thân cận, không biết rõ các pháp không nên thân cận.*

⇨ Vì không biết rõ các pháp nên phục vụ, không biết rõ các pháp không nên phục vụ, không biết rõ các pháp nên thân cận, không biết rõ các pháp không nên thân cận, vị này *phục vụ các pháp không nên phục vụ, không phục vụ các pháp nên phục vụ, thân cận các pháp không nên thân cận, không thân cận các pháp nên thân cận.*

⇨ Vị này vì phục vụ các pháp không nên phục vụ, không phục vụ các pháp nên phục vụ, vì thân cận các pháp không nên thân cận, không thân cận các pháp nên thân cận, ***cho nên*** *các pháp bất khả ái, bất khả lạc, bất khả ý tăng trưởng; các pháp khả ái, khả lạc, khả ý bị tiêu diệt*. Vì sao vậy? Như vậy, này các Tỷ-kheo, là **vì người ấy không có trí đối với pháp này.**

Và này các Tỷ-kheo,

⇨ Vị Đa văn Thánh đệ tử đi đến các bậc Thánh, thuần thục pháp các bậc Thánh, tu tập pháp các bậc Thánh, đi đến các bậc Chân nhân, thuần thục pháp các bậc Chân nhân, tu tập pháp các bậc Chân

nhân, ***biết rõ*** *các pháp nên phục vụ, biết rõ các pháp không nên phục vụ, biết rõ các pháp nên thân cận, biết rõ các pháp không nên thân cận.*

⇨ Vì biết rõ các pháp nên phục vụ, biết rõ các pháp không nên phục vụ, biết rõ các pháp nên thân cận, biết rõ các pháp không nên thân cận, vị này *phục vụ các pháp nên phục vụ, không phục vụ các pháp không nên phục vụ, thân cận các pháp nên thân cận, không thân cận các pháp không nên thân cận.*

⇨ Vị này vì phục vụ các pháp nên phục vụ, không phục vụ các pháp không nên phục vụ, thân cận các pháp nên thân cận, không thân cận các pháp không nên thân cận, ***cho nên*** *các pháp bất khả ái, bất khả lạc, bất khả ý bị tiêu diệt; các pháp khả ái, khả lạc, khả ý được tăng trưởng*. Vì sao vậy? Như vậy này các Tỷ-kheo, là **vì vị ấy có trí đối với pháp này**.

Này các Tỷ-kheo, có **bốn pháp hành**. Thế nào là bốn?

– Có pháp hành hiện tại khổ, tương lai quả báo cũng khổ.

– Có pháp hành hiện tại khổ, tương lai quả báo lạc.

– Có pháp hành hiện tại lạc, tương lai quả báo khổ.

– Có pháp hành hiện tại lạc và tương lai quả báo cũng lạc.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, đây là *pháp hành hiện tại khổ và tương lai quả báo cũng khổ*. Do **vô trí** với pháp này, do si mê, nên không tuệ tri như chân: *"Đây là pháp hành hiện tại khổ và tương lai quả báo cũng khổ"*. Do vô trí với pháp này, do si mê, do không tuệ tri như chân, *nên phục vụ pháp này, không tránh né pháp này*. Vì phục vụ pháp này, vì không tránh né pháp nầy, nên đối với vị này, các pháp bất khả ái, bất khả lạc, bất khả ý tăng trưởng; các pháp khả ái, khả lạc, khả ý bị tiêu diệt. **Vì sao vậy? Như vậy, này các Tỷ-kheo, là vì vị ấy không có trí đối với pháp này.**

Ở đây, này các Tỷ-kheo, đây là *pháp hành hiện tại lạc, tương lai quả báo khổ*. Do **vô trí** với pháp này, do si mê nên không biết như chân: "Đây là pháp hành hiện tại lạc, tương lai quả báo khổ". Do vô trí với pháp này, do si mê, do không tuệ tri như chân, *nên phục vụ pháp này, không tránh né pháp này*. Vì phục vụ pháp này, vì không tránh né pháp này, nên đối với vị này, các pháp bất khả ái, bất khả lạc, bất khả ý tăng trưởng; các pháp khả ái, khả lạc, khả ý bị tiêu diệt. Vì sao vậy? Như vậy này các Tỷ-kheo, là

vì vị ấy không có trí đối với pháp này.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, đây là *pháp hành hiện tại khổ, tương lai quả báo lạc*. Do **vô trí** với pháp này, do si mê nên không tuệ tri như chân: "Đây là pháp hành hiện tại khổ, tương lai quả báo lạc". Do vô trí với pháp này, do si mê, do không tuệ tri như chân, *nên không phục vụ pháp này, tránh né pháp này.* Vì không phục vụ pháp này, tránh né pháp này, nên đối với vị này, các pháp bất khả ái, bất khả lạc, bất khả ý tăng trưởng; các pháp khả ái, khả lạc, khả ý bị tiêu diệt. Vì sao vậy? Như vậy, này các Tỷ-kheo, là vì vị ấy không có trí đối với pháp này?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, đây là *pháp hành hiện tại lạc, tương lai quả báo cũng lạc*. Do **vô trí** với pháp này, do si mê, nên không tuệ tri như chân: "Đây là pháp hành hiện tại lạc và tương lai quả báo cũng lạc". Do vô trí với pháp này, do si mê, do không tuệ tri như chân, *nên không phục vụ pháp này, tránh né pháp này*. Vì không phục vụ pháp này, vì tránh né pháp này, nên đối với vị này, các pháp bất khả ái, bất khả lạc, bất khả ý tăng trưởng; các pháp khả ái, khả lạc, khả ý bị tiêu diệt. Vì sao vậy? Như vậy, này các Tỷ-kheo, là vì vị ấy không có trí đối với pháp này.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, đây là *pháp hành hiện*

tại khổ và tương lai quả báo cũng khổ. **Do <u>có trí</u> với pháp này, do tâm sáng suốt, vị này tuệ tri như chơn:** "Pháp hành này hiện tại khổ và tương lai quả báo cũng khổ". Do có trí với pháp này, do tâm sáng suốt, do tuệ tri như chơn, vị này *không phục vụ pháp này, tránh né pháp này*. Do không phục vụ pháp này, do tránh né pháp này, *nên các pháp bất khả ái, bất khả lạc, bất khả ý bị tiêu diệt; các pháp khả ái, khả lạc, khả ý tăng trưởng*. Vì sao vậy? Như vậy, này các Tỷ-kheo, là vì vị ấy có trí đối với pháp này.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, đây là *pháp hành hiện tại lạc, tương lai quả báo khổ*. Do **<u>có trí</u>** với pháp này, do tâm sáng suốt, vị này tuệ tri như chơn: "Pháp hành này hiện tại lạc, tương lai quả báo khổ". Do có trí với pháp này, do tâm sáng suốt, do tuệ tri như chân, vị này *không phục vụ* pháp này, tránh né pháp này. Do không phục vụ pháp này, do tránh né pháp này, các pháp bất khả ái, bất khả lạc, bất khả ý tiêu diệt; các pháp khả ái, khả lạc, khả ý tăng trưởng. Vì sao vậy? Như vậy, này các Tỷ-kheo, là vì vị ấy có trí đối với pháp này.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, đây là *pháp hành hiện tại khổ, tương lai quả báo lạc*. Do **<u>có trí</u>** đối với pháp này, do tâm sáng suốt, vị này tuệ tri như chân: "Pháp này hiện tại khổ, tương lai quả báo lạc". Do có trí đối

với pháp này, do tâm sáng suốt, do tuệ tri như chân, vị này *phục vụ* pháp này, không tránh né pháp này. Do phục vụ pháp này, không tránh né pháp này, các pháp bất khả ái, bất khả lạc, bất khả ý tiêu diệt; các pháp khả ái, khả lạc, khả ý tăng trưởng. Vì sao vậy? Như vậy, này các Tỷ-kheo, là vì vị ấy có trí đối với pháp này.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, đây là *pháp hành hiện tại lạc và tương lai quả báo cũng lạc*. Do **có trí** với pháp này, do tâm sáng suốt, vị này tuệ tri như chân: "Pháp hành này hiện tại lạc và tương lai quả báo cũng lạc". Do có trí với pháp này, do tâm sáng suốt, do tuệ tri như chân, vị này *phục vụ* pháp này, không tránh né pháp này. Do phục vụ pháp này, do không tránh né pháp này, các pháp bất khả ái, bất khả lạc, bất khả ý tiêu diệt; các pháp khả ái, khả lạc, khả ý tăng trưởng. Vì sao vậy? Như vậy, này các Tỷ-kheo, là vì vị ấy có trí đối với pháp này.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là pháp hành hiện tại khổ và tương lai quả báo cũng khổ?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người với khổ, với ưu, sát sanh, và do duyên sát sanh, cảm thọ khổ ưu; với khổ, với ưu lấy của không cho, và do duyên lấy của không cho, cảm thọ khổ ưu; với khổ, với ưu sống

theo tà hạnh trong các dục, và do duyên sống theo tà hạnh trong các dục, cảm thọ khổ ưu; với khổ, với ưu nói lời vọng ngữ, và do duyên nói lời vọng ngữ, cảm thọ khổ ưu; với khổ, với ưu nói lời hai lưỡi, và do duyên nói lời hai lưỡi, cảm thọ khổ ưu; với khổ, với ưu, nói lời ác ngữ, và do duyên nói lời ác ngữ, cảm thọ khổ ưu; với khổ, với ưu, nói lời phù phiếm và do duyên nói lời phù phiếm, cảm thọ khổ ưu; với khổ, với ưu, có tâm tham ái, và do duyên có tâm tham ái, cảm thọ khổ ưu; với khổ, với ưu có tâm sân hận, và do duyên có tâm sân hận cảm thọ khổ ưu; với khổ, với ưu có tà kiến, và do duyên tà kiến cảm thọ khổ ưu. Vị ấy sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Như vậy, này các Tỷ-kheo, gọi là pháp hành hiện tại khổ, tương lai quả báo cũng khổ.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là pháp hành hiện tại lạc, tương lai quả báo khổ?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người với lạc, với hỷ, sát sanh và do duyên sát sanh, cảm thọ lạc và hỷ; với lạc, với hỷ, lấy của không cho và do duyên lấy của không cho, cảm thọ lạc và hỷ; với lạc, với hỷ, sống theo tà hạnh trong các dục, và do duyên sống theo tà hạnh trong các dục, cảm thọ lạc và hỷ; với lạc, với hỷ, nói lời vọng ngữ, và do duyên nói lời

vọng ngữ, cảm thọ lạc và hỷ; với lạc, với hỷ, nói lời hai lưỡi, và do duyên nói lời hai lưỡi, cảm thọ lạc và hỷ; với lạc, với hỷ, nói lời ác ngữ và do duyên nói lời ác ngữ, cảm thọ lạc và hỷ; với lạc, với hỷ, nói lời phù phiếm, và do duyên nói lời phù phiếm, cảm thọ lạc và hỷ; với lạc, với hỷ, có tâm tham ái và do duyên có tâm tham ái, cảm thọ lạc và hỷ, với lạc, với hỷ, có tâm sân hận, và do duyên có tâm sân hận, cảm thọ lạc và hỷ; với lạc, với hỷ, có tà kiến, và do duyên có tà kiến, cảm thọ lạc và hỷ. Vị này sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ địa ngục. Như vậy, này các Tỷ-kheo, gọi là pháp hành hiện tại lạc, tương lai quả báo khổ.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là pháp hành hiện tại khổ, tương lai quả báo lạc?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người với khổ với ưu, từ bỏ sát sanh, và do duyên từ bỏ sát sanh cảm thọ khổ ưu; với khổ, với ưu, từ bỏ lấy của không cho, và do duyên từ bỏ lấy của không cho cảm thọ khổ ưu; với khổ, với ưu, từ bỏ tà hạnh trong các dục, và do duyên từ bỏ tà hạnh trong các dục, cảm thọ khổ ưu; với khổ, với ưu từ bỏ nói lời vọng ngữ và do duyên từ bỏ nói lời vọng ngữ cảm thọ khổ ưu; với khổ, với ưu, từ bỏ nói lời hai lưỡi, và do duyên từ bỏ nói lời hai lưỡi, cảm thọ khổ ưu; với khổ, với ưu, từ

bỏ nói lời ác ngữ, và do duyên từ bỏ nói lời ác ngữ, cảm thọ khổ ưu; với khổ, với ưu, từ bỏ nói lời phù phiếm, và do duyên từ bỏ nói lời phù phiếm, cảm thọ khổ ưu; với khổ, với ưu, từ bỏ tâm tham ái, và do duyên từ bỏ tâm tham ái, cảm thọ khổ ưu; với khổ, với ưu, từ bỏ tâm sân hận, và do duyên từ bỏ tâm sân hận, cảm thọ khổ ưu; với khổ, với ưu, từ bỏ tà kiến, và do duyên từ bỏ tà kiến, cảm thọ khổ ưu. Vị ấy sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào thiện thú, Thiên giới, cõi đời này. Như vậy này các Tỷ-kheo, gọi là pháp hành hiện tại khổ, tương lai quả báo lạc.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là pháp hành hiện tại lạc và tương lai quả báo cũng lạc?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người với lạc, với hỷ, từ bỏ sát sanh và do duyên từ bỏ sát sanh, cảm thọ lạc và hỷ; với lạc, với hỷ, từ bỏ lấy của không cho, và do duyên từ bỏ lấy của không cho, cảm thọ lạc và hỷ; với lạc, với hỷ, từ bỏ các tà hạnh trong các dục, và do duyên từ bỏ các tà hạnh trong các dục, cảm thọ lạc và hỷ; với lạc, với hỷ, từ bỏ nói lời vọng ngữ, và do duyên từ bỏ nói lời vọng ngữ, cảm thọ lạc và hỷ; với lạc, với hỷ, từ bỏ nói lời hai lưỡi, và do duyên từ bỏ nói lời hai lưỡi, cảm thọ lạc và hỷ; với lạc, với hỷ, từ bỏ ác ngữ, và do duyên từ bỏ nói lời ác ngữ, cảm thọ lạc và hỷ; với lạc, với hỷ, từ bỏ nói

lời phù phiếm, và do duyên từ bỏ nói lời phù phiếm, cảm thọ lạc và hỷ; với lạc, với hỷ, không có tham ái, và do duyên không có tham ái, cảm thọ lạc và hỷ; với lạc, với hỷ, không có sân tâm và do duyên không có sân tâm, cảm thọ lạc và hỷ; với lạc, với hỷ, có chánh kiến và do duyên chánh kiến, cảm thọ lạc và hỷ. Vị ấy, sau khi thân hoại mạng chung, sanh lên thiện thú, Thiên giới, cõi đời này. Như vậy, này các Tỷ-kheo, gọi là pháp hành hiện tại lạc và tương lai quả báo cũng lạc.

Này các Tỷ-kheo, ***ví như trái bí đắng có tẩm thuốc độc***. Rồi một người đến muốn sống, muốn không chết, ưa lạc, hiềm ghét khổ, và có người nói với người ấy như sau: "Này bạn, trái bí đắng này có tẩm thuốc độc, nếu bạn muốn, hãy ăn. Trong khi ăn, bạn không được thích thú về sắc, về hương, về vị. Sau khi ăn, bạn có thể đi đến chết hay đau khổ gần như chết". Người ấy có thể ăn không có suy nghĩ, không có từ bỏ. Trong khi ăn, người ấy không được thích thú về sắc, về hương, về vị. Sau khi ăn, người ấy bị chết, hay bị đau khổ gần như chết. Này các Tỷ-kheo, Ta nói pháp hành này giống như ví dụ ấy, tức là *pháp hành hiện tại khổ và tương lai quả báo cũng khổ.*

Này các Tỷ-kheo, ***ví như một bình đồng đựng***

nước uống, có sắc, có hương, có vị, và nước uống ấy có tẩm thuốc độc. Rồi một người đến, muốn sống, muốn không chết, muốn ưa lạc, hiềm ghét khổ. Và có người nói với người ấy như sau: "Này bạn, bình đồng đựng nước uống này, có sắc, có hương, có vị, và nước uống ấy có tẩm thuốc độc. Nếu bạn muốn, hãy uống. Trong khi uống, bạn sẽ được thích thú về sắc, về hương, về vị. Sau khi uống, bạn có thể đi đến chết hay đau khổ gần như chết". Người kia có thể uống, không suy nghĩ, không từ bỏ. Trong khi uống, người ấy được thích thú về sắc, về hương, về vị. Sau khi uống, người ấy có thể đi đến chết hay đau khổ gần như chết. Này các Tỷ-kheo, Ta nói pháp hành này giống như ví dụ ấy, tức là *pháp hành hiện tại lạc, tương lai quả báo khổ.*

Này các Tỷ-kheo, ***ví như nước đái quỷ được trộn nhiều loại thuốc.*** Rồi có người đi đến, bị bệnh hoàng đản, và có người nói với người đó như sau: "Này bạn, nước đái quỷ này được trộn với nhiều loại thuốc. Nếu bạn muốn, hãy uống. Trong khi uống, bạn không được thích thú về sắc, về hương, về vị. Nhưng sau khi uống, bạn sẽ được an lạc". Người ấy có thể uống, sau khi suy nghĩ, không có từ bỏ. Trong khi uống, người ấy không được thích thú về sắc, về hương, về vị. Nhưng sau khi uống, người ấy được an lạc. Này các Tỷ-kheo, Ta nói pháp hành này giống

như ví dụ ấy, tức là *pháp hành hiện tại khổ, tương lai quả báo lạc.*

Này các Tỷ-kheo, ***ví như lạc, mật, thục tô và đường trộn lẫn với nhau.*** Rồi có người đi đến bị bệnh kiết lỵ. Và có người nói với người ấy như sau: "Này bạn, đây là lạc, mật, thục tô và đường trộn lẫn với nhau. Nếu bạn muốn, hãy uống. Trong khi uống, bạn sẽ được thích thú về sắc, về hương, về vị. Sau khi uống, bạn sẽ được an lạc". Người kia có thể uống, sau khi suy nghĩ, không có từ bỏ. Trong khi uống, người kia được thích thú về sắc, về hương, về vị. Sau khi uống, người kia được an lạc. Này các Tỷ-kheo, Ta nói pháp hành này giống như ví dụ ấy, tức là *pháp hành hiện tại lạc, tương lai quả báo cũng lạc.*

Này các Tỷ-kheo, *ví như trong tháng cuối mùa mưa, vào mùa thu, mùa gặt hái, khí bầu trời quang đãng, không có mây, và mặt trời mọc lên giữa bầu trời, phá sạch hắc ám khắp cả hư không, và chói sáng, hực sáng và rực sáng*. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ***pháp hành hiện tại lạc, tương lai quả báo cũng lạc này, sau khi phá sạch các dị thuyết của các Sa-môn, Bà-la-môn tầm thường, chói sáng, hực sáng và rực sáng.***

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo ấy

hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn dạy.

15 Tiến trình tu tập - Từ Chánh niệm đến Giải thoát tri kiến - Kinh NIỆM – Tăng IV, 44

NIỆM – *Tăng* IV, 44

1. - Này các Tỷ kheo:

- *Khi chánh niệm, tỉnh giác không có, với người không có chánh niệm, tỉnh giác, thì tàm quý đi đến hủy diệt.*
- *Khi tàm quý không có, với người thiếu tàm quý, thì chế ngự các căn đi đến hủy diệt.*
- *Khi chế ngự các căn không có, với người thiếu chế ngự các căn, thì giới đi đến hủy diệt.*
- *Khi giới không có, với người thiếu giới, thì chánh định đi đến hủy diệt.*
- *Khi chánh định không có, với người không có chánh định, thì tri kiến như thật đi đến hủy diệt.*
- *Khi tri kiến như thật không có, với người thiếu tri kiến như thật, thì nhàm chán, ly tham đi đến hủy diệt.*
- *Khi nhàm chán, ly tham không có, với người thiếu nhàm chán, ly tham, thì giải thoát tri kiến đi đến hủy diệt.*

Ví như, này các Tỷ-kheo, một cây không có cành và lá, các mầm non của cây ấy không đi đến thành mãn, vỏ cây, giác cây, lõi cây không đi đến thành mãn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, khi chánh niệm, tỉnh giác không có, với người không có chánh niệm, tỉnh giác tàm quý đi đến hủy diệt... giải thoát tri kiến đi đến hủy diệt.

2. – Này các Tỷ kheo:

- *Khi chánh niệm, tỉnh giác có mặt, với người có chánh niệm, tỉnh giác, thì tàm quý đi đến đầy đủ.*
- *Khi tàm quý có mặt, với người đầy đủ tàm quý, thì chế ngự các căn, đi đến đầy đủ.*
- *Khi chế ngự các căn có mặt, với người đầy đủ chế ngự các căn, thì giới đi đến đầy đủ.*
- *Khi giới có mặt, với người đầy đủ giới, thì chánh định đi đến đầy đủ.*
- *Khi chánh định có mặt, với người đầy đủ chánh định, thì tri kiến như thật đi đến đầy đủ.*
- *Khi tri kiến như thật có mặt, với người đầy đủ tri kiến như thật, thời nhàm chán, ly tham đi đến đầy đủ.*
- *Khi nhàm chán, ly tham có mặt, với người đầy đủ nhàm chán, ly tham, giải thoát tri kiến đi đến đầy đủ.*

Ví như, này các Tỷ-kheo, một cây có cành và lá, các mầm non và lõi cây đi đến thành mãn, vỏ cây, giác cây và lõi cây đi đến thành mãn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, khi chánh niệm, tỉnh giác có mặt, với người đầy đủ chánh niệm, tỉnh giác... giải thoát tri kiến đi đến đầy đủ.

16 Tiến trình tu tập - Từ Giử giới đến Giải thoát tri kiến - Kinh ÁC GIỚI – Tăng II, 332

ÁC GIỚI – *Tăng* II, 332

1. - Này các Tỷ-kheo,

- *Với người* ***ác giới****, với người phá giới,* ***chánh định*** *do vậy bị phá hoại.*
- *Khi chánh định không có mặt, với người chánh định bị phá hoại,* ***như thật tri kiến*** *do vậy bị phá hoại.*
- *Khi như thật tri kiến không có mặt, với người như thật tri kiến bị phá hoại,* ***nhàm chán, ly tham*** *do vậy bị phá hoại.*
- *Khi nhàm chán ly tham không có mặt, với người nhàm chán ly tham bị phá hoại,* ***giải thoát tri kiến*** *do vậy bị phá hoại.*

2. Ví như, này các Tỷ-kheo, một cây, với cành và lá bị phá hoại, thời đọt cây ấy không đi đến viên mãn, vỏ cây không đi đến viên mãn, giác cây không đi đến viên mãn, lõi cây không đi đến viên mãn.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, với người ác giới, với người phá giới, chánh định do vậy bị phá hoại. Khi

chánh định không có mặt, với người chánh định bị phá hoại, như thật tri kiến nhân vậy bị phá hoại. Khi như thật tri kiến không có mặt, với người như thật tri kiến bị phá hoại, nhàm chán, ly tham do vậy bị phá hoại. Khi nhàm chán, ly tham không có mặt, với người nhàm chán ly tham bị phá hoại, giải thoát tri kiến do vậy bị phá hoại.

3. Này các Tỷ-kheo,

- ***Với người có giới, với người gìn giữ giới, chánh định do vậy được đầy đủ.***
- ***Do chánh định có mặt, với người chánh định được thành tựu, như thật tri kiến do vậy được thành tựu.***
- ***Do như thật tri kiến có mặt, với người như thật tri kiến có mặt, nhàm chán, ly tham do vậy được thành tựu.***
- ***Do nhàm chán, ly tham có mặt, với người nhàm chán ly tham được thành tựu, giải thoát tri kiến do vậy được thành tựu.***

4. Ví như, này các Tỷ-kheo, một cây, với cành và lá được đầy đủ, thời đọt cây ấy đi đến viên mãn vỏ cây đi đến viên mãn, giác cây đi đến viên mãn, lõi cây đi đến viên mãn.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, với người có giới, với người giữ gìn giới, chánh định nhân vậy được đầy đủ. Do chánh định có mặt, với người chánh định được thành tựu, như thật tri kiến do vậy được thành tựu. Do như thật tri kiến có mặt, với người như thật tri kiến được thành tựu, nhàm chán, ly tham do vậy được thành tựu. Do nhàm chán, ly tham có mặt, với người nhàm chán, ly tham được thành tựu, giải thoát tri kiến do vậy được thành tựu.

17 Tiến trình tu tập - Từ Hộ trì căn đến Giải thoát tri kiến - Kinh CÁC CĂN – Tăng III, 133

CÁC CĂN –*Tăng* III, 133

1. Này các Tỷ-kheo,

→ *Với căn không phòng hộ, với người khiếm khuyết phòng hộ các căn thì giới đi đến hủy hoại;*

→ *Với giới không có, với ai khiếm khuyết về giới, chánh định đi đến hủy hoại.*

→ *Với chánh định không có, với ai khiếm khuyết chánh định, tri kiến như thật đi đến hủy hoại.*

→ *Với tri kiến như thật không có, với ai khiếm khuyết tri kiến như thật, nhàm chán ly tham đi đến hủy hoại.*

→ *Với nhàm chán, ly tham không có, với ai khiếm khuyết nhàm chán, ly tham giải thoát tri kiến đi đến hủy hoại.*

2. Ví như, này các Tỷ-kheo, một cây, với cành và lá khiếm khuyết, thời các chồi non không đi đến viên mãn, vỏ cây không đi đến viên mãn, giác cây không đi đến viên mãn, lõi cây không đi đến viên mãn.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, với căn không phòng hộ, với người khiếm khuyết phòng hộ các căn... giải thoát tri kiến đi đến hủy hoại.

3. Này các Tỷ-kheo,

- → *Với các căn được phòng hộ, với người đầy đủ các căn được phòng hộ, giới đi đến đầy đủ.*
- → *Với giới có mặt, với người đầy đủ giới, chánh định đi đến đầy đủ.*
- → *Với chánh định có mặt, với người đầy đủ chánh định, tri kiến như thật đi đến đầy đủ.*
- → *Với tri kiến như thật có mặt, với người đầy đủ tri kiến như thật, nhàm chán ly tham đi đến đầy đủ.*
- → *Với nhàm chán, ly tham có mặt, với người đầy đủ nhàm chán ly tham thì giải thoát tri kiến đi đến đầy đủ.*

4. Ví như, này các Tỷ-kheo, một cây với cành và lá đầy đủ, thời chồi non đi đến viên mãn, vỏ cây đi đến viên mãn, giác cây đi đến viên mãn, lõi cây đi đến viên mãn.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, với căn được phòng hộ, với người đầy đủ phòng hộ các căn, giới đi đến đầy đủ... giải thoát tri kiến đi đến đầy đủ.

18 Tiến trình tu tập - Từ Tàm quý đến Giải thoát tri kiến - Kinh XẤU HỔ – Tăng III, 417

XẤU HỔ –*Tăng* III, 417

1. - Này các Tỷ-kheo,

- ➠ Khi tàm quý không có, với người thiếu tàm quý, chế ngự các căn đi đến hủy diệt.
- ➠ Khi chế ngự các căn không có, với người thiếu chế ngự các căn, giới đi đến hủy diệt.
- ➠ Khi giới không có, với người thiếu giới, chánh định đi đến hủy diệt.
- ➠ Khi chánh định không có, với người không có chánh định, tri kiến như thật đi đến hủy diệt.
- ➠ Khi tri kiến như thật không có, với người thiếu tri kiến như thật, nhàm chán ly tham đi đến hủy diệt.
- ➠ Khi nhàm chán ly tham không có, với người thiếu nhàm chán ly tham, giải thoát tri kiến đi đến hủy diệt.

Ví như, này các Tỷ-kheo, một cây không có cành và lá, các mầm non của cây ấy không đi đến thành mãn; vỏ trong, giác cây, lõi cây không đi đến thành mãn.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, khi tàm quý không có, với người không có tàm quý, chế ngự các căn đi đến hủy diệt... giải thoát tri kiến đi đến hủy diệt.

2. Này các Tỷ-kheo,

- ➡ Khi tàm quý có mặt, với người đầy đủ tàm quý, chế ngự các căn đi đến đầy đủ.
- ➡ Khi chế ngự các căn có mặt, với người đầy đủ chế ngự các căn, giới đi đến đầy đủ.
- ➡ Khi giới có mặt, với người đầy đủ giới, chánh định đi đến đầy đủ.
- ➡ Khi chánh định có mặt, với người đầy đủ chánh định, tri kiến như thật đi đến đầy đủ.
- ➡ Khi tri kiến như thật có mặt, với người đầy đủ tri kiến như thật, nhàm chán ly tham đi đến đầy đủ.
- ➡ Khi nhàm chán ly tham có mặt, với người đầy đủ nhàm chán ly tham, giải thoát tri kiến đi đến đầy đủ.

Ví như, này các Tỷ-kheo, một cây có cành và lá, các mầm non của cây ấy đi đến thành mãn; vỏ trong, giác cây, lõi cây đi đến thành mãn.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, khi tàm quý có mặt, với người đầy đủ tàm quý ... giải thoát tri kiến đi đến đầy đủ.

19 Trước là trí về pháp trú, sau là trí về Niết bàn - Kinh Susìma – Tương II, 211

Susìma – *Tương* II, 211

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Ràjagaha (Vương Xá), Veluvana (Trúc Lâm), tại chỗ nuôi dưỡng con sóc.

I

2) Lúc bấy giờ Thế Tôn được cung kính, được tôn trọng, được kính lễ, được cúng dường, được tôn sùng và Ngài nhận được các vật dụng cúng dường như y áo, ẩm thực, sàng tọa và dược phẩm trị bệnh.

3) Chúng Tỷ-kheo cũng được cung kính, được tôn trọng, được kính lễ, được cúng dường, được tôn sùng và cũng nhận được các vật cúng dường như y áo, ẩm thực, sàng tọa và dược phẩm trị bệnh.

4) Nhưng các du sĩ ngoại đạo không được cung kính, không được tôn trọng, không được kính lễ, không được cúng dường, không được tôn sùng và cũng

không nhận được các vật dụng cúng dường như y áo, ẩm thực, sàng tọa và dược phẩm trị bệnh.

II

5) Lúc bấy giờ du sĩ Susìma trú ở Ràjagaha cùng với đại chúng du sĩ.

6) Rồi hội chúng du sĩ của Susìma nói với du sĩ Susìma:

- *Thưa Hiền giả Susìma, ngài hãy đi đến và sống Phạm hạnh dưới sự chỉ dẫn của Sa-môn Gotama.* ***Sau khi ngài học Chánh pháp xong hãy nói lại cho chúng tôi. Sau khi chúng tôi học pháp ấy chúng tôi sẽ nói lại với các gia chủ. Như vậy chúng tôi sẽ được cung kính****, được tôn trọng, được kính lễ, được cúng dường, được tôn sùng và chúng tôi sẽ nhận được các vật dụng cúng dường như y áo, ẩm thực, sàng tọa và dược phẩm trị bệnh.*

7) - Thưa vâng, các Hiền giả.

Du sĩ Susìma nghe theo hội chúng của mình, liền đi đến Tôn giả Ananda; sau khi đến nói lên những lời chào đón hỏi thăm với Tôn giả Ananda; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên.

III

8) Ngồi xuống một bên, du sĩ Susìma nói với Tôn giả Ananda:

- Này Hiền giả Ananda, tôi muốn sống Phạm hạnh trong Pháp và Luật này.

9) Rồi Tôn giả Ananda đưa du sĩ Susìma đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

10) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, du sĩ Susìma này nói như sau: "Này Hiền giả Ananda, tôi muốn sống Phạm hạnh trong Pháp và Luật này".

11) Vậy Ananda, hãy cho Susìma xuất gia.

12) Và du sĩ Susìma được xuất gia dưới sự chỉ đạo của Thế Tôn và được thọ đại giới.

13) Lúc bấy giờ nhiều vị Tỷ-kheo ở trước mặt Thế Tôn đã tuyên bố chánh trí như sau: "Chúng tôi biết rằng: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa." "

IV

14) Tôn giả Susìma được nghe: Nhiều Tỷ-kheo trước mặt Thế Tôn đã tuyên bố chánh trí như sau: "Chúng tôi biết rõ rằng: ‘Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa.’"

15) Rồi Tôn giả Susìma đi đến các Tỷ-kheo; sau khi đến nói lên với những Tỷ-kheo ấy những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên.

16) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Susìma nói với các Tỷ-kheo ấy:

- *Có đúng sự thật chăng, chư Tôn giả ở trước mặt Thế Tôn đã tuyên bố chánh trí như sau: "Chúng con biết rõ rằng: ‘Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa’"?*

- Thưa có vậy, này Hiền giả.

17) Nhưng, *chư Tôn giả* ***biết như vậy, thấy như vậy chắc chứng được*** *nhiều loại thần thông khác nhau:* Một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân; hiện hình biến hình đi ngang qua vách, qua

tường, qua núi như đi ngang hư không; độn thổ trồi lên ngang qua đất liền như ở trong nước; đi trên nước không chìm như đi trên đất liền; ngồi kiết-già đi trên hư không như con chim; với bàn tay chạm và rờ vào mặt trăng và mặt trời, những vật có oai lực, đại oai thần như vậy. Có thể sử dụng thân một cách tự tại cho đến cõi Phạm thiên?.

- Thưa không phải vậy, này Hiền giả.

18) *Vậy có phải chư Tôn giả biết như vậy, thấy như vậy, chứng được thiên nhĩ thông thanh tịnh siêu nhân, có thể nghe hai loại tiếng: chư Thiên và loài Người, xa và gần?*

- Thưa không phải vậy, này Hiền giả.

19) *Vậy có phải chư Tôn giả biết như vậy, thấy như vậy, với tâm của mình biết được tâm của các chúng sanh khác, các loài Người khác: Tâm có tham biết là tâm có tham; tâm không tham biết là tâm không tham; tâm có sân biết là tâm có sân; tâm không sân biết là tâm không sân; tâm có si biết là tâm có si; tâm không si biết là tâm không si; tâm chuyên chú biết là tâm chuyên chú; tâm tán loạn biết là tâm tán loạn. Đại hành tâm biết là đại hành tâm; không phải đại hành tâm biết không phải là đại hành tâm. Tâm chưa vô thượng biết là tâm chưa vô thượng; tâm vô*

thượng biết là tâm vô thượng. Tâm Thiền định biết là tâm Thiền định; tâm không Thiền định biết là tâm không Thiền định. Tâm giải thoát biết là tâm giải thoát; tâm không giải thoát biết là tâm không giải thoát?

- Thưa không phải vậy, này Hiền giả.

20) *Vậy có phải chư Tôn giả biết như vậy, thấy như vậy, nhớ được nhiều đời quá khứ. Như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, hai trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại và thành kiếp. Vị ấy nhớ rằng: "Tại chỗ kia ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, ta được sanh ra tại chỗ nọ. Tại chỗ ấy, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ nọ, ta được sanh ra ở đây". Như vậy, chư Tôn giả nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết?*

- Thưa không phải vậy, này Hiền giả.

21) *Vậy có phải chư Tôn giả biết như vậy, thấy như vậy, với thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân, thấy sự*

sống và chết của chúng sanh. Chư Tôn giả biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt kẻ cao sang, người đẹp đẽ kẻ thô xấu, người may mắn kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ. Những chúng sanh này làm những ác hạnh về thân, làm những ác hạnh về lời nói, những ác hạnh về ý, phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến. Những người này sau khi thân hoại mạng chung phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Còn những chúng sanh này làm những thiện hạnh về thân, làm những thiện hạnh về lời nói, làm những thiện hạnh về ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến. Những người ấy sau khi thân hoại mạng chung được sanh lên các thiện thú, cõi trời, trên đời này. Như vậy, với thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân, các vị thấy sự sống chết của chúng sanh. Các vị biết rõ rằng chúng sanh người hạ liệt kẻ cao sang, người đẹp đẽ kẻ thô xấu, người may mắn kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của họ?

- Thưa không phải vậy, này Hiền giả.

22) *Vậy có phải chư Tôn giả* ***biết như vậy, thấy như vậy****, sau khi vượt khỏi Sắc giới, thân cảm xúc Vô sắc giới, an trú vào tịch tịnh giải thoát?*

- Thưa không phải vậy, này Hiền giả.

23) *Hay ở đây, có phải chư Tôn giả vừa trả lời như vậy, vừa không chứng được các pháp này?*

24) --Này Hiền giả, không có chứng được gì.

25) *Như thế nào?*

- Thưa Hiền giả Susìma, chúng tôi chứng được **tuệ giải thoát.**

26) - Tôi không biết được ý nghĩa một cách rộng rãi lời nói vắn tắt này của chư Tôn giả. Lành thay nếu được chư Tôn giả nói lên cho tôi, để tôi có thể hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi lời nói vắn tắt này của chư Tôn giả!

27) - Này Hiền giả Susìma, dù cho Ông có biết hay Ông không biết, chúng tôi chứng được **Tuệ giải thoát**.

V

28) Rồi Tôn giả Susìma từ chỗ ngồi đứng dậy đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên.

29) Ngồi xuống một bên, Tôn giả Susìma trình bày lên Thế Tôn tất cả câu chuyện với các Tỷ-kheo ấy.

30) - *Này Susìma,* ***trước hết là trí về pháp trú, sau là trí về Niết-bàn.***

31) - Bạch Thế Tôn, con không hiểu được ý nghĩa một cách rộng rãi lời nói vắn tắt này của Thế Tôn. Bạch Thế Tôn, lành thay nếu Thế Tôn nói lên cho con để con có thể hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi, lời nói vắn tắt này của Thế Tôn!

32) - Này Susìma, dù cho Ông có biết hay Ông không có biết, trước hết là trí về pháp trú, sau là trí về Niết-bàn.

Này Susìma, Ông nghĩ thế nào? Sắc là thường hay vô thường?

- Là vô thường, bạch Thế Tôn?

33) **Cái gì vô thường là khổ hay lạc?**

- Là khổ, bạch Thế Tôn.

- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, **có hợp lý chăng khi chúng ta quán vật ấy là:** " Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi "?

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

34) Thọ là thường hay vô thường?

- Vô thường, bạch Thế Tôn.

35) Tưởng là thường hay vô thường?

- Vô thường, bạch Thế Tôn.

36) Các hành là thường hay vô thường?

- Vô thường, bạch Thế Tôn.

37) Thức là thường hay vô thường?

- Vô thường, bạch Thế Tôn.

- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

- Là khổ, bạch Thế Tôn.

- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng nếu chúng ta quán vật ấy là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

38) Do vậy, này Susìma, cái gì thuộc **sắc** pháp quá khứ, vị lai hay hiện tại, nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần, tất cả sắc pháp cần phải được quán như chơn như sau: *"Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi ".*

39) Cái gì thuộc thọ quá khứ, vị lai hay hiện tại... (như trên)...

40) Cái gì thuộc tưởng quá khứ, vị lai hay hiện tại... (như trên)...

41) Cái gì thuộc hành quá khứ, vị lai hay hiện tại... (như trên)...

42) Cái gì thuộc thức quá khứ, vị lai hay hiện tại, nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần, **tất cả thức cần phải quán như chơn với chánh trí tuệ như sau:** *"Cái này **không** phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi "*.

43) *Này Susìma, thấy như vậy, **vị Đa văn Thánh đệ tử** nhàm chán đối với sắc, nhàm chán đối với thọ, nhàm chán đối với tưởng, nhàm chán đối với các hành, nhàm chán đối với thức. Do nhàm chán, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên biết rằng: "Ta đã giải thoát". Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".*

Này Susìma, Ông có thấy chăng: "Do duyên sanh, già chết sanh khởi"?

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

44). ..

45) *"Do duyên thủ, hữu sanh khởi?" Này Susmìa, Ông có thấy chăng?*

- Thưa có, bạch Thế Tôn.

46) *Này Susìma, Ông có thấy chăng: "Do duyên ái, thủ sanh khởi"?*

- Thưa có, bạch Thế Tôn.

47) *"Do duyên thọ, ái sanh khởi. Do duyên xúc, thọ sanh khởi. Do duyên sáu xứ, xúc sanh khởi. Do duyên danh sắc, sáu xứ sanh khởi. Do duyên thức, danh sắc sanh khởi. Do duyên hành thức sanh khởi. Do duyên vô minh, hành sanh khởi". Này Susìma, Ông có thấy chăng?*

- Thưa có, bạch Thế Tôn.

48) *"**Do sanh diệt, già chết diệt**", này Susìma, Ông có thấy chăng?*

- Thưa có, bạch Thế Tôn.

49) *"**Do hữu diệt, nên sanh diệt**", này Susìma, Ông có thấy chăng?*

- Thưa có, bạch Thế Tôn.

50) *"Do thủ diệt, nên hữu diệt. Do ái diệt nên thủ diệt. Do thọ diệt nên ái diệt. Do xúc diệt nên thọ diệt. Do sáu xứ diệt nên xúc diệt. Do danh sắc diệt, nên sáu xứ diệt. Do thức diệt, nên danh sắc diệt. Do hành diệt nên thức diệt. Do vô minh diệt, nên hành diệt!". Này Susìma, Ông có thấy chăng?*

- Thưa có, bạch Thế Tôn.

51) ***Nhưng này, biết như vậy, thấy như vậy, Ông có chứng được các thần thông nhiều loại sai khác:*** Một thân hiện ra nhiều thân; nhiều thân hiện ra một thân; hiện hình, biến hình đi ngang qua vách, qua tường, qua núi như đi ngang hư không; độn thổ, trồi lên ngang qua đất liền như ở trong nước; đi trên nước không chìm như đi trên đất liền; ngồi kiết-già đi trên hư không như con chim; với bàn tay chạm và rờ mặt trăng và mặt trời, những vật có đại oai lực, đại oai thần như vậy. Có thể sử dụng thân một cách tự tại cho đến cõi Phạm thiên?

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

52) *Này Susìma, có phải biết như vậy, thấy như vậy, với thiên nhĩ thanh tịnh siêu nhân, Ông có thể nghe hai loại tiếng, tiếng chư Thiên và tiếng loài Người, tiếng xa và tiếng gần?*

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

53) *Này Susìma, có phải biết như vậy, thấy như vậy, với tâm của mình biết được tâm của chúng sanh sai khác, của loài Người sai khác. Với tâm có tham, Ông biết được tâm có tham... với tâm không giải thoát, Ông biết được là tâm không giải thoát; với tâm giải thoát, Ông biết được là tâm giải thoát?*

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

54) *Này Susìma, có phải biết như vậy, thấy như vậy, Ông có thể nhớ được nhiều đời quá khứ sai khác. Như một đời... (như trên)... Ông có thể nhớ được nhiều đời quá khứ sai khác cùng với các nét đại cương và các chi tiết?*

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

55) *Này Susìma, nhưng biết như vậy, thấy như vậy, với thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân, Ông có thể thấy các chúng sanh chết đi sanh lại... Ông có thể biết các chúng sanh tùy theo hạnh nghiệp của họ?*

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

56) *Này Susma, nhưng biết như vậy, thấy như vậy, có phải sau khi vượt khỏi các sắc pháp, với thân cảm thọ vô sắc pháp Ông an trú với tịch tịnh giải thoát?*

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

57) *Nay ở đây, này Susìma, với câu trả lời như vậy, với những pháp này không chứng được, này Susìma, có phải Ông không làm được điều này?*

VI

58) Rồi Tôn giả Susìma cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn và bạch Thế Tôn:

*- Một tội lỗi con đã vi phạm, bạch Thế Tôn, vì ngu đần, vì si mê, vì bất thiện. **Con đã xuất gia như một người ăn trộm pháp** trong Pháp và Luật khéo giảng này. Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn chấp nhận con tội lỗi này là một tội lỗi để con ngăn ngừa trong tương lai!*

59) Này Susìma, thật sự Ông đã phạm tội, vì ngu đần, vì si mê, vì bất thiện, Ông đã xuất gia như người ăn trộm pháp trong Pháp và Luật khéo giảng này.

60) *Ví như, này Susìma, người ta bắt được một người ăn trộm, một người phạm tội, dắt đến cho vua và thưa: "Thưa Đại vương, đây là người ăn trộm, người phạm tội. Đại vương hãy gia phạt người ấy theo hình phạt nào như Đại vương muốn". Vua ấy nói như sau: "Các Ông hãy đem người này, lấy dây thật chắc trói cánh tay người này thật chặt về phía sau, cạo đầu người ấy đi, dắt người ấy đi xung quanh trên một xe nhỏ với một cái trống, đi từ đường này tới đường khác, từ ngả ba này đến ngả ba khác, dắt người ấy ra khỏi cửa thành phía Nam, và hãy chặt đầu người ấy tại thành phía Nam".*

Những người kia vâng theo lời vua dạy, lấy dây thật chắc trói cánh tay người ấy thật chặt về phía sau, cạo trọc đầu, dắt người ấy đi xung quanh trên một xe nhỏ với một cái trống, đi từ đường này tới đường khác, từ ngả ba này tới ngả ba khác, dắt người ấy ra khỏi cửa thành phía Nam, và chặt đầu người ấy tại thành phía Nam.

61) *Này Susìma, Ông nghĩ thế nào? Người ấy do nhân duyên như vậy có cảm thọ khổ ưu hay không?*

- Thưa có, bạch Thế Tôn.

62) *Này Susìma, dù cho người ấy do nhân duyên như vậy cảm thọ khổ ưu, hay không cảm thọ khổ ưu, thời*

***sự xuất gia với tư cách ăn trộm pháp** trong Pháp và Luật khéo thuyết này, do nhân duyên ấy phải rơi vào và chịu đựng khổ báo còn kịch liệt hơn và quả báo còn đau đớn hơn.*

63) Này Susìma, Ông thấy phạm tội là phạm tội và như pháp phát lộ, nên chúng ta chấp nhận tội ấy cho Ông. Này Susìma, như vậy Luật của bậc Thánh được tăng trưởng, khi thấy được phạm tội là phạm tội và như pháp phát lộ để ngăn giữ trong tương lai.

20 Tuyên bố Chánh trí, nhưng không đề cập đến tự ngã - Kinh KHEMA – Tăng III, 131

KHEMA –*Tăng* III, 131

1. Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvavatthì, Jetavana, tại khu vườn ông Anàthapindika. Lúc bấy giờ, Tôn giả Khema, Tôn giả Sumana trú ở Sàvavatthì, tại rừng Andha. Rồi Tôn giả Khema và Tôn giả Sumana đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Khema bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo là bậc A-la-hán, đã đoạn tận các lậu hoặc, Phạm hạnh đã thành, đã làm những việc phải làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã đạt được mục đích, hữu kiết sử đã đoạn tận, chánh trí giải thoát. *Vị ấy không nghĩ rằng: "Có người tốt hơn ta" hay "Có người giống như ta" hay "Có người hạ liệt hơn ta".*

Tôn giả Khema nói như vậy, Bậc Đạo Sư chấp nhận. Rồi Tôn giả Khema nghĩ rằng: "Thế Tôn đã chấp nhận ta". Tôn giả từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

Tôn giả Sumana, khi Tôn giả Khema ra đi không bao lâu, liền bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo là bậc A-la-hán, đã đoạn tận các lậu hoặc, Phạm hạnh đã thành, đã làm những việc phải làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã đạt được mục đích, hữu kiết sử đã đoạn tận, chánh trí giải thoát. Vị ấy không nghĩ rằng: "Có người tốt hơn ta", hay "Có người giống như ta", hay "Có người hạ liệt hơn ta".

Tôn giả Sumana nói như vậy, bậc Đạo Sư chấp nhận. Rồi tôn giả Sumana nghĩ rằng: "Thế Tôn đã chấp nhận ta". Tôn giả từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

2. Rồi Thế Tôn, sau khi Tôn giả Khema và Tôn giả Sumana ra đi không bao lâu, liền bảo các Tỷ-kheo:

- Như vậy, này các Tỷ-kheo, các thiện nam tử nói lên chánh trí, có nói đến mục đích, ***nhưng không đề cập đến tự ngã.***

Tuy vậy, ở đời một số kẻ ngu nói lên chánh trí một cách ngạo mạn đắc chí. Họ về sau rơi vào nguy hại.

Không thắng, không hạ liệt,
Không ai đồng đẳng Ta,
Những tư tưởng như vậy
Không chi phối các vị.
Sanh khởi đã chấm dứt,
Phạm hạnh được viên thành,

Họ lìa bỏ kiết sử,
Hoàn toàn được giải thoát.

21 Tuyên bố Chánh trí, vì Tăng thượng mạn - Kinh CÂU HỎI VỀ CHÁNH TRÍ – Tăng IV, 454

CÂU HỎI VỀ CHÁNH TRÍ – *Tăng* IV, 454

(Tuyên bố chánh trí – vì tăng thượng mạn; Tôn giả Mahà Kassapa; sự kiện có xảy ra và không xảy ra; pháp đưa đến không thể lớn mạnh)

1. Một thời, Tôn giả Mahàkassapa ở tại Ràjagaha (Vương Xá), Trúc Lâm, tại vườn nuôi dưỡng các con sóc. Tại đấy, Tôn giả Kassapa gọi các Tỷ-kheo:

- Này chư Hiền Tỷ-kheo

- Thưa vâng Hiền giả.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Mahàkassapa. Tôn giả Mahàkassapa nói như sau:

2. - Ở đây, này chư Hiền Tỷ-kheo nói lên chánh trí, nói rằng: *"Tôi biết rõ như sau: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa"*. Như Lai hay đệ tử Như Lai là bậc Thánh hiền, thiện xảo trong thiền chứng, thiện xảo trong tâm người khác, thiện xảo

trong hành tướng tâm người khác, thẩm vấn, gạn hỏi, thảo luận. Vị ấy khi bị Như Lai hay đệ tử Như Lai là những bậc hành thiền, thiện xảo trong thiền chứng, thiện xảo trong tâm người khác, thiện xảo trong hành tướng tâm người khác, thẩm vấn, gạn hỏi, thảo luận, rơi vào trống không, rơi vào rối ren, rơi vào bế tắc, rơi vào bất hạnh, rơi vào bế tắc và bất hạnh.

Như Lai hay đệ tử Như Lai, là những vị hành thiền... thiền xảo trong hành tường tâm của người khác, với tâm của mình, tác ý đến tâm người ấy như sau: "Như thế nào, vị Tôn giả này nói lên chánh trí, nói rằng: "Tôi rõ biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa"". Như Lai hay đệ tử Như Lai, là những bậc hành thiền... thiện xảo trong hành tướng tâm người khác, với tâm của mình, biết được tâm người ấy như sau:

"**Tăng thượng mạn** là Tôn giả này, xem tăng thượng mạn của mình như là sự thật, chưa chứng đạt tưởng rằng đã chứng đạt, chưa làm tưởng đã làm, chưa chứng đắc tưởng rằng đã chứng đắc, với tăng thượng mạn đã tuyên bố về chánh trí", nói rằng: "Tôi rõ biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa"".

Như Lai hay đệ tử Như Lai là những vị hành thiền... thiện xảo trong hành tướng tâm của người khác, với tâm của mình, tác ý đến tâm người ấy: *"Dựa trên gì, Tôn giả này tăng thượng mạn, xem tăng thượng mạn của mình như là sự thật, chưa chứng đạt tưởng rằng đã chứng đạt... chưa chứng đắc tưởng rằng đã chứng đắc, với tăng thượng mạn, đã tuyên bố về chánh trí", nói rằng: "Tôi rõ biết: "Sanh đã tận... không còn trở lui trạng thái này nữa"?*. Như lai hay đệ tử Như Lai, là những vị hành thiền... thiện xảo trong hành tướng tâm người khác, với tâm của mình, biết được tâm của người ấy: *"**Nghe nhiều** là Tôn giả này, thọ trì điều đã nghe, cất chứa điều đã nghe. Những pháp nào sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có nghĩa, có văn, tán thán đời sống Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn trong sạch, những pháp như vậy, vị ấy nghe nhiều, thọ trì điều được nghe, thọ trì đọc tụng bằng lời, với ý khéo quán sát, khéo thể nhập, với chánh kiến. Do vậy, Tôn giả này, tăng thượng mạn, xem tăng thượng mạn của mình như là sự thật, chưa chứng đạt tưởng rằng đã chứng đạt, chưa làm tưởng rằng đã làm, chưa chứng đắc tưởng rằng đã chứng đắc, với tăng thượng mạn, đã tuyên bố về chánh trí, nói rằng: "Tôi rõ biết: "Sanh đã tận... không còn trở lui trạng thái này nữa""*.

Như Lai hay đệ tử Như Lai là những vị hành thiền... thiện xảo trong hành tướng tâm người khác, như vậy với tâm của mình, biết rõ tâm của người ấy:

1. "Tham là Tôn giả này, sống nhiều với tâm bị tham chi phối, và bị tham chi phối nghĩa là tổn giảm trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng.
2. Sân là vị Tôn giả này, sống nhiều với tâm bị sân chi phối…
3. Hôn trầm thùy miên là vị Tôn giả này và sống nhiều với tâm bị hôn trầm thụy miên chi phối, và bị hôn trầm thụy miên chi phối nghĩa là tổn giảm...
4. Trạo cử là tôn giả này, và vị ấy sống nhiều với tâm bị trạo cử chi phối, và tâm bị trạo cử chi phối nghĩa là tổn giảm...
5. Nghi là vị Tôn giả này, sống nhiều với tâm bị nghi hoặc chi phối...
6. Ưa thích công việc là vị Tôn giả này, thích thú công việc, chuyên chú trong thích thú công việc, và ưa thích công việc nghĩa là tổn giảm trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng.
7. Ưa thích nói chuyện là Tôn giả này, thích thú nói chuyện, chuyên chú trong thích thú nói chuyện, thích thú nói chuyện là tổn giảm trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng.

8. Ưa thích ngủ nghỉ là Tôn giả này, thích thú ngủ nghỉ, và tánh thích thú ngủ nghỉ nghĩa là tổn giảm trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng.
9. Ưa thích hội chúng, là vị Tôn giả này, thích thú hội chúng, chuyên chú ưa thích hội chúng, ưa thích hội chúng có nghĩa là tổn giảm trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng.
10. Thất niệm là vị Tôn giả này, đối với các Pháp cao thượng chỉ được phần nhỏ, dầu cho có chứng được thù thắng nhưng chỉ là phần nhỏ, lại đứng lại giữa đường; đứng lại giữa đường, có nghĩa là tổn giảm trong Pháp Luật do Như Lai thuyết giảng."

3. Tỷ-kheo ấy, này chư Hiền, không đoạn tận mười pháp này, sẽ được tăng trưởng, lớn mạnh, lớn rộng trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng, sự kiện này không xảy ra.

Tỷ-kheo ấy, này chư Hiền, đoạn tận mười pháp này, sẽ được tăng trưởng lớn mạnh, lớn rộng trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng, sự kiện này có xảy ra.

22 Tuyên bố Chánh trí, vì vọng tâm - Kinh KHOE KHOANG – Tăng IV, 449

KHOE KHOANG – *Tăng* IV, 449

1. Một thời, Tôn giả Mahàcunda trú giữa dân chúng Cetì, tại Sahajati. Tại đây, Tôn giả Mahàcunda bảo các Tỷ-kheo:

- Này chư Hiền Tỷ-kheo:

- Thưa vâng, Hiền giả.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Mahàcunda. Tôn giả Mahàcunda nói như sau:

2. - Ở đây, này chư Hiền, Tỷ-kheo là hạng khoe khoang, khoa trương những chứng đắc của mình: *"Tôi chứng nhập, tôi xuất ly sơ thiền. Tôi chứng nhập, tôi xuất ly thiền thứ hai. Tôi chứng nhập, tôi xuất ly thiền thứ ba. Tôi chứng nhập, tôi xuất ly thiền thứ tư. Tôi chứng nhập, tôi xuất ly Không vô biên xứ. Tôi chứng nhập, tôi xuất ly Thức vô biên xứ. Tôi chứng nhập, tôi xuất ly Vô sở hữu xứ. Tôi chứng nhập, tôi xuất ly Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Tôi chứng nhập, tôi xuất ly Diệt thọ tưởng định."* Như

Lai hay đệ tử Như Lai là bậc Thánh hiền, thiện xảo trong thiền chứng, thiện xảo trong tâm người khác, thiện xảo trong hành tướng tâm người khác, thẩm vấn, gạn hỏi, thảo luận. Vị ấy khi bị Như Lai hay đệ tử Như Lai là những bậc hành thiền, thiện xảo trong thiền chứng, thiện xảo trong tâm người khác, thiện xảo trong hành tướng tâm người khác, thẩm vấn, gạn hỏi, thảo luận, rơi vào trống không, rơi vào rối ren, rơi vào bế tắc, rơi vào bất hạnh, rơi vào bế tắc và bất hạnh.

Như Lai hay đệ tử Như lai, những vị hành thiền... thiện xảo trong hành tướng tâm của người khác, với tâm của mình tác ý đến tâm của người ấy như sau: "Như thế nào, Tôn giả này khoe khoang, khoa trương những chứng đắc của mình: "Tôi chứng nhập, tôi xuất ly Thiền thứ nhất... tôi chứng nhập, tôi xuất ly Diệt thọ tưởng định." Như Lai hay đệ tử Như Lai, những vị hành thiền... thiện xảo trong hành tướng tâm người khác, với tâm mình rõ biết tâm người ấy như sau:

1. "Đã lâu rồi, Tôn giả này có những hành động phá nát, có những hành động bể vụn, có những hành động chấm đen, có những hành uế nhiễm, có những hành động không phù hợp trong các giới luật. Phá giới là Tôn giả này, và phá giới

nghĩa là tổn giảm trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng.

2. Không có lòng tin là Tôn giả này, và không có lòng tin, nghĩa là tổn giảm trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng.
3. Nghe ít là Tôn giả này, theo tà hạnh, học ít nghĩa là tổng giảm trong Pháp Luật do Như Lai thuyết giảng.
4. Khó nói là Tôn giả này, và tánh khó nói... do Như Lai thuyết giảng.
5. Bạn bè với ác là Tôn giả này, và tánh bạn bè với ác...
6. Biếng nhác là Tôn giả này, và tánh biếng nhác...
7. Thất niệm là do Tôn giả này, và tánh thất niệm... do Như Lai thuyết giảng.
8. Gian xảo là Tôn giả này, và tánh gian xảo...
9. Khó nuôi dưỡng là Tôn giả này,
10. Ác tuệ là Tôn giả này, và tánh ác tuệ có nghĩa là tổn giảm trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng."

3. Ví như, này chư Hiền, một người bạn nói với người bạn của mình: *"Này Bạn, khi nào Bạn cần đến tài sản, hãy xin tôi tài sản và tôi sẽ cho Bạn tài sản."* Người bạn kia khi cần đến tài sản liền nói với người bạn như sau: "Này Bạn, nay tôi cần đến tài sản, hãy

cho tôi tài sản". Vị ấy trả lời như sau: "Vậy này Bạn, hãy đào ở đây". Vị kia tại đấy đào lên và không tìm được gì. Vị kia nói: "Này Bạn, Bạn đã nói láo với tôi. Này Bạn, Bạn đã nói những lời trống rỗng với tôi." "Hãy đào ở đây". Vị ấy nói: "Này Bạn, tôi không nói láo với Bạn. Tôi không nói những lời trống rỗng với Bạn. Vậy này Bạn, hãy đào ở đây". Vị kia tại đấy đào lên và không tìm được gì. Vị kia nói: "Này Bạn, Bạn đã nói láo với tôi. Này Bạn, Bạn đã nói những lời trống rỗng với tôi". "Hãy đào ở đây". Vị ấy nói: "Này Bạn, tôi không nói láo với Bạn. Tôi không nói những lời trống rỗng. Vậy này Bạn, hãy đào ở đây". Vị kia tại đấy đào lên và không tìm được gì. Vị kia nói: "Này Bạn, Bạn đã nói láo với tôi. Bạn đã nói những lời trống rỗng với tôi". "Hãy đào ở đây". Vị kia nói: "Này Bạn, tôi không nói láo với Bạn. Tôi không nói những lời trống rỗng với Bạn nhưng tôi bị điên loạn, tâm tôi bị đảo lộn.

Cũng vậy, này chư Hiền, Tỷ-kheo là hạng khoe khoang, khoa trương những chứng đắc của mình: *"Tôi chứng nhập, tôi xuất ly sơ Thiền….Thiền thứ ai… Thiền thứ ba... Thiền thứ tư... Không vô biên xứ...Thức vô biên xứ... vô sở hữu xứ... Phi trưởng phi phi trưởng xứ... Tôi chứng nhập, tôi xuất ly Diệt thọ tưởng định"*. Như Lai hay đệ tử Như Lai là bậc hành thiền, thiện xảo trong thiền chứng, thiện xảo trong

tâm người khác, thiện xảo trong hành tướng tâm người khác, thẩm vấn, gạn hỏi, thảo luận. Vị ấy, khi bị Như Lai hay đệ tử Như Lai là những bậc hành thiền... thiện xảo trong hành tướng tâm người khác, thẩm vấn, gạn hỏi, thảo luận, rơi vào trống không, rơi vào rối ren, rơi vào bế tắc, rơi vào bất hạnh, rơi vào bế tắc và bất hạnh. Như Lai hay đệ tử Như Lai, những bậc hành thiền... thiện xảo trong hành tướng tâm người khác, với tâm của mình, tác ý đến tâm của người khác, với tâm của mình, tác ý đến tâm của người ấy như sau: "Như thế nào, Tôn giả này khoa trương, khoe khoang, những chứng đắc của mình: "Tôi chứng nhập và xuất ly sơ thiền... tôi chứng nhập và xuất ly diệt thọ tưởng định". Như Lai hay đệ tử Như Lai, những vị hành thiền... thiện xảo trong hành tướng tâm của người khác như sau:

- "Đã lâu rồi, Tôn giả này có những hành động phá nát, có những hành động bể vụn, có những hành động chấm đen, có những hành động uế nhiễm, có những hành động không phù hợp, có những tập quán không phù hợp trong các giới. Phá giới là Tôn giả này, và phá giới có nghĩa là tổn giảm trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng.
- Không có lòng tin là Tôn giả này và tánh không có lòng tin...

- Nghe ít là Tôn giả này và tánh nghe ít...
- Khó nói là Tôn giả này, và tánh khó nói...
- Bạn bè với ác là Tôn giả này và tánh làm bạn với ác …
- Biếng nhác là Tôn giả này và tánh biếng nhác...
- Thất niệm là Tôn giả này và tánh thất niệm...
- Gian xảo là Tôn giả này và tánh gian xảo...
- Khó nuôi dưỡng là Tôn giả này và tánh khó nuôi dưỡng...
- Ác tuệ là Tôn giả này và tánh ác tuệ là tổn giảm trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng."

4. Tỷ-kheo ấy, này chư Hiền, **không đoạn tận mười pháp** này sẽ tăng trưởng, lớn mạnh, lớn rộng trong Pháp và Luật này, sự kiện này không xảy ra.

Tỷ-kheo ấy, này chư Hiền, sau khi đoạn tận mười pháp này, sẽ được tăng trưởng, lớn mạnh, lớn rộng trong Pháp và Luật này, sự kiện này có xảy ra.

23 Tuyên bố Chánh trí, vì vọng tâm - Kinh NÓI LÊN CHÁNH TRÍ – Tăng IV, 447

NÓI LÊN CHÁNH TRÍ – *Tăng* IV, 447

(Sự kiện có xảy ra và không xảy ra; Tôn giả Moggallàna; pháp đưa đến không thể lớn mạnh; Tuyên bố chánh trí – không thật).

1. Ở đây, Tôn giả Mahàmoggallàna gọi các Tỷ-kheo:

- Này các hiền giả Tỷ-kheo.

- Thưa vâng, Hiền giả.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Mahàmoggallàna. Tôn giả Mahàmoggallàna nói như sau:

2. - Ở đây, này các Hiền giả, Tỷ-kheo nói lên chánh trí: " *Tôi rõ biết rằng*: *"Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa"*. Rồi Như Lai hay đệ tử Như Lai, là vị hành thiền, thiện xảo trong thiền chứng, thiện xảo trong tâm người khác, thiện xảo trong hành tướng tâm người khác, thẩm vấn, gạn hỏi, thảo luận. Vị ấy bị Như Lai hay đệ tử Như Lai, những vị hành

thiền, thiện xảo trong thiền chứng, thiện xảo trong tâm người khác, thẩm vấn, gạn hỏi, thảo luận, rơi vào trong trống rỗng (sa mạc), rơi vào trong rối ren (rừng rậm), rơi vào trong bế tắc, rơi vào trong bất hạnh, rơi vào trong bế tắc và bất hạnh.

Như Lai hay đệ tử Như Lai, thiện xảo trong tâm người khác, thiện xảo trong hành tướng tâm người khác, thiện xảo trong hành tướng tâm người khác tâm mình, tác ý đến tâm của người ấy như sau: "Như thế nào, Tôn giả này nói lên chánh trí: "Tôi rõ biết rằng: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa."? " Như Lai hay đệ tử Như Lai, những vị hành thiền, thiện xảo trong thiền chứng, thiện xảo trong tâm người khác, thiện xảo trong hành tướng tâm người khác với tâm mình, tác ý đến tâm người ấy như sau: Như thế nào, Tôn giả này nói lên chánh trí: " Tôi rõ biết rằng: « Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa »?"

Như Lai hay đệ tử Như Lai, những vị hành thiền, thiện xảo trong thiền chứng, thiện xảo trong tâm người khác, thiện xảo trong hành tướng tâm người khác, với tâm mình biết rõ tâm người ấy như sau:

1. "Có phẫn nộ là Tôn giả này, sống nhiều với tâm bị phẫn nộ thấm nhuần. Với tâm bị phẫn nộ thấm nhuần, nghĩa là tổn giảm trong Pháp Luật do Như Lai thuyết giảng.
2. Có hiềm hận là Tôn giả này...
3. Có gièm pha là Tôn giả này...
4. Có não hại là Tôn giả này...
5. Có tật đố là Tôn giả này...
6. Có xan tham là Tôn giả này...
7. Có lừa đảo là Tôn giả này...
8. Có man trá là Tôn giả này...
9. Có ác dục là Tôn giả này...
10. Có thất niệm là Tôn giả này...

Dầu cho còn nhiều việc (cao thượng hơn) cần phải làm thêm, tuy có chứng được thù thắng nhưng chỉ là phần nhỏ lại đứng lại giữa đường; đứng lại giữa đường này nghĩa là tổn giảm trong Pháp Luật do Như Lai thuyết giảng."

3. Tỷ-kheo ấy, chư Hiền, do không đoạn tận mười pháp này, đi đến được tăng trưởng, lớn mạnh, lớn rộng trong Pháp và Luật này, sự kiện này không xảy ra.

Tỷ-kheo ấy, này chư Hiền, do đoạn tận mười pháp này, đi đến được tăng trưởng lớn mạnh, lớn rộng trong Pháp và Luật này, sự kiện này có xảy ra.

24 Tuyên bố chánh trí - 2 hạng người - Kinh THIỆN TINH – 105 Trung III, 79

KINH THIỆN TINH

(Sunakkhatta suttam)

– Bài kinh số 105 – Trung III, 79

Như vầy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú tại Vesali (Tỳ-xá-ly), ở Đại Lâm, tại Trùng Các giảng đường (Kutagarasala). Lúc bấy giờ nhiều Tỷ-kheo, trước mặt Thế Tôn tuyên bố đã chứng trí giác: "Chúng tôi biết rằng sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những điều nên làm đã làm, không còn trở lại trạng thái này nữa". Sunakkhatta Licchaviputta (Thiện Tinh Ly-xa Tử) được nghe: "Nhiều Tỷ-kheo... (như trên)... này nữa". Rồi sunakkhatta Licchaviputta đi đến chỗ Thế Tôn, sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Sunakkhatta Licchaviputta bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn con có được nghe như sau: "Nhiều Tỷ-kheo... (như trên)... này nữa". Bạch Thế

Tôn, những Tỷ-kheo ấy, trước mặt Thế Tôn tuyên bố đã chứng trí giác: "Chúng tôi biết rằng sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại trạng thái này nữa". *Bạch Thế Tôn, không biết các Tỷ-kheo ấy đã tuyên bố một cách chơn chánh chứng trí giác, hay ở đây có một số Tỷ-kheo, vì tăng thượng mạn đã tuyên bố chứng trí giác?*

– Này Sunakkhatta, những vị Tỷ-kheo trước mặt Ta đã tuyên bố chứng trí giác: *"Chúng tôi biết rằng, sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại trạng thái này nữa"*. Ở đây, có một số Tỷ-kheo đã chơn chánh tuyên bố chứng trí giác; nhưng ở đây, cũng có một số Tỷ-kheo chính vì tăng thượng mạn, đã tuyên bố chứng trí giác.

- Ở đây, này Sunakkhatta, những vị Tỷ-kheo nào đã chơn chánh tuyên bố chứng trí giác, thời đối với các vị ấy, thật là đúng như vậy.
- Nhưng đối với các vị Tỷ-kheo nào, vì tăng thượng mạn đã tuyên bố chứng tri giác, ở đây, này Sunakkhatta, Như Lai nghĩ như sau: "Ta hãy thuyết pháp cho những vị ấy". Và như vậy, ở đây, này Sunakkhatta, Như Lai suy nghĩ: "Ta hãy thuyết pháp cho những vị ấy".
- Nhưng ở đây, nếu có một số người ngu si, bày

đặt câu hỏi, đến hỏi Như Lai; ở đây, này Sunakkhatta, Như Lai suy nghĩ như sau: "Ta hãy thuyết pháp cho những người ấy". Như Lai suy nghĩ như vậy, không có làm khác.

– Nay đã đúng thời để thuyết pháp, bạch Thế Tôn! Nay đã đúng thời để thuyết pháp, bạch Thiện Thệ! Thế Tôn thuyết pháp như thế nào, sau khi nghe Thế Tôn xong, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì.

– Vậy này Sunakkhatta, hãy nghe và khéo tác ý kỹ, Ta sẽ giảng.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Sunakkhatta Licchaviputta vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Này Sunakkhatta, có năm dục trưởng dưỡng này. Thế nào là năm? Các sắc do mắt nhận thức, khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn; các tiếng do tai nhận thức...; các hương do mũi nhận thức...; các vị do lưỡi nhận thức...; các xúc do thân cảm xúc khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Này Sunakkhatta, những pháp này là năm dục trưởng dưỡng.

❖ Nhưng này Sunakkhatta, sự tình này xảy ra khi ở

đây **có số người thiên nặng về vật chất thế gian**. Đối với người thiên nặng về vật chất thế gian, này Sunakkhatta, câu chuyện (thích hợp với người ấy) phải tùy thuộc như thế nào để phù hợp với điều người ấy suy tầm và suy tư, và người ấy chỉ giao thiệp với người nào người ấy thích thú. Nhưng nếu câu chuyện chỉ nói liên hệ đến bất động, thời người ấy không nghe, không lóng tai, và tâm không an trú vào tri giác. Và người ấy không giao thiệp với người mà người ấy không thích thú.

Ví như này Sunakkhatta, có người đã lâu không trú ở trong làng hay thị trấn của mình, và có thể thấy một người vừa mới từ làng ấy hay thị trấn ấy lại. Người này sẽ hỏi người ấy về sự an ninh của làng hay thị trấn ấy, về đồ ăn uống sung túc và về ít bệnh tật, và người ấy sẽ nói cho người này biết về sự an ổn của làng hay thị trấn ấy, về đồ ăn uống sung túc và về ít bệnh tật. Này Sunakkhatta, Ông nghĩ thế nào? Có phải người này sẽ nghe người kia, lóng tai, tâm an trú vào trí giác và người này sẽ giao thiệp với người ấy mà người này thích thú?

– Thưa phải vậy, bạch Thế Tôn.

– Cũng vậy, này Sunakkhatta, sự tình này xảy ra khi ở đây có số người thiên nặng về vật chất thế gian.

Đối với người thiên nặng về vật chất thế gian, này Sunakkhatta, câu chuyện thích hợp với người ấy phải tùy thuộc như thế nào để phù hợp với điều người ấy suy tầm và suy tư, và người ấy chỉ giao thiệp với người mà người ấy thích thú. Nhưng nếu câu chuyện chỉ nói liên hệ đến Bất động, thời người ấy không nghe, không lóng tai và tâm không an trú vào thượng trí, và người ấy không giao thiệp với người mà người ấy không thích thú. Người ấy cần được hiểu như vầy: "Là hạng người thiên nặng về vật chất thế gian".

❖ Này Sunakkhatta, sự tình này xảy ra, **khi một số người thiên nặng về Bất động**. Đối với người thiên nặng về Bất động, này Sunakkhatta, câu chuyện thích hợp (với người ấy) phải tùy thuộc như thế nào để phù hợp với điều người ấy suy tầm và suy tư, và người ấy chỉ giao thiệp với người mà người ấy thích thú. Nhưng nếu câu chuyện chỉ nói liên hệ đến vật chất thế gian, thời người ấy không nghe, không lóng tai và tâm không an trú vào thượng trí, và người ấy không giao thiệp với người mà người ấy không thích thú.

Ví như, này Sunakkhatta, một lá vàng khô đã rời khỏi cành, không còn xanh trở lại.

Cũng vậy, này Sunakkhatta, đối với hạng người

thiên nặng về Bất động, đã rời khỏi kiết sử vật chất thế gian. Người ấy cần được hiểu như sau: *"Đây là hạng người không liên hệ với kiết sử vật chất thế gian, thiên nặng về Bất động".*

– Này Sunakkhatta, sự tình này xảy ra. Ở đây, có một số **người thiên nặng về Vô sở hữu**. Đối với người thiên nặng về Vô sở hữu, này Sunakkhatta, câu chuyện thích hợp với người ấy phải tùy thuộc như thế nào để phù hợp với điều người ấy suy tầm và suy tư, và người ấy chỉ giao thiệp với người mà người ấy thích thú. Nhưng nếu câu chuyện chỉ nói liên hệ đến Bất động, thời người ấy không nghe, không lóng tai, và tâm không an trú vào trí giác, và người ấy không giao thiệp với người mà người ấy không thích thú.

Ví như, này Sunakkhatta, một hòn đá bị vỡ làm đôi không thể nối liền lại được.

Cũng vậy, này Sunakkhatta, đối với hạng người thiên nặng về Vô sở hữu, đã bị chặt đứt khỏi kiết sử Bất động, người ấy cần được hiểu như sau: *"Đây là hạng người không liên hệ với kiết sử Bất động, thiên nặng về Vô sở hữu".*

❖ Này Sunakkhatta, sự tình này xảy ra. Ở đây, có một số **người thiên nặng về Phi tưởng phi phi tưởng xứ**. Đối với người thiên nặng về Phi tưởng

phi phi tưởng xứ, này Sunakkhatta, câu chuyện thích hợp với người ấy phải tùy thuộc như thế nào để phù hợp với điều người ấy suy tầm và suy tư, và người ấy chỉ giao thiệp với người mà người ấy thích thú. Nhưng nếu câu chuyện chỉ nói liên hệ đến Vô sở hữu xứ, thời người ấy không nghe, không lóng tai, và tâm không an trú vào tri giác, và người ấy không giao thiệp với người mà người ấy không thích thú.

Ví như, này Sunakkhatta, một người đã ăn các món ăn mỹ vị và đã quăng bỏ. Này Sunakkhatta, Ông nghĩ thế nào? Người ấy có ưa ăn lại món ăn ấy không?

– Bạch Thế Tôn không. Vì sao vậy? Vì rằng, bạch Thế Tôn, món ăn ấy được xem là ghê tởm rồi.

– Cũng vậy, này Sunakkhatta, đối với hạng người thiên nặng về Phi tưởng phi phi tưởng xứ, đã để một bên kiết sử Vô sở hữu xứ. Người ấy cần được hiểu như sau: *"Đây là hạng người không liên hệ với kiết sử Vô sở hữu xứ, thiên nặng về Phi tưởng phi phi tưởng xứ".*

❖ Này Sunakkhatta sự tình này xảy ra, khi ở đây, có số **người thiên nặng về chánh Niết-bàn**. Đối với hạng người thiên nặng về chánh Niết-bàn, này

Sunakkhatta, câu chuyện thích hợp với người ấy phải tùy thuộc như thế nào để phù hợp với điều người ấy suy tầm và suy tư, và người ấy chỉ giao thiệp với người mà người ấy thích thú. Nhưng nếu câu chuyện chỉ nói liên hệ đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ, thời người ấy không nghe, không lóng tai, và tâm không an trú vào trí giác. Và người ấy không giao thiệp với người mà người mà ấy không thích.

Ví như, này Sunakkhatta, cây tala ngọn cây đã bị chặt đứt không thể lớn được nữa.

Cũng vậy, này Sunakkhatta, đối với hạng người thiên nặng về chánh Niết-bàn, đã cắt đứt kiết sử Phi tưởng phi phi tưởng xứ, đã cắt đứt từ rễ, làm cho như cây tala không thể tái sanh, không thể khởi lên lại trong tương lai. Người ấy cần phải được hiểu như sau: *"Đây là hạng người không liên hệ với kiết sử Phi tưởng phi phi tưởng xứ, thiên nặng về chánh Niết-bàn".*

➔ Này Sunakkhatta, sự tình này xảy ra, khi ở đây, có một số người suy nghĩ như sau: *"Tham ái được vị Sa-môn gọi là mũi tên. Thuốc độc vô minh làm não hại (con người) với dục, tham, sân. Mũi tên tham ái đã được ta đoạn diệt; thuốc độc vô minh*

đã được trừ khử; ta thiên nặng về chánh Niết-bàn". Vị ấy có thể tự hào với mục đích hiện tại. Vị ấy có thể truy cầu những gì không thích hợp với khuynh hướng chánh Niết-bàn, mắt vị ấy có thể truy cầu sắc không thích hợp, tai có thể truy cầu tiếng không thích hợp, mũi có thể truy cầu hương không thích hợp, lưỡi có thể truy cầu vị không thích hợp, thân có thể truy cầu xúc không thích hợp, ý có thể truy cầu pháp không thích hợp. Khi mắt truy cầu sắc không thích hợp, tai truy cầu tiếng không thích hợp, mũi truy cầu hương không thích hợp, lưỡi truy cầu vị không thích hợp, thân truy cầu xúc không thích hợp, ý truy cầu pháp không thích hợp, thời tham dục nhiễu loạn tâm vị ấy. Vị ấy do tâm bị tham dục nhiễu loạn đi đến chết hay đi đến khổ gần như chết.

Ví như, này Sunakkhatta, một người bị mũi tên bắn, tên ấy có tẩm thuốc độc rất dày. Bạn bè thân hữu, bà con huyết thống người ấy cho mời một y sĩ giải phẫu. Vị y sĩ giải phẫu ấy có thể cắt xung quanh miệng vết thương với con dao; sau khi cắt xung quanh miệng vết thương với con dao, vị y sĩ giải phẫu có thể dò tìm mũi tên với một vật dụng dò tìm. Sau khi dò tìm mũi tên với một vật dụng dò tìm, y sĩ có thể rút mũi tên ra. Y sĩ có thể trừ khử hết thuốc độc, còn để lại một ít nhưng nghĩ không có thuốc độc

nào còn lại, y sĩ nói như sau: *"Này Hiền giả, mũi tên của Bạn đã được rút ra thuốc độc đã được trừ khử, không còn dư tàn, và không còn gì nguy hiểm nữa* cho Bạn, *nhưng Bạn phải chỉ ăn các đồ ăn thích hợp, và hãy gìn giữ, nếu ăn đồ ăn không thích hợp, vết thương của Bạn sẽ làm mủ lại, và thường thường phải cho rửa vết thương, thường thường phải xức thuốc cho miệng vết thương. Trong khi thường thường cho rửa vết thương, thường thường xức thuốc cho miệng vết thương, chớ có để máu cũ đóng khô trên miệng vết thương và hãy cẩn thận khi đi ra giữa gió và nắng; hãy cẩn thận khi đi ra giữa gió và nắng, nếu không, bụi và nhớp có thể nhiễu hại miệng vết thương. Và này Bạn, nếu Bạn chăm sóc vết thương, thời vết thương sẽ được lành".*

Người ấy suy nghĩ như sau: *"Mũi tên đã được rút khỏi (thân) ta, nọc độc đã được trừ khử, không còn dư tàn, và ta đã thoát khỏi nguy hiểm".* Và người ấy ăn những đồ ăn không thích hợp. Vì người ấy ăn những đồ ăn không thích hợp, nên vết thương làm mủ lại. Và thường thường người ấy không rửa vết thương, thường thường không xức thuốc miệng vết thương. Vì người ấy thường thường không rửa vết thương, vì người ấy thường thường không xức thuốc miệng vết thương, nên máu cũ đông lại trên miệng vết thương. Và người ấy thường hay đi giữa gió và

nắng. Do người ấy thường hay đi giữa gió và nắng, bụi và nhớp nhiễu hại miệng vết thương; và vì người ấy không chăm sóc vết thương nên vết thương không được lành. Vì người ấy làm chính những việc không thích hợp, và do thuốc độc được trừ khử nhưng còn dư tàn, do cả hai điều ấy nên miệng vết thương có thể lở to hơn trước. Do vết thương lở to, người ấy có thể đi đến chết hay đau khổ gần như chết.

Cũng vậy, này Sunakkhatta, sự kiện này xảy ra, khi ở đây một số Tỷ-kheo nghĩ như sau: "Tham ái được bậc Sa-môn gọi là mũi tên, thuốc độc vô minh làm não hại (con người) với dục, tham, sân. Mũi tên tham ái đã được ta đoạn diệt; thuốc độc vô minh đã được trừ khử. Ta thiên nặng về chánh Niết-bàn". Vị ấy có thể tự hào với mục đích hiện tại. Vị ấy có thể truy cầu những gì không thích hợp với khuynh hướng chánh Niết-bàn. Mắt có thể truy cầu sắc không thích hợp, tai có thể truy cầu tiếng không thích hợp, mũi có thể truy cầu hương không thích hợp, lưỡi có thể truy cầu vị không thích hợp, thân có thể truy cầu xúc không thích hợp, ý có thể truy cầu pháp không thích hợp. Khi mắt truy cầu sắc không thích hợp, tai truy cầu tiếng không thích hợp, mũi truy cầu hương không thích hợp, lưỡi truy cầu vị không thích hợp, thân truy cầu xúc không thích hợp, ý truy cầu pháp không thích hợp. thời tham dục nhiễu loạn tâm

vị ấy. Vị ấy do tham dục nhiễu loạn tâm, đi đến chết hay đi đến khổ gần như chết. Như vậy, này Sunakkhatta, là **chết trong giới luật của bậc Thánh**, khi vị ấy từ bỏ tu tập, trở về hoàn tục, và như vậy, này Sunakkhatta, là **khổ như chết**, khi vị ấy phạm một ô uế tội nào.

➔ Này Sunakkhatta, sự tình này xảy ra, khi ở đây một số Tỷ-kheo suy nghĩ như sau: *"Tham ái được bậc Sa-môn gọi là mũi tên, thuốc độc vô minh làm não hại (con người) với dục, tham, sân. Mũi tên tham ái đã được ta đoạn diệt, thuốc độc vô minh đã được trừ khử. Ta thiên nặng về chánh Niết-bàn"*. Chính vì thiên nặng về chánh Niết-bàn, vị ấy không truy cầu những gì không thích hợp với (khuynh hướng) thiên nặng về Niết-bàn, mắt không truy cầu sắc không thích hợp, tai không truy cầu tiếng không thích hợp, mũi không truy cầu hương không thích hợp, lưỡi không truy cầu vị không thích hợp, thân không truy cầu xúc không thích hợp, ý không truy cầu pháp không thích hợp. Vì mắt vị ấy không truy cầu sắc không thích hợp, vì tai không truy cầu tiếng không thích hợp, vì mũi không truy cầu hương không thích hợp, vì lưỡi không truy cầu vị không thích hợp, vì thân không truy cầu xúc không thích hợp, vì ý không truy cầu pháp không thích hợp, nên tham

dục không nhiễu loạn tâm, vì tham dục không nhiễu loạn tâm; nên vị ấy không đi đến chết hay đi đến khổ gần như chết.

Ví như, này Sunakkhatta, một người bị tên bắn, và mũi tên bị tẩm thuốc độc rất dày. Bạn bè thân hữu, bà con huyết thống người ấy cho mời một y sĩ giải phẫu. Vị y sĩ giải phẫu ấy có thể cắt xung quanh miệng vết thương với con dao; sau khi cắt xung quanh miệng vết thương với con dao, vị y sĩ giải phẫu có thể dò tìm tên với một vật dụng dò tìm. Sau khi dò tìm mũi tên với một vật dụng dò tìm, y sĩ có thể rút mũi tên ra... Y sĩ có thể trừ khử hết thuốc độc không còn để dư lại và biết rằng không còn để dư lại. Vị ấy nói như sau: *"Này Bạn, mũi tên của Bạn đã được rút ra, thuốc độc đã được trừ khử, không có dư tàn, nhưng vẫn còn nguy hiểm cho Bạn. Và Bạn hãy ăn những đồ ăn thích hợp, chớ ăn những đồ ăn không thích hợp khiến vết thương có thể làm mủ; và thường thường hãy rửa vết thương, thường thường hãy xức thuốc miệng vết thương, thường thường rửa vết thương, thường thường xức thuốc miệng vết thương, chớ để máu cũ đóng khô lại trên miệng vết thương. Và chớ có đi ra giữa gió và nắng; đi ra giữa gió và nắng, chớ để bụi và nhớp làm nhiễu hại miệng vết thương, hãy sống gìn giữ vết thương, này Bạn, và vết thương sẽ lành"*.

Người ấy suy nghĩ như sau: "*Mũi tên đã được rút ra khỏi ta, thuốc độc đã được trừ khử, không có dư tàn. Và ta chưa thoát khỏi nguy hiểm*".

- Và vị ấy có thể chỉ ăn các đồ ăn thích hợp. Do chỉ ăn các đồ ăn thích hợp miệng vết thương có thể không làm mủ.
- Và thường thường vị ấy có thể rửa vết thương, thường thường có thể xức thuốc miệng vết thương. Do thường thường rửa vết thương, do thường thường xức thuốc miệng vết thương, máu cũ không có thể đóng khô lại trên miệng vết thương.
- Người ấy không sốt sắng đi giữa gió và nắng. Do người ấy không sốt sắng đi giữa gió và nắng, bụi và nhóp có thể không nhiễu hại miệng vết thương và người ấy sống gìn giữ vết thương, và vết thương được lành.
- Vì người ấy chỉ làm những điều thích hợp và vì thuốc độc được trừ khử không còn dư tàn, do hai (nhân duyên ấy) vết thương được khép kín lại. Khi vết thương được da che kín lại, người ấy không đi đến chết hay không đi đến khổ gần như chết.

Cũng vậy, này Sunakkhatta, sự kiện này xảy ra,

khi ở đây một số Tỷ-kheo suy nghĩ như sau: "Tham ái được bậc Sa-môn gọi là mũi tên, thuốc độc vô minh làm não hại (con người) với dục, tham, sân. Mũi tên tham ái đã được ta đoạn diệt.... (như trên)... không có truy cầu những gì không thích hợp. Mắt không truy cầu sắc không thích hợp, tai không truy cầu tiếng không thích hợp, mũi không truy cầu hương không thích hợp, lưỡi không truy cầu vị không thích hợp, thân không truy cầu xúc không thích hợp, ý không truy cầu pháp không thích hợp. Do mắt người ấy không truy cầu sắc không thích hợp, do tai không truy cầu tiếng không thích hợp, do mũi không truy cầu hương không thích hợp, do lưỡi không truy cầu vị không thích hợp, do thân không truy cầu xúc không thích hợp, do ý không truy cầu pháp không thích hợp, tham dục có thể không nhiễu hại tâm. Do tâm không bị tham dục nhiễu hại, nên người ấy không đi đến chết, hay không đi đến khổ gần như chết.

Này Sunakkhatta, Ta nói ví dụ này với mục đích làm sáng tỏ ý nghĩa. Nghĩa ở đây như sau:

– Vết thương, này Sunakkhatta, là đồng nghĩa với sáu xúc xứ (phassayatana);

– Thuốc độc, này Sunakkhatta, là đồng nghĩa với vô minh;

– Mũi tên, này Sunakkhatta, là đồng nghĩa với ái;

– Vật dụng dò tìm, này Sunakkhatta, là đồng nghĩa với niệm;

– Con dao, này Sunakkhatta, là đồng nghĩa với Thánh trí tuệ.

– Vị y sĩ giải phẫu, này Sunakkhatta, là đồng nghĩa với Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác.

Thật vậy, này Sunakkhatta, **Tỷ-kheo tự mình phòng hộ đối với sáu xúc xứ**, nghĩ rằng: "Sanh y (Upadhi) là căn bản của khổ", sau khi biết như vậy, vị ấy trở thành vô sanh y, giải thoát nhờ đoạn diệt sanh y. Vị ấy còn chú thân của mình trên sanh y hay để tâm đến sanh y, sự tình như vậy không xảy ra.

Ví như, này Sunakkhatta, một chén uống nước bằng đồng, đẹp đẽ và hương thơm, và ***chén ấy lại tẩm thuốc độc****. Rồi một người đến, muốn sống, muốn không chết, muốn lạc, yếm ly khổ. Này Sunakkhatta, Ông nghĩ thế nào? Người ấy có uống chén bằng đồng này không, nếu người ấy biết: "Sau khi tôi uống từ đây, tôi sẽ đi đến chết hoặc đi đến gần như chết?"*

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Cũng vậy, này Sunakkhatta, **Tỷ-kheo ấy chắc chắn phòng hộ đối với sáu xúc xứ.** "Sanh y là căn bản của đau khổ", sau khi biết vậy, vị ấy trở thành vô sanh y, giải thoát nhờ đoạn diệt sanh y. Còn chú thân của vị ấy trên sanh y, để tâm đến sanh y, sự tình như vậy không xảy ra.

Ví như, này Sunakkhatta, ***một con rắn độc hết sức độc hại****, và có một người đến, muốn sống, muốn không chết, muốn lạc, yếm ly khổ. Này Sunakkhatta, Ông nghĩ thế nào? Người ấy có đưa tay hay gót chân cho con rắn độc hại này không, nếu người ấy biết: "Nếu ta bị con rắn này cắn, ta sẽ đi đến chết hay khổ gần như chết?"*

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Cũng vậy, này Sunakkhatta, Tỷ-kheo ấy chắc chắn phòng hộ sáu xúc xứ. "Sanh y là căn bản đau khổ", sau khi biết vậy, vị ấy trở thành vô sanh y, giải thoát nhờ đoạn diệt sanh y. Còn chú thân của vị ấy trên sanh y, hay để tâm đến sanh y, sự tình như vậy không xảy ra.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Sunakkhatta Licchaviputta hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

25 Tuyên bố chánh trí - 5 cách trả lời về chánh trí - Kinh TRẢ LỜI – Tăng II, 502

TRẢ LỜI – *Tăng* II, 502

1. - Này các Tỷ-kheo, có **năm cách trả lời về chánh trí** này.

2. Thế nào là năm?

- Vì đần độn, vì ngu si, trả lời về chánh trí;
- Vì ác dục, vì bị dục chi phối, trả lời về chánh trí,
- Vì kiêu mạn, vì tâm tán loạn trả lời về chánh trí;
- Vì tăng thượng mạn, trả lời về chánh trí;
- Vì hoàn toàn chơn chánh, trả lời về chánh trí.

Này các Tỷ-kheo, có năm cách trả lời về chánh trí này.

26 Tuyên bố chánh trí - Cần được hỏi câu gì - Kinh SÁU THANH TỊNH – 112 Trung III, 161

KINH SÁU THANH TỊNH
(Chabbisodhana suttam)

– Bài kinh số 112 – Trung III, 161

Như vầy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Savatthi, Jetavana, tại tinh xá ông Anathapindika. Tại đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo, "Này các Tỷ-kheo". – "Thưa vâng, bạch Thế Tôn". Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Ở đây, này các Tỷ-kheo, có Tỷ-kheo nói lên chánh trí (annam) như sau: "Ta tuệ tri như vầy: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa"". Này các Tỷ-kheo, lời nói của vị Tỷ-kheo ấy, không nên tán thán cũng không nên bác bỏ. Không tán thán, không bác bỏ, cần hỏi câu hỏi: *"Này Hiền giả, có bốn hình thức tuyên bố này được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác chân chánh*

*nói lên. Thế nào là bốn? **Cái gì được thấy được nói lên như là được thấy**. Cái gì được nghe được nói lên là được nghe. Cái gì được cảm giác được nói lên như là cảm giác. Cái gì được nhận thức được nói lên như là được nhận thức. Bốn hình thức tuyên bố này, Này Hiền giả, được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác chơn chánh nói lên. Nhưng biết cái gì, thấy cái gì, đối với **bốn hình thức tuyên bố** này, Tôn giả có thể nói là tâm của Tôn giả được giải thoát khỏi các lậu hoặc không có chấp thủ?"*

Này các Tỷ-kheo, với Tỷ-kheo, các lậu hoặc đã đoạn tận, tu hành thành mãn, những việc phải làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã thành đạt mục đích, đã đoạn trừ hữu kiết sử, và đã được giải thoát nhờ chánh trí, câu trả lời tùy pháp (anudhamma) của vị ấy phải như sau: **"Này chư Hiền, tôi không cảm thấy luyến ái, không chống đối, độc lập, không trói buộc, giải thoát, không hệ lụy, an trú với tâm không có hạn chế, đối với những vật được thấy... được nghe... được cảm giác... được nhận thức**. Chư Hiền, vì rằng tôi biết như vậy, thấy như vậy, đối với bốn hình thức tuyên bố này, tôi có thể nói tâm tôi được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ".

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy cần phải được tán thán, phải được tùy hỷ với lời nói: "Lành thay! Sau khi tán thán, tùy hỷ với lời nói: "Lành thay, một câu hỏi nữa cần phải được hỏi.: *"Này Hiền giả, **năm thủ uẩn** này được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác chân chánh nói lên. Thế nào là năm? Tức là sắc thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, thọ thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn. Năm thủ uẩn này, này Hiền giả, được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác chân chánh nói lên. Nhưng biết cái gì, thấy cái gì, đối với **năm thủ uẩn** này, Tôn giả có thể nói tâm của Tôn giả được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ?"*

Này các Tỷ-kheo, với Tỷ-kheo các lậu hoặc đã đoạn tận, tu hành thành mãn, những việc phải làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã thành đạt mục đích, đã đoạn trừ hữu kiết sử, và đã được giải thoát nhờ chánh trí, câu trả lời tùy pháp của vị ấy phải như sau: **"Này chư Hiền, sau khi biết sắc này là vô lực, biến hoại, không an ổn, đối với những sắc là những chấp thủ phương tiện (upayupadana), là những tâm cố chấp, thiên chấp, tùy miên, đối với những sắc ấy, với sự đoạn tận, đoạn ly, đoạn diệt, đoạn trừ, đoạn xả, tôi tuệ tri tâm tôi được giải thoát.** Này chư Hiền, sau khi biết thọ này... Này chư Hiền,

sau khi biết tưởng này.. Này chư Hiền, sau khi biết hành này.. Này chư Hiền, sau khi biết thức này là vô lực, biến hoại, không an ổn, đối với thức là những chấp thủ phương tiện, là những tâm cố chấp, thiên chấp, tùy miên. Đối với những thức ấy, với sự đoạn tận, đoạn ly, đoạn diệt, đoạn trừ, đoạn xả, tôi tuệ tri tâm tôi được giải thoát. Chư Hiền, vì rằng tôi biết như vậy, thấy như vậy, đối với năm thủ uẩn này, tôi có thể nói tâm tôi được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ".

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy cần phải được tán thán, phải được tùy hỷ với lời nói: "Lành thay". Sau khi tán thán, tùy hỷ với lời nói: "Lành thay", một câu hỏi nữa cần phải được hỏi thêm: *"Này Hiền giả, sáu giới này được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác chơn chánh nói lên. Thế nào là sáu? Địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới, thức giới. Sáu giới này, này Hiền giả, được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác nói lên. Nhưng biết cái gì, thấy cái gì với **sáu giới** này, Tôn giả có thể nói tâm của Tôn giả được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ?"*

Này các Tỷ-kheo, với Tỷ-kheo các lậu hoặc đã đoạn tận, tu hành thành mãn, những việc phải làm đã

làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã thành đạt mục đích, đã đoạn trừ hữu kiết sử, và đã được giải thoát nhờ chánh trí, câu trả lời tùy pháp của vị ấy phải như sau: "Chư Hiền, tôi đã đi đến địa giới như là không phải tự ngã, và (đi đến) tự ngã như là không tùy thuộc địa giới. Đối với những pháp là những chấp thủ phương tiện tùy thuộc địa giới, là những tâm cố chấp, thiên chấp, tùy miên; đối với những pháp ấy, với sự đoạn tận, đoạn ly, đoạn diệt, đoạn trừ, đoạn xả, tôi tuệ tri tâm tôi được giải thoát. Này chư Hiền, sau khi tôi đã đi đến thủy giới.. Này chư Hiền, sau khi tôi đã đi đến hỏa giới… Này chư Hiền, sau khi tôi đã đi đến phong giới... Này chư Hiền, sau khi tôi đã đi đến không giới... Này chư Hiền, sau khi tôi đã đi đến **thức giới như là không phải tự ngã,** và (đi đến) tự ngã như là không tùy thuộc thức giới. Đối với những pháp là những chấp thủ phương tiện tùy thuộc thức giới, là những tâm cố chấp, thiên chấp, tùy miên; đối với những pháp ấy, với sự đoạn tận, đoạn ly, đoạn diệt, đoạn trừ, đoạn xả, tôi tuệ tri tâm tôi được giải thoát. Chư Hiền, vì rằng tôi biết như vậy, thấy như vậy, đối với sáu giới này, tôi có thể nói tâm tôi được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ".

Này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo ấy cần phải được tán thán, cần phải được tùy hỷ với lời nói: "Lành thay". Sau khi tán thán tùy hỷ với lời nói: "Lành

thay", <u>một câu hỏi nữa cần phải được hỏi</u>: *"Này Hiền giả, sáu nội ngoại xứ này được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác chơn chánh nói lên. Thế nào là sáu? Mắt và sắc, tai và tiếng, mũi và hương, lưỡi và vị, thân và xúc, ý và pháp. Sáu nội ngoại xứ này, này Hiền giả, được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác nói lên. Nhưng biết cái gì, thấy cái gì, thấy cái gì đối với* ***<u>sáu nội ngoại xứ</u>*** *này, Tôn giả có thể nói tâm của Tôn giả được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ".*

Này các Tỷ-kheo, với Tỷ-kheo các lậu hoặc đã đoạn tận, tu hành thành mãn, những việc phải làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã thành đạt mục đích, đã đoạn trừ hữu kiết sử, và đã được giải thoát nhờ chánh trí, câu trả lời tùy pháp của vị ấy phải như sau: *"Chư Hiền, đối với mắt, đối với sắc, đối với nhãn thức, đối với những pháp được nhận thức bởi nhãn thức, phàm có dục gì, tham gì, hỷ gì, ái gì, phàm có những pháp chấp thủ phương tiện, những tâm cố chấp, thiên chấp, tùy miên. Đối với những pháp ấy, với sự đoạn tận, đoạn ly, đoạn diệt, đoạn trừ, đoạn xả, tôi tuệ tri tâm tôi được giải thoát. Chư Hiền, vì rằng tôi biết như vậy, thấy như vậy, đối với sáu nội ngoại xứ này, tôi có thể nói tâm tôi được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ. Chư Hiền, đối*

với tai, đối với tiếng, đối với nhĩ thức; chư Hiền, đối với mũi, đối với hương, đối với tỷ thức; chư Hiền, đối với lưỡi, đối với vị, đối với thiệt thức; chư Hiền, đối với thân, đối với xúc, đối với thân thức; chư Hiền, đối với ý, đối với pháp, đối với ý thức, đối với các pháp được nhận thức bởi ý thức, phàm có dục gì, tham gì, hỷ gì, ái gì, phàm có những chấp thủ phương tiện, những tâm cố chấp, thiên chấp, tùy miên; đối với những pháp ấy, với sự đoạn tận, đoạn ly, đoạn diệt, đoạn trừ, đoạn xả, tôi tuệ tri tâm tôi được giải thoát. Chư Hiền, vì rằng tôi biết như vậy, thấy như vậy, đối với sáu nội ngoại xứ này, tôi có thể nói tâm tôi được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ".

Này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo ấy cần phải được tán thán, cần phải được tùy hỷ với lời nói: "Lành thay!" Sau khi tán thán, tùy hỷ với lời nói: "Lành thay", một câu hỏi nữa cần phải được hỏi thêm: *"Nhưng này Hiền giả, do biết gì, thấy gì, do đối với các thân có nhận thức này và đối với tất cả tướng ở ngoài, Tôn giả có thể nói về mạn tùy miên: "Ta là người làm, sở thuộc của ta là người làm", **mạn tùy miên** của Tôn giả được đoạn trừ một cách hoàn toàn"?*

Chư Tỷ-kheo, đối với Tỷ-kheo các lậu hoặc đã

đoạn tận, tu hành thành mãn, những việc phải làm, đã làm, đã đặt gánh xuống, đã thành đạt mục đích, đã đoạn trừ hữu kiết sử, và đã được giải thoát nhờ chánh trí, câu trả lời tùy pháp của vị ấy phải như sau: *"Chư Hiền, thuở xưa, khi tôi chưa xuất gia, tôi còn ngu muội. Tôi được Như Lai, đệ tử Như Lai thuyết pháp. Sau khi nghe pháp. Tôi có lòng tịnh tín đối với Như Lai. Thành tựu được tịnh tín ấy, tôi suy nghĩ: "Đời sống gia đình đầy những triền phược, con đường đầy những bụi đời. Đời sống xuất gia phóng khoáng như hư không. Thật rất khó cho một người sống ở gia đình có thể sống theo Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ, hoàn toàn thanh tịnh, trắng bạch như vỏ ốc. Vậy ta nên cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình".*

"Chư Hiền, một thời gian sau, tôi từ bỏ tài sản nhỏ hay từ bỏ tài sản lớn, từ bỏ bà con quyến thuộc nhỏ hay từ bỏ bà con quyến thuộc lớn, cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, và xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Khi đã xuất gia như vậy, tôi thành tựu học giới và nếp sống các vị Tỷ-kheo, tôi từ bỏ sát sanh, tránh xa sát sanh, bỏ trượng bỏ kiếm, biết tàm quý, có lòng từ, sống thương xót tất cả chúng sanh và các loại hữu tình. Tôi từ bỏ lấy của không cho, tránh xa lấy của không cho, chỉ lấy những vật đã cho, chỉ mong những vật đã cho, tự sống thanh tịnh không có

trộm cướp. Tôi từ bỏ phi Phạm hạnh, sống theo Phạm hạnh, sống tránh xa (phi Phạm hạnh), từ bỏ dâm dục tục pháp. Tôi từ bỏ nói láo, tránh xa nói láo, nói những lời chơn thật, y chỉ trên sự thật, chắc chắn, đáng tin cậy, không phản lại đời. Tôi từ bỏ nói hai lưỡi, tránh xa nói hai lưỡi; nghe điều gì ở chỗ này, không đến nói chỗ kia để sanh chia rẽ ở những người này; nghe điều này ở chỗ kia, không đi nói với những người này, để sinh chia rẽ ở những người kia. Tôi sống hòa hợp những kẻ ly gián, khuyến khích những kẻ hòa hợp, hoan hỷ trong hòa hợp, thoải mái trong hòa hợp, hân hoan trong hòa hợp, nói những lời đưa đến hòa hợp. Tôi từ bỏ nói lời độc ác, tránh xa nói lời độc ác, tôi nói những lời nhẹ nhàng, thuận tai, dễ thương, thông cảm đến tâm, tao nhã, đẹp lòng nhiều người, tôi nói những lời nói như vậy. Tôi từ bỏ nói lời phù phiếm, tránh xa nói phù phiếm, nói đúng thời, nói những lời chân thật, nói những lời có ý nghĩa, nói những lời về Chánh pháp, nói những lời về luật, nói những lời đáng được gìn giữ, những lời hợp thời thuận lý, có mạch lạc hệ thống, có ích lợi. Tôi từ bỏ không làm hại đến các hột giống và các loại cây cỏ, dùng một ngày một bữa, không ăn ban đêm, từ bỏ không ăn phi thời. Tôi từ bỏ không đi xem múa, hát, nhạc, các cuộc trình diễn. Tôi từ bỏ không trang sức bằng vòng hoa, hương liệu, dầu thoa, các thời trang, các thời sức. Tôi từ bỏ không dùng giường cao và

giường lớn. Tôi từ bỏ không nhận các hạt sống. Tôi từ bỏ không nhận thịt sống. Tôi từ bỏ không nhận đàn bà, con gái. Tôi từ bỏ không nhận nô tỳ gái và trai. Tôi từ bỏ không nhận cừu dê. Tôi từ bỏ không nhận gia cầm và heo. Tôi từ bỏ không voi, bò, ngựa và ngựa cái. Tôi từ bỏ không nhận ruộng nương và đất đai. Tôi từ bỏ không nhận người môi giới hoặc tự mình làm môi giới. Tôi từ bỏ không buôn bán. Tôi từ bỏ các sự gian lận bằng cân tiền bạc và đo lường. Tôi từ bỏ các tà hạnh như hối lộ, gian trá, lừa đảo. Tôi từ bỏ không làm thương tổn, sát hại, câu thúc, bức đoạt, trộm cắp, cướp phá. Tôi bằng lòng (tri túc) với tấm y để che thân, với đồ ăn khất thực để nuôi bụng, đi tại chỗ nào cũng mang theo (y bát). Ví như con chim bay đến chỗ nào cũng mang theo hai cánh; cũng vậy, tôi bằng lòng với tấm y để che thân, với đồ ăn khất thực để nuôi bụng, đi tại chỗ nào cũng mang theo (y bát). Tôi thành tựu Thánh giới uẩn này, cảm giác lạc thọ thuộc nội tâm, không lỗi lầm. Khi mắt thấy sắc, tôi không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì, vì con mắt không được chế ngự khiến tham ái, ưu bi, các ác bất thiện pháp khởi lên, tôi tự chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì con mắt, thực hành sự hộ trì con mắt. Khi tai nghe tiếng... mũi ngửi hương... lưỡi nếm vị... thân cảm xúc... ý nhận thức các pháp, tôi không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những

nguyên nhân gì, vì ý căn không được chế ngự khiến tham ái ưu bi, các ác bất thiện pháp khởi lên, tôi tự chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì ý căn, thực hành sự hộ trì ý căn. Tôi thành tựu Thánh hộ trì các căn này, cảm giác lạc thọ thuộc nội tâm, không vẩn đục. Khi đi tới, khi đi lui, tôi đều tỉnh giác. Khi nhìn thẳng, khi nhìn quanh, tôi đều tỉnh giác. Khi co tay, khi duỗi tay, tôi đều tỉnh giác. Khi mang y kép, y bát, tôi đều tỉnh giác. Khi ăn, uống, nhai, nuốt, tôi đều tỉnh giác. Khi đi đại tiện, tiểu tiện, tôi đều tỉnh giác. Khi đi, đứng, ngồi, nằm, thức, nói, yên lặng, tôi đều tỉnh giác.

"Và tôi đều thành tựu Thánh giới uẩn này, thành tựu Thánh hộ trì các căn này và thành tựu Thánh chánh niệm tỉnh giác này chọn một chỗ thanh vắng, tịch mịch như rừng, gốc cây, khe núi, hang đá, bãi tha ma, lùm cây, ngoài trời, đống rơm. Sau khi đi khất thực về và ăn xong, tôi ngồi kiết-già, lưng thẳng tại chỗ nói trên và an trú chánh niệm trước mặt. Tôi từ bỏ tham ái ở đời, sống với tâm thoát ly tham ái, gột rửa tâm hết tham ái. Từ bỏ sân hận, tôi sống với tâm không sân hận, lòng từ mẫn thương xót tất cả chúng hữu tình, gột rữa tâm hết sân hân. Từ bỏ hôn trầm thụy miên, tôi sống thoát ly hôn trầm thụy miên, với tâm tưởng hướng về ánh sáng chánh niệm tỉnh giác, gột rửa tâm hết hôn trâm thụy miên. Trừ bỏ trạo cử

hối quá, tôi sống không trạo cử, hối quá, nội tâm trầm lặng, gột rửa tâm hết trạo cử, hối quá. Từ bỏ nghi ngờ, tôi sống thoát khỏi nghi ngờ, không phân vân lưỡng lự, gột rửa tâm hết nghi ngờ đối với thiện pháp.

"**<u>Tôi từ bỏ năm triền cái</u>**, các pháp làm cho tâm ô uế, làm cho trí tuệ muội lược này, ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và trú **<u>Thiền thứ nhất</u>**, một trạng thái hỷ lạc do ly dục, sanh có tầm có tứ. Tôi diệt tầm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm, không tứ, nội tỉnh nhất tâm. Tôi ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú Thiền thứ ba. Tôi xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú **<u>Thiền thứ tư</u>**, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh.

"Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, **<u>tôi dẫn tâm, hướng tâm đến lậu tận trí</u>**. Tôi biết như thật: "Đây là khổ", biết như thật: "Đây là nguyên nhân của khổ", biết như thật: "Đây là khổ diệt", biết như thật: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt", biết như thật: "Đây là những lậu hoặc", biết như thật: "Đây là nguyên nhân của lậu hoặc", biết như thật: "Đây là các lậu hoặc được đoạn trừ", biết như thật: "Đây là con đường đưa

đến các lậu hoặc được diệt trừ".

"Tôi nhờ biết như vậy, nhờ thấy như vậy, tâm của tôi thoát khỏi dục lậu, thoát khỏi hữu lậu, thoát khỏi vô minh lậu. Đối với tự thân đã giải thoát như vậy, tôi khởi lên sự hiểu biết: "Ta đã giải thoát"". Tôi biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm; không còn trở lui trạng thái này nữa".

"Chư Hiền do biết như vậy, thấy như vậy, đối với các thân có nhận thức này và đối với tất cả tướng ở ngoài, mạn tùy miên: "Ta là người làm, sở thuộc của ta là người làm", **mạn tùy miên** này được đoạn trừ một cách hoàn toàn".

Này các Tỷ-kheo Tỷ-kheo ấy cần phải được tán thán, cần phải được tùy hỷ với lời nói: "Lành thay!" Sau khi tán thán, tùy hỷ với lời nói: "Lành thay" vị ấy cần phải nói như sau: "Thật lợi ích thay cho chúng tôi, thật khéo lợi ích thay cho chúng tôi, khi chúng tôi được thấy một vị sống Phạm hạnh như Tôn giả".

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

27 Tuyên bố chánh trí - Tôn giả Sariputta - Kinh Kalàra – Tương II, 93

Kalàra – *Tương* II, 93

1). .. Trú ở Sàvatthi.

I

2) Rồi Tỷ-kheo Kalàra Khattiya đi đến Tôn giả Sàriputta; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Sàriputta những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên.

3) Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo Kalàra Khattiya nói với Tôn giả Sàriputta:

- Này Hiền giả Sàriputta, Tỷ-kheo Moliyap-hagguna đã từ bỏ học tập và hoàn tục.

- Vậy vị Tôn giả ấy, không tìm được sự an ủi trong Pháp và Luật này?

4) -Vậy Tôn giả Sàriputta đã đạt được sự an ủi trong Pháp và Luật này?

- Này Hiền giả, tôi không có nghi ngờ gì!

5) Này Hiền giả, còn đối với tương lai?

- Tôi <u>không</u> có băn khoăn, này Hiền giả.

6) Rồi Tỷ-kheo Kalàra Khattiya từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

7) Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo Kalàra Khattiya bạch Thế Tôn:

- Con được biết, bạch Thế Tôn, <u>Tôn giả Sàriputta tuyên bố được chánh trí</u> như sau: "Sanh đã tận; Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm; không còn trở lại trạng thái này nữa".

8) Rồi Thế Tôn gọi một Tỷ-kheo:

- Này Tỷ-kheo, hãy đi và nhân danh Ta, gọi Sàriputta: "Hiền giả Sàriputta, bậc Đạo Sư gọi Hiền giả".

9) Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn, đi đến Tôn giả Sàriputta; sau khi đến, nói với Tôn giả Sàriputta: "Bậc Đạo Sư cho gọi Hiền giả".

10) - Thưa vâng, Hiền giả.

Tôn giả Sàriputta vâng đáp Tỷ-kheo ấy, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

II

11) Thế Tôn nói với Tôn giả Sàriputta đang ngồi một bên:

- Này Sàriputta, có đúng sự thật chăng là Ông **có** tuyên bố đã chứng được chánh trí: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những gì nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa"?

- Bạch Thế Tôn, không phải với những câu ấy, với những chữ ấy, ý nghĩa ấy được con nói đến như vậy.

12) - Vậy với pháp môn nào, này Sàriputta, Thiện nam tử nói đến sự chứng đắc trí, lời tuyên bố cần phải được xem đúng như lời tuyên bố?

13) - Bạch Thế Tôn, chính con đã nói như sau: "Bạch Thế Tôn, không phải với những câu ấy, với những chữ ấy, ý nghĩa ấy được con nói đến như vậy".

14) - Nếu họ có hỏi Ông, này Sàriputta: "Ông biết như thế nào, này Sàriputta, Ông thấy như thế nào mà Ông tuyên bố trí đã được chứng đắc: "Ta biết sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những gì nên làm đã

làm, không còn trở lui lại trạng thái này nữa"?" Được hỏi vậy, này Sàriputta, Ông trả lời như thế nào?

15) - Nếu họ có hỏi con, bạch Thế Tôn: "Hiền giả biết như thế nào, này Hiền giả Sàriputta, Hiền giả thấy như thế nào mà tuyên bố trí đã được chứng đắc: "Ta đã biết, sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những gì nên làm đã làm, không còn trở lại trạng thái này nữa"?" Được hỏi vậy, bạch Thế Tôn, con trả lời như sau:

16) *"Vì rằng này Hiền giả, trong (danh từ) tận diệt, ta hiểu được là* ***sự tận diệt của nhân****, chính do nhân ấy* ***sanh*** *sanh khởi. Sau khi hiểu được nghĩa tận diệt trong (danh từ) tận diệt, ta mới biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những gì nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa." "*

Được hỏi như vậy, bạch Thế Tôn, con trả lời như vậy.

17) Này Sàriputta, nếu Ông được hỏi: "Này Hiền giả Sàriputta, sanh lấy gì làm nhân, lấy gì tập khởi, lấy gì tác sanh, lấy gì làm hiện hữu?" Được hỏi như vậy, này Sàriputta, Ông trả lời như thế nào?

18) Bạch Thế Tôn, nếu con được hỏi: "Này Hiền giả Sàriputta, sanh lấy gì làm nhân... (như trên)... lấy gì

làm hiện hữu?" Được hỏi vậy, Bạch Thế Tôn, con trả lời như sau: "**<u>Sanh</u>** lấy **<u>hữu</u>** làm nhân, lấy hữu tập khởi, lấy hữu tác sanh, lấy hữu làm hiện hữu"**.** Được hỏi vậy, bạch Thế Tôn, con trả lời như vậy.

19) Này Sàriputta, nếu Ông được hỏi: "Này Hiền giả Sàriputta, <u>hữu lấy gì làm nhân, lấy gì tập khởi, lấy gì tác sanh, lấy gì làm hiện hữu?</u>" Được hỏi vậy này Sàriputta, Ông trả lời như thế nào?

20) Bạch Thế Tôn, nếu con được hỏi: "Này Hiền giả Sàriputta, hữu lấy gì làm nhân... lấy gì làm hiện hữu?" Được hỏi vậy, Bạch Thế Tôn, con trả lời như sau: "**<u>Hữu</u>** lấy **<u>thủ</u>** làm nhân, lấy thủ tập khởi, lấy thủ tác sanh, lấy thủ làm hiện hữu". Được hỏi vậy, Bạch Thế Tôn, con trả lời như vậy.

21) Này Sàriputta, nếu Ông được hỏi: "Này Hiền giả Sàriputta, thủ lấy gì làm nhân... (như trên)..".

22-23) Và này Sàriputta, nếu Ông được hỏi: "Này Hiền giả Sàriputta, ái lấy gì làm nhân, lấy gì tập khởi, lấy gì tác sanh, lấy gì làm hiện hữu?" Được hỏi vậy, này Sàriputta, Ông trả lời như thế nào?

24) Bạch Thế Tôn, nếu con được hỏi: "Này Hiền giả Sàriputta, ái lấy gì làm nhân, lấy gì tập khởi, lấy gì tác sanh, lấy gì hiện hữu?". Được hỏi vậy, Bạch Thế

Tôn, con sẽ trả lời như sau: "Này Hiền giả, **ái** lấy **thọ** làm nhân, lấy thọ tập khởi, lấy thọ tác sanh, lấy thọ làm hiện hữu". Được hỏi vậy, Bạch Thế Tôn, con trả lời như vậy.

25) - Này Sàriputta, nếu Ông được hỏi: "Làm sao, này Hiền giả Sàriputta, Hiền giả biết như thế nào, Hiền giả thấy như thế nào, **cảm thọ diệu lạc** ấy không tồn tại?" Được hỏi vậy, này Sàriputta, Ông trả lời như thế nào?

26) - Bạch Thế Tôn, nếu con được hỏi: "Này Hiền giả Sàriputta, Hiền giả biết như thế nào, Hiền giả thấy như thế nào, cảm thọ diệu lạc không tồn tại?" Được hỏi vậy, Bạch Thế Tôn con trả lời như sau:

27) - "Này Hiền giả, có ba cảm thọ này. Thế nào là ba? Lạc thọ, khổ thọ, phi khổ phi lạc thọ. Này Hiền giả, **ba cảm thọ này vô thường**, khi biết được cái gì vô thường là khổ, thời **cảm thọ diệu lạc** ấy không tồn tại ".

Được hỏi vậy, bạch Thế Tôn con trả lời như vậy.

28) - Lành thay, lành thay này Sàriputta! Pháp môn (phương tiện) này, này Sàriputta, có thể trả lời tóm tắt như sau: **Cái gì được cảm thọ, cái ấy nằm trong đau khổ.**

29) -Này Sàriputta, nếu Ông được hỏi: "Hiền giả được giải thoát như thế nào, này Hiền giả Sàriputta, mà Hiền giả tuyên bố trí đã được chứng đắc: "Ta biết: Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, các việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa"?" Được hỏi vậy, này Sàriputta, Ông trả lời như thế nào?

30) -Bạch Thế Tôn, nếu con được hỏi: "Hiền giả được giải thoát như thế nào, này Hiền giả Sàriputta, mà Hiền giả tuyên bố trí đã được chứng đắc: "Ta biết: Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, các việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa"?" Được hỏi vậy, bạch Thế Tôn, con trả lời như sau:

31) ***"Do tự giải thoát,*** *chư Hiền giả,* ***do đoạn diệt tất cả chấp thủ, ta sống an trú chánh niệm như vậy. Nhờ sống an trú chánh niệm như vậy, các lậu hoặc không còn tiếp tục rỉ chảy, và ta không chấp nhận tự ngã".***

Được hỏi vậy, bạch Thế Tôn, con trả lời như vậy.

32) -Lành thay, lành thay này Sàriputta! Pháp môn (phương tiện) này, này Sàriputta, có thể trả lời tóm tắt như sau: *Những cái gì được vị Sa-môn gọi là* ***lậu hoặc****, ta không còn nghi ngờ gì nữa, chúng đã được ta diệt tận. Ta không còn phân vân gì nữa.*

33) Nói vậy xong, Thế Tôn từ chỗ ngồi đứng dậy đi vào tịnh xá.

III

34) Rồi Tôn giả Sàriputta, sau khi Thế Tôn đi chẳng lao lâu, liền bảo các Tỷ-kheo:

35) -Này chư Hiền giả, Thế Tôn hỏi ta câu hỏi thứ nhất mà ta chưa được biết trước, lúc ấy trí ta còn chậm chạp. Nhưng này chư Hiền giả, khi Thế Tôn tùy hỷ (trả lời câu) hỏi thứ nhất của ta, ta suy nghĩ như sau:

36) "Nếu Thế Tôn hỏi ta ý nghĩa trọn ngày với những văn cú sai khác, với những pháp môn (phương tiện) sai khác, thời ta có thể trả lời Thế Tôn về ý nghĩa ấy cho đến trọn ngày với những văn cú sai khác, với những pháp môn sai khác.

37) Nếu Thế Tôn hỏi ta ý nghĩa trọn đêm với những văn cú sai khác, với những pháp môn (phương tiện) sai khác, thời ta có thể trả lời Thế Tôn về ý nghĩa ấy cho đến trọn đêm với những văn cú sai khác, với những pháp môn (phương tiện) sai khác.

38) Nếu Thế Tôn hỏi ta ý nghĩa trọn đêm và trọn ngày với những văn cú sai khác, với những pháp môn

(phương tiện) sai khác, thời ta có thể trả lời Thế Tôn về ý nghĩa ấy cho đến trọn đêm và trọn ngày với những văn cú sai khác, với những pháp môn (phương tiện) sai khác.

39) Nếu Thế Tôn hỏi ta ý nghĩa này trọn hai đêm hai ngày, ta có thể trả lời Thế Tôn về ý nghĩa ấy trọn hai đêm hai ngày.

40) Nếu Thế Tôn hỏi ta ý nghĩa này trọn ba đêm ba ngày, ta có thể trả lời Thế Tôn về ý nghĩa ấy trọn ba đêm ba ngày.

41) Nếu Thế Tôn hỏi ta ý nghĩa này trọn bốn đêm bốn ngày, ta có thể trả lời Thế Tôn về ý nghĩa ấy trọn bốn đêm bốn ngày.

42) Nếu Thế Tôn hỏi ta ý nghĩa này trọn năm đêm năm ngày, ta có thể trả lời Thế Tôn về ý nghĩa này trọn năm đêm năm ngày.

43) Nếu Thế Tôn hỏi ta ý nghĩa này trọn sáu đêm sáu ngày, ta có thể trả lời Thế Tôn về ý nghĩa này trọn sáu đêm sáu ngày.

44) Nếu Thế Tôn hỏi ta ý nghĩa này trọn bảy đêm bảy ngày với những văn cú sai khác, với những pháp môn (phương tiện) sai khác, ta có thể trả lời Thế Tôn

về ý nghĩa này trọn bảy đêm bảy ngày với những văn cú sai khác, với những pháp môn (phương tiện) sai khác".

IV

45) Rồi Tỷ-kheo Kalàra Khattiya từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến Thế Tôn, sau khi đến đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

46) Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo Kalàra Khattiya bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Tôn giả Sàriputta đã rống lên tiếng rống con sư tử như sau: Này chư Hiền giả, Thế Tôn hỏi ta câu hỏi thứ nhất, mà ta chưa được biết trước, lúc ấy trí ta còn chậm chạp. Nhưng này chư Hiền giả, khi Thế Tôn tùy hỷ (trả lời câu) hỏi thứ nhất của ta, ta suy nghĩ như sau: "Nếu Thế Tôn hỏi ta về ý nghĩa này trọn ngày với những văn cú sai khác, với những phương tiện sai khác, ta có thể trả lời Thế Tôn về ý nghĩa ấy cho đến trọn ngày với những văn cú sai khác, với những pháp môn sai khác. Nếu Thế Tôn hỏi ta về ý nghĩa này cho đến trọn đêm... cho đến trọn đêm và trọn ngày... cho đến trọn ba... trọn bốn..., cho đến trọn năm... trọn sáu... trọn bảy đêm ngày với

những văn cú sai khác, với những phương tiện sai khác".

47) -Này các Tỷ-kheo, **pháp giới ấy** (Dhammadhàtu) được Sàriputta khéo thành đạt. **Do khéo thành đạt pháp giới ấy**, nếu Ta hỏi Sàriputta về ý nghĩa này trọn ngày với những văn cú sai khác, với những phương tiện sai khác, thời Sàriputta có thể trả lời Ta về ý nghĩa này cho đến trọn ngày, với những văn cú sai khác, với những phương tiện sai khác.

- Nếu Ta hỏi Sàriputta về ý nghĩa này cho đến trọn đêm với những văn cú sai khác, với những phương tiện sai khác, thời Sàriputta có thể trả lời Ta về ý nghĩa này cho đến trọn đêm với những văn cú sai khác, với những phương tiện sai khác.
- Nếu Ta hỏi Sàriputta về ý nghĩa này cho đến trọn đêm và trọn ngày, Sàriputta có thể trả lời Ta về ý nghĩa này cho đến trọn đêm và trọn ngày.
- Nếu Ta hỏi Sàriputta về ý nghĩa này cho đến trọn cả hai đêm và hai ngày, Sàriputta có thể trả lời Ta về ý nghĩa này cho đến trọn cả hai đêm hai ngày.
- Nếu Ta hỏi Sàriputta về ý nghĩa này cho đến trọn cả ba đêm ba ngày, Sàriputta có thể trả lời Ta về ý nghĩa này cho đến cả ba đêm ba ngày.

- Nếu Ta hỏi Sàriputta về ý nghĩa này cho đến trọn bốn đêm bốn ngày, Sàriputta có thể trả lời Ta về ý nghĩa này cho đến bốn đêm bốn ngày.
- Nếu Ta hỏi Sàriputta về ý nghĩa này cho đến trọn năm đêm năm ngày, Sàriputta có thể trả lời Ta về ý nghĩa này cho đến trọn năm đêm năm ngày.
- Nếu Ta hỏi Sàriputta về ý nghĩa này cho đến trọn sáu đêm sáu ngày, Sàriputta có thể trả lời Ta về ý nghĩa này cho đến trọn sáu đêm sáu ngày.
- Nếu Ta hỏi Sàriputta về ý nghĩa này trọn bảy đêm bảy ngày với những văn cú sai khác, với những pháp môn sai khác, Sàriputta có thể trả lời cho Ta về ý nghĩa ấy cho đến trọn bảy đêm bảy ngày với những văn cú sai khác, với những pháp môn sai khác.

28 Tuyên bố chánh trí - Tôn giả Sona - Kinh SONA – Tăng III, 155

SONA –*Tăng* III, 155

1. Như vầy tôi nghe:

Một thời, Thế Tôn trú tại Ràjagaha (Vương Xá) núi Gijjhakùta (Linh Thứu). Lúc bấy giờ Tôn giả Sona trú ở Ràjagaha, tại rừng Sìta. Rồi Tôn giả Sona, trong khi độc cư Thiền tịnh, tư tưởng sau đây được khởi lên: *"Những ai là đệ tử Thế Tôn, sống tinh cần tinh tấn, ta là một trong những vị ấy. Nhưng ta còn chấp thủ, tâm chưa giải thoát khỏi các lậu hoặc. Gia đình ta có tài sản, và ta có thể hưởng thọ tài sản và làm điều công đức. Vậy ta hãy từ bỏ học pháp, hoàn tục, thọ hưởng tài sản và làm các công đức".*

Rồi Thế Tôn với tâm của mình biết được tâm của Tôn giả Sona, như một người lực sĩ duỗi cánh tay đang co lại hay co lại cánh tay đang duỗi ra, biến mất từ núi Gijjhakùta, hiện ra trước mặt Tôn giả Sona, ở rừng Sìta. Thế Tôn ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Tôn giả Sona đảnh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Sona đang ngồi một bên:

- Này Sona, có phải trong khi thầy độc cư Thiền tịnh, tư tưởng sau đây được khởi lên: "Những ai là đệ tử Thế Tôn, sống tinh cần tinh tấn, ta là một trong những vị ấy. Nhưng ta còn chấp thủ, tâm chưa giải thoát các lậu hoặc. Gia đình ta có tài sản, ta có thể hưởng thọ tài sản ấy và làm các công đức. Vậy ta hãy từ bỏ học pháp, hoàn tục, thọ hưởng tài sản và làm các công đức"?

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

- Thầy nghĩ thế nào, này Sona? Có phải thuở trước, khi còn là gia chủ, Thầy giỏi đánh đàn Tỳ-bà có dây?

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

- Thầy nghĩ thế nào, này Sona? Khi những sợi dây đàn tỳ-bà của Thầy quá căng thẳng, trong khi ấy, đàn tỳ-bà của Thầy có phát âm hay sử dụng được không?

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

- Thầy nghĩ thế nào, này Sona? Khi những sợi dây đàn tỳ-bà của Thầy quá chùng, trong khi ấy, đàn tỳ-bà của Thầy có phát âm hay sử dụng được không?

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

- Nhưng này Sona? Khi những sợi dây đàn tỳ-bà của Thầy không quá căng thẳng, không quá chùng xuống, nhưng vặn đúng mức trung bình, trong khi ấy, đàn tỳ-bà của Thầy có phát âm hay sử dụng được không?

- Thưa được, bạch Thế Tôn.

- *Cũng vậy, này Sona,* ***khi tinh cần tinh tấn quá căng thẳng, thời đưa đến dao động; khi tinh cần tinh tấn quá thụ động, thời đưa đến biếng nhác. Do vậy, này Sona, Thầy phải an trú tinh tấn một cách bình đẳng, thể nhập các căn một cách bình đẳng, rồi tại đấy nắm giữ tướng.***

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Sona vâng đáp Thế Tôn. Rồi Thế Tôn sau khi giáo giới Tôn giả Sona với lời giáo giới, như một nhà lực sĩ duỗi cánh tay đang co lại, hay co lại cánh tay đang duỗi ra, cũng vậy, Thế Tôn biến mất tại rừng Sìta và hiện ra ở núi Gijjhakùta.

2. Rồi Tôn giả Sona, sau một thời gian an trú tinh tấn một cách bình đẳng, thể nhập các căn một cách bình đẳng và tại đấy nắm giữ tướng.

Rồi Tôn giả Sona sống độc cư, an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, không bao lâu, do mục đích gì các thiện nam tử chơn chánh xuất gia từ bỏ gia đình sống không gia đình, vị ấy ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ và chứng đạt vô thượng cứu cánh Phạm hạnh. Vị ấy rõ biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc gì nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái nay nữa". Tôn giả Sona trở thành một vị A-la-hán.

Sau khi chứng được A-la-hán, Tôn giả Sona suy nghĩ như sau: "Ta hãy đi đến Thế Tôn; sau khi đến, ta sẽ nói lên ý nghĩa này với Thế Tôn".

Rồi Tôn giả Sona đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Sona bạch Thế Tôn:

3. - *Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo nào là bậc A-la-hán, đã đoạn tận các lậu hoặc, Phạm hạnh đã thành, đã làm những việc cần làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã đạt được mục đích, hữu kiết sử đã trừ diệt, đã được giải thoát nhờ chánh trí; vị ấy có sáu chỗ để xu hướng:*

- *Xu hướng xuất ly,*
- *Xu hướng viễn ly,*
- *Xu hướng vô sân,*
- *Xu hướng ái diệt,*
- *Xu hướng thủ diệt,*
- *Xu hướng vô si.*

4. *Bạch Thế Tôn, có thể ở đây, một số Tôn giả suy nghĩ như sau: "Tôn giả này hoàn toàn chỉ y cứ trên tín, có xu hướng xuất ly". Vị Tôn giả ấy chớ có quan điểm như vậy! Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, bạch Thế Tôn, Phạm hạnh đã thành, các việc nên làm đã làm, không còn thấy trong mình còn cái gì cần làm, hay còn cái gì cần phải làm thêm; do* ***đoạn***

***diệt tham ái**, do viễn ly tham ái, vị ấy hướng tâm đến xu hướng xuất ly; do **đoạn diệt sân**, do viễn ly sân, vị ấy hướng tâm đến xu hướng xuất ly; do **đoạn diệt si**, do viễn ly si, vị ấy hướng tâm đến xu hướng xuất ly.*

5. *Bạch Thế Tôn, có thể ở đây một số Tôn giả suy nghĩ như sau: "Tôn giả này do tham muốn lợi dưỡng, cung kính, danh tiếng nên hướng tâm về xu hướng viễn ly". Tôn giả ấy chớ có quan điểm như vậy! Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, đã thành tựu Phạm hạnh, đã làm những việc phải làm, không còn thấy trong mình còn cái gì cần làm hay còn cái gì cần phải làm thêm; do đoạn diệt tham ái, do viễn ly tham ái, vị ấy hướng tâm đến xu hướng viễn ly; do đoạn diệt sân, do viễn ly sân, vị ấy hướng tâm đến xu hướng viễn ly; do đoạn diệt si, do viễn ly si, vị ấy hướng tâm đến xu hướng viễn ly.*

6-9. *Bạch Thế Tôn, có thể đây một số Tôn giả suy nghĩ như sau: "Do đi ngược trở lại tối thắng giới cấm thủ, Tôn giả này hướng tâm đến xu hướng vô sân". Tôn giả ấy chớ có quan điểm như vậy! Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, đã thành tựu Phạm hạnh, đã làm những việc phải làm, không còn thấy trong mình còn cái gì cần phải làm hay còn cái gì cần phải làm thêm; do đoạn diệt tham ái, do viễn ly tham ái, vị ấy hướng tâm đến xu hướng vô tham; do đoạn diệt sân, do viễn ly sân, vị ấy hướng tâm đến*

xu hướng vô sân; do đoạn diệt si, do viễn ly si, vị ấy hướng tâm đến xu hướng vô si.

... Do đoạn diệt tham ái, do viễn ly tham ái, vị ấy hướng tâm đến xu hướng ái diệt; do đoạn diệt sân, do viễn ly sân, vị ấy hướng tâm đến xu hướng ái diệt; do đoạn diệt si, do viễn ly si, vị ấy hướng tâm đến xu hướng ái diệt.

...Do đoạn diệt tham ái, do viễn ly tham ái, vị ấy hướng tâm đến xu hướng thủ diệt; do đoạn diệt sân, do viễn ly sân, vị ấy hướng tâm đến xu hướng thủ diệt; do đoạn diệt si, do viễn ly si, vị ấy hướng tâm đến xu hướng thủ diệt.

...Do đoạn diệt tham ái, do viễn ly tham ái, vị ấy hướng tâm đến xu hướng vô si; do đoạn diệt sân, do viễn ly sân, vị ấy hướng tâm đến xu hướng vô si; do đoạn diệt si, do viễn ly si, vị ấy hướng tâm đến xu hướng vô si.

10. *Như vậy, với Tỷ-kheo có tâm chơn chánh giải thoát, bạch Thế Tôn, nếu nhiều sắc do mắt nhận thức đi vào trong giới vức của mắt, chúng không chinh phục tâm vị ấy, và tâm vị ấy không lộn xộn, an trú, đạt được không dao động, quán thấy tánh diệt của chúng.*

Nếu nhiều tiếng do tai nhận thức... nếu nhiều hương do mũi nhận thức... nếu nhiều vị do lưỡi nhận thức... nếu nhiều xúc do thân nhận thức... nếu nhiều pháp

do ý nhận thức đi vào trong giới vức của ý, chúng không chinh phục tâm của vị ấy, và tâm vị ấy không lộn xộn, an trú, đạt được không dao động, quán thấy tánh diệt của chúng.

11. Ví như, bạch Thế Tôn, một hòn núi đá, không có rạn nứt, không có trống bọng, một tảng đá lớn, nếu từ phương Đông mưa to gió lớn đến, không có làm rung động, rung chuyển, chuyển động mạnh núi đá ấy. Nếu từ phương Tây mưa to gió lớn đến... nếu từ phương Bắc mưa to gió lớn đến....nếu từ phương Nam mưa to gió lớn đến, không có làm rung động, rung chuyển, chuyển động mạnh núi đá ấy.

Cũng vậy, bạch Thế Tôn, với Tỷ-kheo có tâm chơn chánh giải thoát, nếu nhiều sắc do mắt nhận thức đi vào trong giới vức của mắt, chúng không chinh phục tâm vị ấy, và tâm vị ấy không lộn xộn, an trú, đạt được không dao động, quán thấy tánh diệt của chúng. Nếu nhiều tiếng do tai nhận thức... nếu nhiều hương do mũi nhận thức... nếu nhiều vị do lưỡi nhận thức... nếu nhiều xúc do thân nhận thức, nếu nhiều pháp do ý nhận thức đi vào trong giới vức của ý, chúng không chinh phục tâm vị ấy, và tâm vị ấy không lộn xộn, an trú, đạt được không dao động, quán thấy tánh diệt của chúng.

Với ai hướng ***xuất ly****,*
Tâm xu hướng ***viễn ly,***

Với ai hướng ***vô sân****,*
Tâm xu hướng ***thủ diệt****,*
Với ai hướng ***ái diệt****,*
Tâm xu hướng ***vô si****,*
Có thấy xứ sanh khởi,
Tâm được chánh giải thoát.

Với vị chánh giải thoát,
Vị Tỷ-kheo tâm tịnh,
Không cần làm thêm gì,
Không có gì phải làm.
Như hòn núi đá tảng,
Gió không thể dao động,
Cũng vậy, toàn thể sắc,
Vị, tiếng, và hương, xúc,
Cho đến tất cả pháp,
Khả ái, không khả ái,
Không có thể dao động,
Một vị được như vậy,
Tâm kiên trú, giải thoát,
Thấy tánh diệt của chúng.